

VŨ THỊ PHƯƠNG ANH, HOÀNG THỊ TUYẾT

GIÁO TRÌNH

**Kiểm Tra Đánh Giá Kết
Quả Học Tập Ở Tiểu Học**

Ebook.moet.gov.vn, 2008

ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC
(TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN TIỂU HỌC)

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUU' THAO

Biên soạn :

TS. VŨ THỊ PHƯƠNG ANH
ThS. HOÀNG THỊ TUYẾT

Biên tập nội dung :

NGUYỄN DANH KHOA
NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Biên tập tái bản :

NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG

Thiết kế sách và biên tập mỹ thuật :

NGUYỄN THỊ CÚC PHƯƠNG

Trình bày bìa:

HOÀNG PHƯƠNG LIÊN

Sửa bản in :

PHÒNG SỬA BẢN IN – NXB GIÁO DỤC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

Chế bản tại :

PHÒNG SẮP CHỮ ĐIỆN TỬ – NXB GIÁO DỤC TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

371(07)
GD – 06 127-2006/CXB/160-177/GD

Mã số : PGK57n6

LỜI NÓI ĐẦU

Để góp phần đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng giáo viên tiểu học, Dự án phát triển giáo viên tiểu học đã tổ chức biên soạn các môđun đào tạo theo chương trình Cao đẳng sư phạm và chương trình liên thông từ Trung học sư phạm lên Cao đẳng sư phạm; biên soạn các môđun bồi dưỡng giáo viên nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật những đổi mới về nội dung, phương pháp dạy học và đánh giá kết quả giáo dục tiểu học theo chương trình, sách giáo khoa tiểu học mới.

Điểm mới của các tài liệu viết theo môđun là thiết kế các hoạt động, nhằm tích cực hóa hoạt động học tập của người học, kích thích óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của người học; chú trọng sử dụng tích hợp nhiều phương tiện truyền đạt khác nhau (tài liệu in, băng hình/ băng tiếng...) giúp cho người học dễ học, dễ hiểu và gây được hứng thú học tập.

Tài liệu **Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học** được Viện Nghiên cứu Giáo dục thuộc Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh tổ chức biên soạn nhằm mục đích phát triển những hiểu biết và kĩ năng cơ bản của giáo viên trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.

Tài liệu gồm ba phần:

- Phần một: Giới thiệu chung về tài liệu.
- Phần hai: Nội dung môđun “Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học”.
- Phần ba: Phụ lục.

Phần hai là phần chính của tài liệu, được biên soạn theo hình thức môđun bao gồm 5 tiểu môđun:

1. Khái niệm cơ bản và chức năng của đánh giá kết quả học tập.
2. Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.
3. Hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.
4. Nội dung đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.
5. Kĩ thuật đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

Mỗi tiểu môđun gồm một số chủ đề, ít nhất là 2 và nhiều nhất là 7 chủ đề. Mỗi chủ đề được thiết kế theo cùng một mô thức như sau:

- Giới thiệu chung về chủ đề;
- Các hoạt động và nhiệm vụ;
- Thông tin cơ bản cho hoạt động;
- Bài tập đánh giá.

Cuối mỗi tiểu môđun có phần thông tin phản hồi cho các hoạt động và bài tập đã được đề ra trong tiểu môđun ấy. Và sau phần thông tin phản hồi là một số bài tập gợi ý để đánh giá học viên sau khi học.

Lần đầu tiên, tài liệu được biên soạn theo chương trình và phương pháp mới, chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Ban điều phối Dự án rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành của bạn đọc, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, sinh viên các trường Sư phạm, giáo viên tiểu học trong cả nước.

Trân trọng cảm ơn.

DỰ ÁN PHÁT TRIỂN GIÁO VIÊN TIỂU HỌC

PHẦN MỘT

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TÀI LIỆU

1. MỤC TIÊU

Sau khi nghiên cứu tài liệu bồi dưỡng về “*Đánh giá kết quả học tập ở tiểu học*”, học viên cần đạt được những mục tiêu sau đây:

a) Về kiến thức

- Nắm vững những khái niệm cơ bản về đánh giá, nguyên tắc, loại hình, nội dung và kỹ thuật đánh giá kết quả học tập.
- Hình thành và phát triển những quan niệm lí luận về đánh giá, định hướng cho việc thực hiện đánh giá kết quả học tập ở tiểu học.

b) Về kỹ năng

- Vận dụng có hiệu quả hiểu biết về nguyên tắc, loại hình, kỹ thuật đánh giá kết quả học tập ở tiểu học để: ra đề, soạn bài tập, xây dựng câu trắc nghiệm, chấm bài, nhận xét, cho điểm.
- Biết cách thành lập hồ sơ, tính điểm tổng hợp, ghi nhận xét về học lực và hạnh kiểm của học sinh.
- Biết cách theo dõi, quan sát hành vi của học sinh trong học tập và sinh hoạt tập thể.

c) Về thái độ

- Trân trọng kết quả học tập của học sinh, theo dõi các hoạt động đánh giá ở tiểu học một cách hệ thống, khoa học.
- Khách quan, công bằng đúng mực trong việc đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- Tích cực đấu tranh, phê phán những biểu hiện hành vi tiêu cực trong lĩnh vực thi cử, kiểm tra ở trường tiểu học nói riêng và xã hội nói chung.

2. CÁCH SỬ DỤNG TÀI LIỆU

a) Điểm cốt lõi của các tài liệu viết theo môđun là thiết kế các hoạt động, nhằm tích cực hoá hoạt động học tập của người học, kích thích óc sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề, tạo điều kiện phát triển khả năng tự học, tự giám sát và đánh giá kết quả học tập của mình, chú trọng sử dụng tích hợp nhiều phương tiện truyền đạt khác nhau (tài liệu in, băng hình/ băng tiếng...) nhằm giúp người học dễ hiểu và hứng thú học tập. Nói cách khác, người học có thể sử dụng môđun này như một tài liệu để tự học.

b) Khi học tập môđun này, ở từng chủ đề hay tiểu môđun, người học cần thực hiện liên hoàn các hoạt động sau:

- Xác định mục tiêu cần đạt;
- Phân tích các nhiệm vụ cần thực hiện trong mỗi hoạt động;
- Đọc và sử dụng các thông tin cơ bản để thực hiện các nhiệm vụ học tập nắm kiến thức mới (người học có thể vận dụng cả những thông tin ngoài tài liệu, những hiểu biết, kinh nghiệm đã có);
- Thực hiện một số bài tập đánh giá trong tài liệu để vận dụng, giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn đánh giá. Sau đó, đối chiếu những kết quả đạt được với những mục tiêu đã xác định để tự kiểm soát và điều chỉnh kết quả học tập của bản thân.

c) Để tham gia tích cực các hoạt động trên lớp, cần dành thời gian để:

- Đọc trước và viết ra những ghi nhận hay suy nghĩ của mình về bài đọc;
- Hoàn thành một số bài tập hoặc các đề án được giao sau khi học một tiểu môđun.

d) Thông qua các hoạt động và bài tập, người học liên hệ kiến thức với thực tiễn công việc của cá nhân, cũng như ứng dụng kiến thức vào thực tiễn đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, chia sẻ tư tưởng, kinh nghiệm với bạn học, đặc biệt là về mặt thực tiễn.

e) Ngoài ra, trong khi tìm hiểu và nghiên cứu tài liệu, cần tham khảo các văn bản chỉ đạo về đánh giá kết quả học tập ở tiểu học, các bài trắc nghiệm mẫu (đã nêu trong Phần Phụ lục), chương trình và sách giáo khoa các môn ở tiểu học.

3. TÀI LIỆU THAM KHẢO VÀ CÁC PHƯƠNG TIỆN HỖ TRỢ HỌC TẬP

a) Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Chương trình tiểu học*, NXB Giáo dục 2002.

Bộ Giáo dục & Đào tạo, “*Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học*” (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT).

Bộ Giáo dục & Đào tạo, *Tài liệu tập huấn về đổi mới đánh giá ở tiểu học*, TP. HCM, 1999.

Dự án Việt-Bi “Hỗ trợ từ xa”, *Hướng dẫn giáo viên : về mục tiêu sư phạm, về đánh giá, về tổ chức hội thảo*, Hà Nội, 1999.

Dương Thiệu Tống, *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập* (Phương pháp thực hành), Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1995.

Đặng Huỳnh Mai, *Một số vấn đề cơ bản cần quan tâm khi triển khai đổi mới giáo dục bậc tiểu học*. Tạp chí Giáo dục, số 54 tháng 3/2003.

Đặng Huỳnh Mai, *Những quan điểm mới về đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học phù hợp với hướng phát triển một nền giáo dục Việt Nam hiện đại và nhân văn*, Tạp chí Giáo dục số 93, tháng 8/2004, tr. 17-19.

Đỗ Đình Hoan, *Một số vấn đề cơ bản của chương trình tiểu học mới*, NXB Giáo dục, 2002.

Farley, F; Thuur Nguyễn – Hoàng Quốc Bảo, *Kiểm tra và đánh giá trong lớp tiểu học Việt Nam*, Dự án giáo dục cơ bản và đào tạo giáo viên tại Bình Thuận của tổ chức Save the Children- Australia, 2002.

Nguyễn Công Khanh, *Xúc cảm, tình cảm và kỹ năng xã hội ở học sinh THPT*. Tâm lí học số 6/2005, tr. 41-47.

Nguyễn Hữu Châu, *Sự phân loại các mục tiêu giáo dục và vấn đề đánh giá chất lượng giáo dục*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, 5/1998, tr. 3 –7, 1998.

Nguyễn Minh Phương, *Về việc xác định nội dung dạy học theo định hướng phát triển năng lực của người học*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 5/1996, tr.21-23.

Nguyễn Thị Hạnh, *Một số vấn đề về đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục, 2003.

Nguyễn Trí, *Dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục, 2003.

Vũ Văn Tào, *Yêu cầu đối với mục tiêu – nội dung – phương pháp giáo dục: xu thế và hiện thực*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 4/1995, tr.10-11.

Airasian, W.P. *Assessment in the Classroom: A Concise Approach* (2nd ed), McGraw-Hill, 2000.

Cardinet, J, *Nhận xét của giáo viên về đánh giá học sinh* (bản dịch), Hà Nội, 1999.

David & Wendy Clemson, *The Really Practical guide to Primary Assessment*, Stanley Thornes Ltd, 1995.

Driscoll, M. & Bryant, D., *Learning about Assessment. Learning through Assessment*. National Academy Press. Washington, D.C, 1998.

Germaine, K- Rea-Dickins, P., *Evaluation: Language Teaching: A Scheme for Teacher Education*, Editors: C.N Candlin and HG Widdowson, Oxford University Press,1992.

Haladyna, T.M., *Wrting Test Items to Evaluate Higher Order Thinking*, Allyn and Bacon, 1997.

Hopkins, K.D. et al, *Educational and Psychological Measurement and Evaluation*, 7th ed, Allyn and Bacon, 1990.

Keeley. Meg *The basics of Effective learning*, Bucks County Community College <http://www.bucks.edu/~specpop/time-manage.htm>, 1997.

Linn, L.R. & Gronlund, N.E., (8 th edition) *Measurement and Assessment in teaching*, Prentice Hall, Inc, 2000.

Merrell, K.W, *Social skills of Children and Adolescents: Conceptualization, Assessment, Treatment*. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers Mahwah, New Jersey London, 1998.

Murray-Harvey, R., *Assessment for Learning: A guide for Academics*, Flinders Press, 1996.

Romisowski, A., *The Development of Physical Skills: Instruction in the Psychomotor Skills*. Ch 19 In *Instructional Design Theories and Models: A New Paradigm of Instructional Theory*, Volume II, PP 341-369) C.M Reigeluth (ed.) Matwah NJ. Lawrence Erlbaum Associates, Inc, 1999.

Wong-Kam, J. et al, *Elevating Expectations*, Heinemann Portsmouth, NH, 2001.

b) Bảng hình

1. Bảng hình về kiểm tra miệng và kỹ thuật quan sát, cho nhận xét.
2. Bảng hình về việc chấm bài tự luận.

PHẦN HAI
NỘI DUNG MÔĐUN
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP
Ở TIỂU HỌC

- ◆ **Tiểu môđun 1:** Khái niệm cơ bản và chức năng của đánh giá kết quả học tập
- ◆ **Tiểu môđun 2:** Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập ở tiểu học
- ◆ **Tiểu môđun 3:** Hình thức kiểm tra và đánh giá kết quả học tập ở tiểu học
- ◆ **Tiểu môđun 4:** Nội dung đánh giá kết quả học tập ở tiểu học
- ◆ **Tiểu môđun 5:** Kỹ thuật đánh giá kết quả học tập ở tiểu học

TIÊU MÔĐUN 1

KHÁI NIỆM CƠ BẢN VÀ CHỨC NĂNG CỦA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Chủ đề 1: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Hoạt động 1:

TÌM HIỂU NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ "ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC



NHIỆM VỤ:

- Trước khi đọc thông tin cơ bản về “Khái niệm cơ bản về đánh giá kết quả học tập”, học viên, bằng kinh nghiệm thực tiễn của bản thân, phát biểu trả lời câu hỏi: Đánh giá kết quả học tập là gì?
- Sau đó, học viên đọc thông tin cơ bản ở bên dưới, đối chiếu thông tin này với phát biểu trên.



THÔNG TIN CƠ BẢN

Những khái niệm cơ bản về đánh giá kết quả học tập

- Kiểm tra* là thuật ngữ chỉ cách thức hoặc hoạt động giáo viên sử dụng để thu thập thông tin về biểu hiện kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh trong học tập nhằm cung cấp dữ kiện làm cơ sở cho việc đánh giá.
- Đánh giá* kết quả học tập là thuật ngữ chỉ quá trình hình thành những nhận định, rút ra những kết luận hoặc phán đoán về trình độ, phẩm chất của người học, hoặc đưa ra những quyết định về việc dạy học dựa trên cơ sở những thông tin đã thu thập được một cách hệ thống trong quá trình kiểm tra. Trong khuôn khổ tài liệu này, đánh giá kết quả học tập được hiểu là đánh giá học sinh về học lực và hạnh kiểm thông qua quá trình học tập các môn học cũng như các hoạt động khác trong phạm vi nhà trường.
- Đo lường* chỉ việc ghi nhận và mô tả kết quả làm bài kiểm tra của mỗi học sinh bằng một số đo, dựa theo những quy tắc đã định.
- Lượng giá* là đưa ra những thông tin ước lượng trình độ kiến thức, kỹ năng của người học bằng cách dựa vào các số đo đã có. Có hai hướng lượng giá :
 - Lượng giá theo chuẩn : Đây là sự so sánh tương đối kết quả đo lường được với chuẩn chung của một tập hợp học sinh.
 - Lượng giá theo tiêu chí : Đây là sự đối chiếu kết quả đo lường được với những tiêu chí đã đề ra.

5. *Trắc nghiệm* là công cụ hoặc quy trình có tính hệ thống được dùng để đo lường các hành vi học tập (ví dụ như tóm tắt, giải thích, tính toán...).

Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ KIỂM TRA THEO HƯỚNG ĐỊNH TÍNH VÀ ĐỊNH LƯỢNG



NHIỆM VỤ:

- Trước khi đọc thông tin cơ bản về “Kiểm tra theo hướng định tính và định lượng”, xem và diễn giải sơ đồ bên dưới. Ghi vào vở học tập tư kiến diễn giải của bạn.
- Nêu tên các môn học ở tiểu học được kiểm tra theo hướng định tính và các môn học được kiểm tra theo hướng định lượng.
- Đọc thông tin cơ bản về “Kiểm tra theo hướng định tính và định lượng” ngay dưới sơ đồ, đối chiếu những điều đã diễn giải với thông tin đã nắm được.



THÔNG TIN CƠ BẢN

Kiểm tra định tính và định lượng

Xét theo phương thức và công cụ thu thập thông tin để đánh giá kết quả học tập, hoạt động kiểm tra được thực hiện theo hai hướng: định lượng và định tính. Dựa trên kết quả được ghi nhận theo hướng định tính hoặc định lượng, giáo viên đưa ra những phán đoán, những kết luận, những quyết định về người học hoặc về việc dạy học.

Kiểm tra theo hướng định tính là phương thức thu thập thông tin về kết quả học tập và rèn luyện của học sinh bằng cách quan sát và ghi nhận xét dựa theo các tiêu chí giáo dục đã định.

Kiểm tra theo hướng định lượng là phương thức thu thập thông tin về kết quả học tập của học sinh bằng số như điểm số hoặc số lần thực hiện của những hoạt động nào đó. Cách và phương tiện ghi nhận kết quả học tập của học sinh bằng điểm hay số lần thực hiện theo những quy tắc đã tính trong kiểm tra là mang tính chất định lượng. Còn chính điểm số vẫn chỉ là những kí hiệu gián tiếp phản ánh trình độ học lực của mỗi học sinh mang tư nghĩa định tính. Như vậy, bản thân điểm số không có tư nghĩa về mặt định lượng; ví dụ trong thang điểm 10, không thể nói trình độ của học sinh đạt điểm 8 là cao gấp đôi học sinh đạt điểm 4.

Chủ đề 1: CHỨC NĂNG CỦA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Hoạt động 3: TÌM HIỂU VỀ CHỨC NĂNG CỦA ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

NHIỆM VỤ:

Đọc và trình bày vấn đề ba chức năng cơ bản của đánh giá kết quả học tập.

THÔNG TIN CƠ BẢN

Ba chức năng của đánh giá kết quả học tập

1. **Chức năng quản lý của đánh giá** được thể hiện qua hai phương diện: (1) xếp loại hoặc tuyển chọn người học; (2) duy trì và phát triển chuẩn chất lượng.

2. Kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy và học.

Đối với giáo viên và nhà trường, đánh giá nhằm kiểm soát các hoạt động ngay trong quá trình dạy và học, sau đó ra quyết định điều chỉnh, cải tiến dạy học là cơ chế đảm bảo cho việc phát triển chất lượng dạy học. Đối với học sinh, thông tin kiểm tra đánh giá nhận được (điểm số, nhận xét) từ giáo viên và tự đánh giá của bản thân giúp người học kiểm soát, điều chỉnh việc học của mình.

3. Giáo dục và phát triển người học.

Động viên

Quá trình đánh giá kết quả học tập được thực hiện một cách hiệu quả có tác dụng phát triển động cơ học tập (lòng mong muốn học tập cho sự phát triển của bản thân) cho học sinh. Muốn như vậy, hoạt động kiểm tra phải được thực hiện thường xuyên và thông tin làm căn cứ cho đánh giá phải đa dạng, cụ thể và khách quan.

Đánh giá góp phần phát triển toàn diện để chuẩn bị cho người học vào đời.

Đánh giá học sinh ở tiểu học cần nhận thức sâu sắc về quan điểm giáo dục toàn diện. Muốn cho việc đánh giá có thể góp phần phát triển toàn diện cho người học, những điều dưới đây cần được thực hiện một cách hệ thống và nhất quán:

- Đánh giá phải xác định được khối lượng học tập hợp lý cho học sinh để không đẩy các em vào thế học thuộc lòng, hay học đối phó, học chỉ để có điểm, chỉ để **biết** chứ không để **hiểu** và **áp dụng**.
- Kết quả học tập cần được đánh giá một cách hiệu quả, đáng tin cậy để có tác dụng hướng dẫn và khuyến khích các phương pháp học tập tích cực, ủng hộ các thói quen học tập có giá trị.
- Phương pháp, công cụ kiểm tra cần đa dạng (trắc nghiệm, tự luận, học nhóm, trò chơi, bài tập giải quyết vấn đề, làm đề án...) để kích thích người học tự bổ sung, phát triển những kiến thức, kỹ năng cần thiết cho cuộc sống cũng như nghề nghiệp về sau. Ngoài các kỹ năng học tập, đánh giá cũng cần góp phần phát triển cho người học những kỹ năng và phẩm chất xã hội như kỹ năng giao tiếp, làm việc hợp tác, tự thức cộng đồng, lòng tự trọng Đây là những nhân tố quan trọng đối với con người trong xã hội hiện nay, giúp cho học sinh biết cách sống, cách làm việc với những người xung quanh.

BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Anh (chị) có nhận xét gì về cách ghi lời nhận xét cả năm học của giáo viên phụ trách trong hai trang học bạ dưới đây⁽¹⁾? Thực tiễn đánh giá kết quả học tập trong nhà trường tiểu học hiện nay đã thực hiện được ba chức năng của đánh giá như thế nào?

Năm học 200.3.../200.4... TRƯỜNG:

12

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC CÁC MÔN

MÔN HỌC	XẾP LOẠI HỌC LỰC					Kết quả kiểm tra, đánh giá (lần)		NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN
	HK I		HK II		CN	K I	K II	
	Đ	HLM	Đ	HLM	HLM			
TOÁN	10	G	10	C	E			Làm tính nhanh
TIẾNG VIỆT	9,5	G	9	G	G			Đọc các phát biểu ý kiến
ĐẠO ĐỨC	A ⁺		A ⁺		A ⁺			Chăm ngoan
TỰ NHIÊN và xã hội	A ⁺		A ⁺		A ⁺			Đọc các phát biểu ý kiến

(1) Những trang học bạ trích dẫn trong tài liệu chỉ là những ví dụ minh họa để trao đổi khi học tập, vì vậy tác giả xin không nêu họ tên, chữ kí của giáo viên cũng như tên của trường.

Lớp: ...2B..

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:

NHẬN XÉT CẢ NĂM HỌC

I/ HÀNH KIỂM

Ngân Hiền
Lễ phép với thầy cô

II/ HỌC LỰC

1 - Nhận xét chung: Học giỏi - Chăm học

2 - Lên lớp, lưu ban: Được lên lớp

3 - Khen thưởng: Học sinh giỏi

III/ KHẢ NĂNG ĐẶC BIỆT

Ngày 29 tháng 5 năm 2004.
GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP
(Kí và ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 5 năm 2004.
HIỆU TRƯỞNG
(Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hoạt động 1 : Các môn học ở tiểu học được kiểm tra theo hướng định tính ở lớp 1, 2 và 3 là Nghệ thuật, Tự nhiên-Xã hội, Đạo đức, Thể dục ; ở lớp 4 và 5 là Âm nhạc, Mĩ thuật, Kĩ thuật, Thể dục, Đạo đức. Các môn học ở tiểu học được kiểm tra theo hướng định lượng ở lớp 1, 2 và 3 là Tiếng Việt và Toán; ở lớp 4 và 5 là Toán, Tiếng Việt, Lịch sử, Địa lí và Khoa học.

Học viên nắm những khái niệm cơ bản về đánh giá kết quả học tập, đặc biệt định nghĩa về đánh giá kết quả học tập được giới hạn trong tài liệu; và phân biệt sự khác nhau giữa kiểm tra với đánh giá cũng như mối tương quan giữa hai khâu này trong quá trình dạy học.

Hoạt động 2 : Học viên phân biệt nét khác biệt cơ bản giữa kiểm tra (KT) định tính với KT định lượng là ở cách thu thập thông tin để đánh giá. Nếu trong hoạt động kiểm tra, người đánh giá miêu tả các yêu cầu về kiến thức, kĩ năng và thái độ cần đánh giá dưới dạng những chỉ số thì việc kiểm tra được thực hiện theo hướng định lượng. Còn nếu các yêu cầu ấy được miêu tả bằng lời thì kiểm tra được thực hiện theo hướng định tính. Về bản chất, đánh giá với ư nghĩa là đưa ra các phán đoán về trình độ người học hay đề xuất quyết định về việc dạy học luôn luôn mang ư nghĩa định tính. Căn cứ vào các kết quả thu thập được từ kiểm tra, người đánh giá đối chiếu với những tiêu chí dạy học đã đề ra, đưa ra những ước lượng trình độ kiến thức, kĩ năng của một học sinh.

Hoạt động 3 : Học viên trình bày vắn tắt nội dung 3 chức năng của đánh giá: quản lí giáo dục; kiểm soát và điều chỉnh hoạt động dạy và học; giáo dục và phát triển, hình dung ra được một số việc làm cụ thể của người giáo viên trong dạy học thể hiện 3 chức năng của kiểm tra đánh giá.

Bài tập đánh giá:

Xem xét trang học bạ thứ nhất, có thể thấy các nhận xét của giáo viên về việc học các môn học của học sinh khá sơ sài. Những từ dùng để kết luận về trình độ, khả năng của người học ở từng môn là những tính từ mang ư nghĩa chung chung: làm tính **nhanh**, vẽ **khéo**, **tích cực** phát biểu, hát **hay**, **chăm ngoan**. Những nhận xét này mang ư nghĩa **phân loại** học sinh mà điểm số hay mức loại (A, B) đã tự thể hiện. Chẳng hạn như 7 hay 8 điểm là loại khá, A là tốt. Chúng ít có tác dụng giáo dục và động viên, phát triển người học.

Ở trang học bạ thứ hai, qua nhận xét tổng quát về học lực và hạnh kiểm của người học, người đánh giá không cho chúng ta thấy những nét riêng biệt về khả năng và thái độ học tập của người học, cũng không cho thấy những nét cơ bản về sự tiến bộ của học sinh trong quá trình học tập.

Cách ghi nhận xét sơ sài và chung chung như trên phản ánh thực trạng đánh giá chi thiên về cung cấp thông tin tổng hợp nhằm xếp loại học lực của học sinh và để thi đua. Phần lớn giáo viên với tư cách là người đánh giá học sinh chưa đưa ra các thông tin phân tích, chưa đề cập đến những thông tin về quá trình học tập nhằm giúp cho nhà trường và các cán bộ quản lí môn học đưa ra những quyết định điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học để cải thiện chất lượng học tập các môn học. Căn cứ trên những thông tin chung chung về tình hình học tập của người học, “những giải pháp về môn học đã và đang được đưa ra chưa hẳn giải pháp nào cũng phản ánh đúng tình hình thực tế, chưa phải các giải pháp đều giải toả trúng những khó khăn vướng mắc lớn trong thực tiễn dạy học ở tiểu học” (Nguyễn Thị Hạnh, 2003).

TIÊU MÔĐUN 2: NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Hoạt động : TÌM HIỂU CÁC NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ

NHIỆM VỤ

Đọc và tìm hiểu thông tin cơ bản về nguyên tắc đánh giá kết quả học tập ở tiểu học dưới đây. Thông tin ấy cho anh (chị) những hiểu biết gì về bốn nguyên tắc đánh giá xếp loại học sinh tiểu học được ghi trong *Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học* (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT)?

THÔNG TIN CƠ BẢN

Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT) đưa ra bốn nguyên tắc đánh giá học lực và hạnh kiểm của học sinh tiểu học như sau:

1. Kết hợp đánh giá định lượng và đánh giá định tính trong đánh giá và xếp loại

Kết hợp đánh giá định tính với đánh giá định lượng trong đánh giá kết quả học tập là một phương hướng quan trọng nhằm bảo đảm tính khách quan và toàn diện của quá trình đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học. Ngoài ra, nguyên tắc này còn nhấn mạnh trọng tâm đổi mới đánh giá ở tiểu học hiện nay. Đó là tập trung tạo nên một sự chuyển biến mạnh mẽ lối đánh giá thiên về định lượng trước đây và tăng cường sử dụng các hình thức đánh giá định tính để tạo điều kiện cho trẻ phát triển về mặt nhân cách và trí tuệ. Giáo viên không nên chỉ căn cứ vào điểm số của các bài kiểm tra định kì để đánh giá học sinh mà phải kết hợp với kiểm tra thường xuyên, với những ghi nhận quan sát hằng ngày để đánh giá đúng thực chất trình độ của học sinh. Ngoài ra, ở các môn đánh giá định lượng như Tiếng Việt và Toán, cùng với điểm số, giáo viên phải đưa ra những nhận xét để giúp học sinh biết mình đã đạt được những gì và chưa đạt được những gì.

2. Thực hiện công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện

Nguyên tắc này bao hàm các nguyên tắc truyền thống trong đánh giá kết quả học tập như là bảo đảm tính khách quan- chính xác, tính công bằng, tính công khai và tính toàn diện.

3. Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh

“Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh” là nội dung cốt lõi của nguyên tắc bảo đảm tính nhân văn và tính giáo dục trong đánh giá học sinh. Quan điểm *Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh* trong khi đánh giá thể hiện cách tiếp cận nhân văn, mục đích phát triển của giáo dục và dạy học ở tiểu học, đồng thời phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của học sinh nhỏ.

4. Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng tự học, tự đánh giá của học sinh, xây dựng niềm tin, rèn luyện đạo đức theo truyền thống Việt Nam

Theo hướng phát triển các phương pháp dạy học tích cực để đào tạo những học sinh chủ động, sáng tạo, có khả năng tự học và tự đánh giá bản thân, việc kiểm tra đánh giá không chỉ dừng ở yêu cầu tái hiện kiến thức, rèn luyện các kỹ năng đã học mà còn phải khuyến khích khả năng vận dụng sáng tạo, phát hiện sự chuyển biến về thái độ và xu hướng hành vi của học sinh trước các vấn đề của đời sống gia đình và cộng đồng Việt Nam. Đó là *cách tiếp cận phát triển* trong dạy học và đánh giá. Đổi mới đánh giá kết quả học tập là nhằm tạo một phương thức đột phá góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục trên.

Bốn nguyên tắc được nêu trong văn bản “*Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học*” đã bao quát được các nguyên tắc về đánh giá kết quả học tập mà nhiều tài liệu về lý luận giáo dục đã đưa ra như sau:

*** Đảm bảo tính khách quan**

- Kết hợp nhiều phương pháp và kỹ thuật đánh giá khác nhau: đánh giá định tính với đánh giá định lượng; kỹ thuật đánh giá truyền thống với đánh giá hiện đại.
- Bảo đảm môi trường, cơ sở vật chất không ảnh hưởng đến việc thực hiện các bài tập đánh giá của học sinh.
- Kiểm soát các yếu tố khác ngoài khả năng thực hiện bài tập đánh giá của học sinh có thể ảnh hưởng đến kết quả làm bài hay thực hiện hoạt động của các em.

*** Đảm bảo tính công bằng**

- Giúp mỗi học sinh có thể tích cực vận dụng phát triển kiến thức và kỹ năng đã học.
- Bảo đảm rằng hình thức bài kiểm tra là quen thuộc với mọi học sinh.
- Ngôn ngữ sử dụng trong bài kiểm tra đơn giản rõ ràng, phù hợp với trình độ của học sinh và bài kiểm tra không chứa những hàm ý đánh đố học sinh.

*** Đảm bảo tính toàn diện**

- Nội dung kiểm tra đánh giá cần bao quát được toàn bộ các nội dung trọng tâm. Mục tiêu đánh giá cần bao quát nhiều loại kiến thức, kỹ năng và các mức độ nhận thức.
- Công cụ đánh giá cần đa dạng.
- Công cụ kiểm tra không chỉ đo lường khả năng nhớ lại mà còn đánh giá khả năng vận dụng, phân tích tổng hợp và đánh giá.
- Công cụ kiểm tra không chỉ đánh giá kiến thức, kỹ năng môn học mà còn đánh giá các phẩm chất và kỹ năng xã hội.

*** Đảm bảo tính hệ thống**

- Việc xác định và làm rõ các mục tiêu, tiêu chí đánh giá phải được đặt ở mức ưu tiên cao hơn công cụ và tiến trình đánh giá.
- Chuẩn đánh giá phải phù hợp với mục tiêu và chương trình dạy học trong từng giai đoạn cụ thể, với mọi đối tượng học sinh, với điều kiện dạy học cụ thể của số đông các trường bình thường.
- Kỹ thuật đánh giá phải được lựa chọn dựa trên mục đích đánh giá.
- Tiến trình đi từ việc thu thập tư liệu, thông tin đến việc đưa ra những kết luận về việc học của học sinh cần phải được tường minh.
- Mục tiêu và phương pháp đánh giá phải tương thích với mục tiêu và phương pháp giảng dạy.
- Kết hợp kiểm tra thường xuyên (quá trình) với kiểm tra tổng kết.
- Độ khó của các bài tập hay hoạt động đánh giá phải ngày càng cao theo sự phát triển của cấp lớp.

*** Đảm bảo tính công khai**

Học sinh cần được biết các tiêu chuẩn và yêu cầu đánh giá của các nhiệm vụ hay bài tập, bài kiểm tra mà học sinh sẽ thực hiện; cần được biết cách tiến hành các nhiệm vụ ấy để có thể đạt được tốt các tiêu chuẩn và yêu cầu đã định.

*** Đảm bảo tính giáo dục**

- Đánh giá nhất thiết phải góp phần nâng cao việc học tập của học sinh.
- Qua đánh giá học sinh nhận thấy được sự tiến bộ của bản thân, những gì cần cố gắng hơn trong môn học, cũng như nhận thấy sự khẳng định của giáo viên về khả năng của họ.

*** Đảm bảo tính phát triển**

- Công cụ đánh giá tạo điều kiện cho học sinh khai thác vận dụng kiến thức, kỹ năng liên môn.
- Phương pháp và công cụ đánh giá góp phần kích thích dạy học phát huy tích cực, chủ động và sáng tạo của học sinh trong học tập, chú trọng thực hành, rèn luyện và phát triển kỹ năng.
- Đánh giá hướng đến việc duy trì sự phấn đấu và tiến bộ của người học, góp phần phát triển động cơ học tập đúng đắn trong người học.
- Đánh giá đúng góp phần phát triển lòng tự tin, tự trọng và ư hướng phấn đấu trong học tập cho học sinh, hình thành năng lực tự đánh giá cho học sinh.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ:

Học viên thực hiện 2 trong 4 bài tập dưới đây

Bài tập 1

Việc đánh giá kết quả học tập dưới đây đã có thể thực hiện được nguyên tắc khách quan chưa? Tại sao?

Theo chương trình môn Tiếng Việt lớp 3, sau khi học xong năm học lớp 3, về lĩnh vực kỹ năng viết văn, học sinh phải đạt được những kỹ năng sau đây:

- Biết viết đơn, viết tờ khai theo mẫu.
- Biết viết một bức thư ngắn để báo tin tức, hỏi thăm người thân. Tập trình bày phong bì thư.
- Biết viết đoạn văn ngắn kể lại một bức tranh đã xem, một văn bản đã học hoặc tóm tắt một truyện đã đọc.

Giả định rằng: Việc xác lập khả năng viết văn và nhận xét, phân loại học sinh trong lĩnh vực viết văn năm học lớp 3 được thực hiện qua điểm số của bốn bài kiểm tra như sau:

1. Lần thứ nhất: học sinh viết một đoạn văn gồm 5 – 7 câu kể về tình cảm của bố mẹ hoặc người thân đối với em.
2. Lần thứ hai: học sinh viết một bức thư hỏi thăm người thân (bức thư này học sinh đã được viết ở lớp).
3. Lần thứ ba: học sinh viết một báo cáo hoạt động tháng thi đua vững mạnh gửi thầy cô tổng phụ trách theo mẫu cho sẵn (báo cáo này đã được học sinh viết và học thuộc lòng khi các em ôn thi học kì).
4. Lần thứ tư: học sinh kể về một cuộc thi đấu thể thao (bài này đã được viết ở lớp).

Bài tập 2

Trong một lần kiểm tra định kì học kì II, ở một môn học, một giáo viên cho học sinh ôn tập bằng cách để các em học thuộc lòng khoảng mười câu hỏi với mười câu trả lời được cung cấp sẵn. Mười câu hỏi này bao quát được một số nội dung trọng tâm của môn học. Đề kiểm tra gồm ba câu hỏi hầu như tương tự với ba câu hỏi trong mười câu đã được ôn tập. Kết quả kiểm tra của học sinh rất cao. Như vậy, nếu dựa vào kết quả kiểm tra này để xác định khả năng học tập của học sinh sẽ có những ưu, nhược điểm gì?

Bài tập 3

Thảo luận nhóm: Điều gì có thể xảy ra cho giáo dục và dạy học nếu như việc kiểm tra đánh giá thường không được thực hiện trên cơ sở xác lập một cách rõ ràng các mục tiêu dạy học/ chuẩn đào tạo?

Bài tập 4

Những điều người giáo viên *cần có* và *cần làm* để có thể thường xuyên nêu được những nhận xét có tác dụng phát triển năng lực và khơi gợi hứng thú học tập cho học sinh?



THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hoạt động

Sau khi tìm hiểu các nguyên tắc đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học trong “*Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học*” (Ban hành kèm theo quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT), học viên đối chiếu những hiểu biết ấy với thông tin cơ bản về nguyên tắc đánh giá kết quả học tập để phát biểu về những phương hướng cơ bản mà mình sẽ theo để thực hiện tốt các nguyên tắc đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học trong thực tiễn.

Bài tập 1

Kết quả đánh giá kỹ năng viết văn trong trường hợp nêu trên có thể không khách quan bởi vì hầu hết các đề học sinh đã từng làm ở lớp. Do vậy, kết quả bài tập làm văn rất có thể phản ánh việc học sinh nhớ lại những điều học sinh đã được viết hơn là khả năng suy nghĩ, diễn đạt của các em.

Bài tập 2

Lỗi ôn tập và kiểm tra như đã nêu khuyến khích kiểu học hời hợt, học tủ của học sinh. Kết quả của các bài kiểm tra như thế chắc chắn không phản ánh được toàn diện khả năng học tập của học sinh.

Bài tập 3

Việc đánh giá không được thực hiện trên cơ sở xác lập một cách tường minh các mục tiêu dạy học sẽ gây ra nhiều hậu quả cho giáo dục. Hai hậu quả cơ bản nhất là: (1) không thực sự đo lường được năng lực người học; (2) không có cơ sở kiểm soát, điều chỉnh kịp thời và sát hợp quá trình dạy và học, do vậy không bảo đảm được chất lượng dạy học.

Bài tập 4

Để có thể thường xuyên nêu được những nhận xét có tác dụng phát triển năng lực và khơi gợi hứng thú học tập cho học sinh,

- Giáo viên cần có: hiểu biết sâu về nội dung và mục tiêu học tập mà học sinh cần lĩnh hội; tình yêu và lòng quan tâm đối với học sinh...
- Giáo viên cần làm: quan sát và ghi chép kỹ các hành vi, thái độ học tập của học sinh; nhận ra những tiến bộ của học sinh; dành thời gian để chọn từ ngữ để viết các lời nhận xét cụ thể đối với từng học sinh.

TIÊU MÔĐUN 3: HÌNH THỨC KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Chủ đề 1: **HÌNH THỨC KIỂM TRA**

Hoạt động 1: **ĐỌC THÔNG TIN CƠ BẢN ĐỂ TÌM HIỂU CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA Ở TIỂU HỌC**



NHIỆM VỤ:

a) Thảo luận nhóm: Bằng kinh nghiệm bản thân, hãy trả lời các câu hỏi sau đây:

Trong thực tế dạy học ở tiểu học, những hình thức kiểm tra nào đã được thực hiện? Mục đích của mỗi hình thức kiểm tra ấy là gì? Cho ví dụ.

b) Đọc thông tin cơ bản về các loại kiểm tra bên dưới. Hãy cho biết thông tin này giúp bạn biết thêm những điều gì mới về kiểm tra.



THÔNG TIN CƠ BẢN

Căn cứ vào mục đích sử dụng, kiểm tra có thể được chia thành hai loại: kiểm tra đột xuất chẩn đoán và kiểm tra tổng kết. Căn cứ vào thời điểm kiểm tra trong một năm học, có thể được chia kiểm tra thành hai loại: kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì.

Kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì

Kiểm tra thường xuyên là tiến trình thu thập thông tin về việc học tập của học sinh một cách liên tục trong lớp học. Các hình thức kiểm tra thường xuyên dùng để đánh giá những phương diện cụ thể hay những phần của chương trình học. Kết quả của kiểu kiểm tra này được dùng để theo dõi sự tiến bộ của người học trong suốt tiến trình giảng dạy và cung cấp những phản hồi liên tục cho học sinh và giáo viên, nhằm giúp giáo viên có những biện pháp điều chỉnh kịp thời việc giảng dạy, cũng như giúp học sinh nhận ra những tiến bộ và chưa tiến bộ của bản thân để từ đó tự điều chỉnh và phát triển.

Kiểm tra định kì (KTĐK) là phương thức xem xét kết quả học tập của học sinh theo thời điểm. Mục đích của việc KTĐK là giúp giáo viên biết xem mỗi học sinh đã tiếp thu được gì sau mỗi một đơn vị bài học hay sau mỗi phần học để có thể kịp thời bổ khuyết hay điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học những phần kế tiếp.

Kiểm tra đột xuất chẩn đoán và kiểm tra tổng kết

Kiểm tra đột xuất chẩn đoán là phương thức xem xét kết quả học tập không theo những thời điểm được ấn định trước. Kết quả thu được từ các bài kiểm tra đột xuất phản ánh hành vi học tập điển hình của người học, nghĩa là những điều người học làm được trong điều kiện bình thường, không có sự chuẩn bị hay nỗ lực tối đa như trong hình thức kiểm tra tổng kết. Những đánh giá dựa trên kết quả của những bài kiểm tra đột xuất trong phạm vi lớp học thường được dùng để chẩn đoán các mặt tồn tại của quá trình dạy học, từ đó đề ra phương hướng hay quyết định điều chỉnh việc dạy và học. Trong trường hợp này, kiểm tra đột xuất có thể xem là kiểm tra thường xuyên vì chúng thực hiện cùng một chức năng.

Mặt khác, kiểm tra đột xuất còn được dùng như một công cụ thanh tra hoặc quản lý giáo dục nhằm xác định trình độ học sinh của một trường so với trình độ của nhóm chuẩn hay so với hệ thống tiêu chí về kỹ năng và kiến thức mà người học cần lĩnh hội ở một cấp học nào đó.

Kiểm tra tổng kết là phương thức xem xét thành quả học tập được thực hiện vào cuối khoá học/môn học. Các kết quả thu được từ kiểm tra tổng kết chỉ ra khả năng người học có thể đạt là gì khi nỗ lực hết mình cũng như khi có sự chuẩn bị tối đa. Kiểm tra tổng kết trước hết được xem là phương tiện để đo mức độ lĩnh hội của học sinh trong các lĩnh vực học tập và được dùng để xếp loại học tập hoặc để xác định thành quả của người học đạt được so với những kết quả học tập tổng quát đã được xác định trong mục tiêu dạy học. Do vậy, kiểm tra tổng kết còn được gọi là hình thức đánh giá thành tích học tập của học sinh và có ý nghĩa quan trọng về mặt quản lý.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Thảo luận nhóm: Theo Văn bản *Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học* (Ban hành kèm theo quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT), kết quả của các bài kiểm tra hằng tháng của môn Tiếng Việt và Toán (kiểm tra thường xuyên) không được tính vào kết quả học kì và cả năm của hai môn học này. Kết quả môn học toàn năm là trung bình cộng của 4 điểm kiểm tra định kì trong năm học như kiểm tra giữa kì I, giữa kì II, kiểm tra cuối kì I và kiểm tra cuối kì II. Đây là một nét đổi mới trong quy định kiểm tra đánh giá của chương trình tiểu học mới. Sự thay đổi này nhằm mục đích gì? Nó có ý nghĩa gì đối với học sinh, đối với giáo viên và đối với nhà quản lý giáo dục? Sự thay đổi trên có những điểm lợi và bất lợi gì?

CHỦ ĐỀ 2 : HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

Hoạt động 2: TÌM HIỂU CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ

NHIỆM VỤ

- a) Dựa vào thực tiễn kiểm tra đánh giá học sinh của lớp các bạn đang phụ trách, hãy trao đổi về vấn đề sau đây:
 - Hãy miêu tả cách thức làm việc khi ghi nhận xét cho các môn học được đánh giá bằng nhận xét. Nêu những khó khăn trong quá trình thực hiện đánh giá bằng nhận xét?
- b) Hiện nay có ư kiến cho rằng hiện tượng *điểm số vô hồn, điểm số ảo* tồn tại khá phổ biến trong dạy học. Anh (chị) hiểu thế nào là điểm số vô hồn và điểm số ảo? Những biện pháp nào cần phải được thực hiện để hạn chế hiện tượng tiêu cực trên?
- c) Từ kết quả đã thực hiện ở nhiệm vụ (a) và (b), hãy đọc phần thông tin cơ bản để tìm hiểu các loại đánh giá ở tiểu học, tìm ra những thông tin mới về đánh giá nhận được từ bài đọc. (Có thể thực hiện nhiệm vụ này ở nhà).

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. ĐÁNH GIÁ BẰNG NHẬN XÉT

a) *Đánh giá bằng nhận xét là gì?*

Đánh giá bằng nhận xét là giáo viên đưa ra những phân tích hoặc những phán đoán về học lực hoặc hạnh kiểm của người học bằng cách sử dụng các nhận xét được rút ra từ việc quan sát các hành vi hoặc sản phẩm học tập của học sinh theo những tiêu chí được cho trước.

b) *Giáo viên làm thế nào để đưa ra được một nhận xét tốt?*

Muốn đưa ra được những nhận xét tốt, giáo viên cần:

- *Trong trường hợp nội dung quan sát nhỏ hẹp, giáo viên cần thường xuyên tham khảo các tiêu chí đã được xác lập để có thể hình dung rõ trong đầu các tiêu chí cần đánh giá.*
- *Xây dựng bảng hướng dẫn đánh giá trong trường hợp nội dung quan sát hoặc kiểm tra rộng lớn và phức tạp, hoặc những bài tập lớn mà kết quả của nó sẽ được chính thức sử dụng để xếp loại học sinh.*
- *Quan sát và ghi nhận các biểu hiện hành vi của học sinh theo các tiêu chí đã định.*
- *Thu thập thông tin đủ, phù hợp và tránh định kiến.*
- *Trước khi bắt đầu đưa ra một nhận xét hay nhận định nào, cần xem xét:*
 - + Chứng cứ (biểu hiện) thu thập được có thích hợp không?
 - + Chứng cứ (biểu hiện) thu thập được đã đủ cho việc đưa ra những nhận xét về người học chưa?
 - + Đối với nhận xét dựa trên các tiêu chí học tập, phải xem xét xem những yếu tố nào khác ngoài bài thực hành hay kiểm tra có thể ảnh hưởng đến kết quả thực hiện của học sinh.
 - + Khi viết một nhận xét nào đó nên cố gắng phát biểu rõ ràng những lí do đưa ra nhận xét ấy.

c) *Tác dụng của nhận xét đối với học sinh*

- Động viên học sinh phấn đấu học tập thành công hơn
- Hướng dẫn học sinh điều chỉnh việc học tập.

Thế nào là một nhận xét tốt?

<i>Nhận xét có tác dụng động viên và hướng dẫn học sinh điều chỉnh việc học</i>	<i>Nhận xét không có tác dụng động viên hướng dẫn học sinh điều chỉnh việc học</i>
<ul style="list-style-type: none"> – Thực tế: hướng lời nhận xét đến những vấn đề mà người học có thể làm được. – Cụ thể: đưa ra chứng cứ hay chi tiết cụ thể để giải thích hay chứng minh những nhận xét, nhờ vậy học sinh hình dung ra rõ ư nhận xét. – Nhạy cảm đối với những quan tâm, mục đích hay cố gắng của người học: không cho là học sinh sai hay không tốt khi các em không đáp ứng được những yêu cầu hay mục đích mà chúng ta đề ra. Khi tạo ra một sản phẩm học tập nào đó, học sinh đều có những mục đích cụ thể của mình. Hãy cố gắng nhận biết mục đích ấy và có một cách nhìn nhận thích hợp. Kết hợp lời nhận xét của chúng ta với những ư định được thể hiện qua bài làm hay qua hoạt động của các em. – Khuyến khích: khẳng định những điều học sinh đã làm được với những chứng cứ cụ thể, – Hướng dẫn: hướng dẫn học sinh cách thức khắc phục những điều chưa đạt cũng như cách thực hiện nhiệm vụ học tập kế tiếp tốt hơn. – Kịp thời, không chậm trễ – Nói thẳng, không bóng gió, úp mở. – Cho những ư kiến hay cảm nghĩ riêng thay vì đưa ra những lời nhận định đầy ư quyền. (“Cô nghĩ/ cô cảm thấy là”). 	<ul style="list-style-type: none"> Chung chung, không cụ thể. Nhằm mục đích phê bình, phê phán. Không đáp ứng nhu cầu của người nhận phản hồi. Không đề nghị điều mà người học có thể có hoặc có thể làm.

d) Cách ghi nhận xét kết quả các môn học theo quy định của Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học

d.1) Yêu cầu đánh giá bằng nhận xét theo quy định

Các môn học được đánh giá bằng nhận xét gồm:

- Ở các lớp 1, 2, 3: Đạo đức, Thể dục, Tự nhiên và Xã hội, Nghệ thuật.
- Ở các lớp 4, 5: Đạo đức, Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kĩ thuật.

Các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá theo hai mức:

- Loại *Hoàn thành* (A): đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng của môn học được nêu trong Sổ theo dõi kết quả kiểm tra và đánh giá học sinh ở từng lớp. Học sinh đạt được mức hoàn thành khi có từ 50% số nhận xét trở lên trong từng học kì hay cả năm học. Những học sinh đạt loại Hoàn thành nhưng có biểu hiện rõ về năng lực học tập môn học, đạt 100% số nhận xét trong từng học kì hay cả năm được đánh giá là *Hoàn thành tốt* (A+)
- Loại *Chưa hoàn thành* (B): Học sinh đạt *Chưa hoàn thành* (B) khi chưa thực hiện được những yêu cầu cơ bản về kiến thức và kỹ năng của môn học.

d.2) Cách thức ghi nhận xét kết quả các môn học đánh giá bằng nhận xét

Những điều cần làm:

- Tìm hiểu nội dung nhận xét được ghi trong Sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá và nội dung sách giáo khoa để xác định rõ các hành vi học tập của học sinh mà ta cần quan sát.
- Để giúp ghi nhận cụ thể các hành vi tiêu biểu của học sinh khi quan sát trong những lớp học sĩ số lớp đông, giáo viên nên làm những mẫu ghi nhận cho từng môn như sau, mẫu này được đánh máy để dùng cho nhiều năm:

Tên HS	Môn Tự nhiên và Xã hội / Học kì I		
	Nhận xét 1	Nhận xét 2	Nhận xét 3...
	a) Nói tên và chỉ đúng các bộ phận của cơ quan hô hấp, tuần hoàn, bài tiết nước tiểu và thần kinh trên hình vẽ. b) Nói viết được về chức năng của các cơ quan trên. c) Kể được từ 1 đến 2 việc cần làm để giữ vệ sinh các cơ quan trên.		
Hoa	thực hiện (a) đạt; (b) nói được 1 chức năng; (c) đạt, ngoài ra còn nêu thêm lí do.		
Toàn			

- Sau mỗi tiết hay phần bài học, GV đưa nhận xét chung (hoàn thành, giỏi..) kèm với chứng cứ về điều học sinh đã làm được và chưa làm được. Ví dụ “Em Hoa đã hoàn thành tốt trong tiết học vì em không những đã kể được hai việc giữ gìn vệ sinh thân thể mà còn giải thích lí do vì sao phải giữ gìn vệ sinh.”
- Khi đưa ra nhận xét tổng quát vào cuối học kì hay cuối năm, ngoài loại học sinh đạt được (*hoàn thành* hay *chưa hoàn thành*), giáo viên dựa vào các ghi nhận cụ thể có được trong năm, khái quát những hành vi mà học sinh thường làm thành những nhận định tổng quát về phẩm chất và năng lực của học sinh. Ví dụ: Qua những ghi nhận, GV thấy em Hoa nhiều lần đưa thêm phần giải thích lí do cho những hoạt động liên quan đến bản thân như giữ gìn vệ sinh, bảo vệ thú hoang dã, giữ gìn

của công.... ; và Hoa giải thích rất nhiệt tình, trôi chảy. Dựa vào đây giáo viên có thể đưa ra nhận xét chung rằng: em có nhận thức khá sâu sắc về những vấn đề của cộng đồng, của xã hội cũng như của bản thân, nhiệt tình với những vấn đề chung, có khả năng giải thích lí do

Những điều nên tránh:

- Không hình dung rõ ràng những yêu cầu cần quan sát khi tiến hành một giờ học thuộc môn học đánh giá bằng nhận xét.
- Chỉ ghi nhận bằng các dấu ✓ mà không kèm theo những chứng cứ về một vài biểu hiện tiêu biểu.
- Ghi nhận xét như kiểu: A = Hoàn thành; B = Chưa hoàn thành.
- Chỉ dùng một bài kiểm tra viết hằng tháng (đối với môn Đạo đức, Kỹ thuật, Tự nhiên và Xã hội..) rồi dựa vào đó đưa một nhận xét.
- Không ghi những nhận xét vụn vặt, thể hiện những hành vi nhất thời của học sinh vào Học bạ, ví dụ: Môn Thể dục: *tập đều đặn, thuộc động tác*; Môn Tự nhiên và Xã hội: *có học bài, hoặc thuộc bài, hoặc làm bài tốt*.
- Không ghi những nhận xét chung chung như: *Tiến bộ, Khéo tay, Rèn thêm toán, Ngoan.....*

2. ĐÁNH GIÁ BẰNG ĐIỂM SỐ

a) Đánh giá bằng điểm số là gì?

Đánh giá bằng điểm số là sử dụng những mức điểm khác nhau trên một thang điểm để chỉ ra mức độ về kiến thức và kĩ năng mà học sinh đã thể hiện được qua một hoạt động hoặc sản phẩm học tập.

Thang điểm là một tập hợp các mức điểm liên nhau theo trật tự số từ cao đến thấp hay ngược lại. Trong thang điểm, đi kèm với mỗi mức điểm là phần miêu tả những tiêu chí tương ứng cho từng mức điểm. Như vậy, một thang điểm đầy đủ bao gồm các mức điểm và phần miêu tả những yêu cầu về kiến thức hay kĩ năng cho mỗi mức điểm. Phần miêu tả này có thể gọi là phần hướng dẫn chấm điểm hoặc đáp án. Thiếu phần hướng dẫn này, các điểm số trở nên mơ hồ, đặc biệt đối với kiểu bài kiểm tra tự luận. Nói khác đi, những tiêu chuẩn được miêu tả cho từng mức điểm là căn cứ để giáo viên giải thích ý nghĩa của các điểm số, đồng thời để họ có thể cho những nhận xét cụ thể về bài làm của học sinh.

Dưới đây là một ví dụ về thang điểm 5 cho bài tập làm văn viết lớp 5:

Mức điểm	Chính tả (CT), ngữ pháp (NP)	Sự phong phú và cụ thể của <i>ư</i> <i>tương</i>	Tổ chức diễn đạt <i>ư</i> <i>tương</i>	Hiệu quả giao tiếp
5	Không lỗi CT, NP	Ư cụ thể, nhiều chi tiết thú vị	Mạch lạc, trình tự hợp thể loại	Người đọc hiểu dễ dàng
4	1, 2 lỗi CT, NP	Ư cụ thể, khá nhiều chi tiết thú vị	Mạch lạc, trình tự hợp thể loại	Người đọc hiểu dễ dàng

3	2, 3 lỗi CT, NP	Ư cụ thể, một số chỉ tiết thú vị	Một vài chỗ không mạch lạc	Vài chỗ còn khó hiểu
2	Hơn 4 lỗi CT, NP	Vài chỗ ư chung chung, mơ hồ.	Không mạch lạc	Vài chỗ còn khó hiểu
1	Nhiều lỗi CT, NP	Ư mơ hồ	Rời rạc, trình tự lộn xộn	Khó hiểu

b) Giải thích ư nghĩa của điểm số

Việc giải thích ư nghĩa của điểm số là một hoạt động phức tạp vì điểm số được xem là kí hiệu phản ánh trình độ học lực và phẩm chất của người học sinh. Người quản lí xem điểm số như là một chứng cứ xác định trình độ học vấn của học sinh và khả năng giảng dạy của giáo viên. Người giám hộ hay cha mẹ học sinh có xu hướng nhìn nhận trình độ của con em mình chủ yếu qua điểm số. Họ thường không hiểu được ư nghĩa của các mục tiêu sư phạm. Họ lưu tâm chừng mực đến các nhận xét liên quan đến nhân cách và thái độ của con cái họ. Bản thân trẻ cũng chi hiểu việc sửa bài của thầy qua số điểm đạt được.

Người giáo viên phải có khả năng lí giải được ư nghĩa của điểm số mà mình đã cho, đặc biệt khi điểm số được xem là căn cứ xác định ngưỡng thành đạt của học sinh. Việc lí giải những kiến thức, kĩ năng hay năng lực của học sinh thể hiện qua điểm số có tác dụng thúc đẩy học sinh học tốt hơn, ngày càng thành công hơn. Đồng thời việc giải thích ư nghĩa của điểm số của học sinh cũng giúp giáo viên và nhà quản lí nắm được chất lượng dạy và học một cách cụ thể hơn, nhờ vậy, họ có thể đưa ra những quyết sách phù hợp để điều chỉnh quá trình dạy học.

Để có thể diễn giải được ư nghĩa của điểm số, người giáo viên cần phải:

- Xác định mục đích của đánh giá: Xác định kiến thức, kĩ năng, thái độ, hay năng lực nào cần đánh giá.
- Chuẩn bị kĩ các bài kiểm tra ở lớp học để có thể có một sản phẩm giá trị làm căn cứ cho điểm, và qua điểm số đó đánh giá được trình độ về năng lực của học sinh :
 - + Phải bao quát được nhiều mặt kiến thức hay kĩ năng đã học trong nội dung đề bài kiểm tra.
 - + Đề cập trong bài kiểm tra những mục tiêu của kế hoạch đã nêu ra trong tháng hay trong học kì.
 - + Xây dựng thang điểm, nhưng có thể điều chỉnh trong quá trình chấm khi có những câu trả lời ngoài dự kiến.
 - + Điều chỉnh các câu hỏi trong lúc đọc đề kiểm tra nếu phát hiện thấy có sự không rõ ràng.
 - + Xác định ngưỡng đạt yêu cầu của bài kiểm tra.

- + Tập hợp nhiều loại thông tin khác nhau từ việc học của học sinh để làm chứng cứ hỗ trợ cho việc giải thích điểm số của học sinh.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Bài tập 1

Làm việc nhóm: So sánh phân tích và nhận xét hai bản nhận xét dưới đây.

Năm học 200.4.../200.5... TRƯỜNG:

ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI HỌC LỰC CÁC MÔN

MÔN HỌC	XẾP LOẠI HỌC LỰC					Kết quả kiểm tra, đánh giá lại		NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN	
	HK I		HK II		CN	K I	K II		
	Đ	HLM	Đ	HLM	HLM				
TOÁN	8	K	8	K	K			<i>Yam toán khá</i>	
TIẾNG VIỆT	7.5	K	8.5	K	K			<i>học được</i>	
ĐẠO ĐỨC	A		A		A			<i>Phát biểu tốt</i>	
TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI	A		A		A			<i>Chuộc bài</i>	
KHOA HỌC									
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ									
NGHỆ THUẬT	ÂM NHẠC	A		A		A			<i>Hát khá</i>
	MĨ THUẬT	A		A		A			<i>Khéo tay</i>
	THỦ CÔNG (KÍ THUẬT)	A		A		A			<i>Sản phẩm đẹp</i>
THỂ DỤC	A		A		A			<i>Chuộc động tác</i>	
TỰ CHỌN									
THỂ LỰC	Đầu năm			Cuối năm					
	Chiều cao	Cân nặng		Chiều cao	Cân nặng				
ĐIỂM BKT TỔNG HỢP									

**BẢN NHẬN XÉT GIÁO VIÊN MARY SMITH VỀ VIỆC HỌC
CÁC MÔN HỌC CỦA JULIE NANCY, HỌC SINH LỚP 2.**
(Bản nhận xét này được gửi đến cha mẹ Julie Nancy)

Toán: Julie học tập nhanh và tự tin. Em thích các bài tập thực hành và ghi lại những điều đã làm một cách rõ ràng và lô gích.

Tiếng Anh: Tất cả các phương diện về ngôn ngữ đang phát triển tốt. Để nắm nghĩa và cảm nhận sự thú vị từ việc tìm hiểu bài đọc, Julie sử dụng nhiều kỹ năng đọc khác nhau. Em viết một cách nhiệt tình và đầy trí tưởng tượng, nói một cách tự tin và nghe rất tập trung.

Khoa học (Tự nhiên – Xã hội): Julie rất quan tâm đến tất cả các lĩnh vực khoa học. Em làm việc cẩn thận và sáng tạo, ghi nhận các thông tin rất chính xác.

Nghệ thuật: Julie đang phát triển nhiều u tưởng và kĩ năng. Trong những hoạt động thực hành quan sát, Julie tỏ ra rất chú ý đến các chi tiết tinh xảo. Đây cũng là một khả năng mà Julie đã thể hiện xuyên suốt chương trình học.

Âm nhạc: Julie có khả năng lặp lại những giai điệu khó nhất. Với trí tưởng tượng và niềm thích thú, em lắng nghe hiệu quả và miêu tả âm nhạc một cách thích hợp.

Kịch: Julie luôn luôn cố gắng vượt khó. Em thường tổ chức nhóm tập luyện.

Thể dục: Julie thực hành cá nhân và thực hành theo nhóm tốt. Em ấy thích những thách thức khi tập luyện.

Tập viết: Julie đang phát triển nét chữ rõ ràng và dễ nhìn.

(Theo David & Clemson, 1995, tr. 77)

Bài tập 2

Trao đổi theo nhóm: Xem hai bảng điểm dưới đây, so sánh cách ghi điểm được thể hiện trong hai bảng này. Cách ghi điểm nào giúp giáo viên hay nhà quản lí nắm được trình độ của học sinh? Tại sao?

STT	HỌ VÀ TÊN HỌC SINH	Đ	TV	TOÁN	GHI CHÚ
1	Doma Vương Quốc	8	8	8	7
2	Trần Quốc	8	7	8	3
3	Trần Huyền Thiệu	7	6	7	7
4	Trần Tiểu	9	8	9	10
5	Dương Bắc	8	8	8	9
6	Lê Minh Hoàng	8	7	8	8
7	Dỗ Thế	7	6	7	10
8	Trần Kim	7	3	5	2
9	Nguyễn Anh	8	3	6	10
10	Vũ Thị Mỹ	9	7	8	8
11	Lý Quế	6	3	5	8
12	Dương Kim	8	8	8	4
13	Lý Tài	7	7	7	7

STT	Số HD	HỌ VÀ TÊN	ĐIỂM TỈ LỆ								
			Đọc tiếng	Đọc hiểu	Đặt câu	Chính tả	TLV	Bài viết	TV	Toán	Đạo đức
1		Đỗ Văn Bình	5	3,75	9	4,5	4,75	2	9	10	
2		Nguyễn Mỹ Bình	5	4,25	7	4,75	4,75	10	10	10	
3		Lý Kim Hoàng	5	4,25	8	4,75	4,25	9	9	8	
4		Nguyễn Quốc Cường	4,5	2,75	7	4,75	3,75	5	6	3	
5		Đỗ Văn Bình	5	3,75	7	4,25	3,25	8	9	7	
6		Lý Văn Đình	4,5	4,25	9	4,25	4,25	9	9	7	
7		Nguyễn Việt Hòa	5	4,25	9	4,5	4,5	2	9	10	
8		Nguyễn Ngọc Hòa	5	4,5	10	2	3	8	8	6	
9		Trần Minh Hòa	5	3,75	9	3,5	4,25	8	9	7	
10		Đỗ Văn Bình	5	3,75	9	2	4,75	8	9	10	
11		Đỗ Nguyễn Văn Bình Hoàng	5	4,25	9	2,5	3,5	6	8	4	
12		Đỗ Văn Bình	4,0	4,25	8	2,75	3,75	7	8	5	
13		Nguyễn Ngọc Hòa	5	3,25	8	3,75	2,25	6	7	4	
14		Đỗ Văn Bình	5	3,75	9	4,75	4,75	10	10	10	
15		Đỗ Văn Bình Hoàng	4,5	4,5	9	0,25	1	2	6	7	

BẢNG GHI GHI ĐIỂM

TÊN -



THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hoạt động 1

- a) Trong dạy học ở tiểu học, các hình thức kiểm tra sau đây đã được thực hiện: kiểm tra miệng mỗi ngày và kiểm tra hằng tháng (= kiểm tra thường xuyên); kiểm tra giữa học kì cuối học kì I, giữa học kì II và cuối học kì II. Ngoại trừ bài kiểm tra cuối học kì II (cuối năm) có ý nghĩa như một bài kiểm tra tổng kết, còn các bài kiểm tra giữa kì và cuối học kì I thuộc hình thức kiểm tra định kì.
- b) Ghi tóm tắt về mục đích của các loại kiểm tra ở tiểu học sau khi đọc các bài đọc trong môđun rồi đối chiếu với phần ghi về những loại kiểm tra và mục đích của chúng đã thực hiện trong nhiệm vụ (a). Hãy ghi lại những ưu kiến trao đổi, giải đáp những thắc mắc của các thành viên trong nhóm về những vấn đề chưa rõ khi đọc và đối chiếu.

Bài tập đánh giá – Hoạt động 1

Công việc kiểm tra thường xuyên ở khắp tất cả các môn học là một việc làm chiếm khá nhiều tâm sức của giáo viên tiểu học. Bởi vì việc này đòi hỏi hầu như ngày nào giáo viên cũng phải kiểm tra và chấm điểm hay ghi nhận xét cho học sinh. Trong chương trình tiểu học mới, kết quả kiểm tra thường xuyên không được tính vào kết quả toàn năm học. Kết quả năm của mỗi môn được tính điểm như Toán, Tiếng Việt là trung bình cộng của bốn điểm kiểm tra định kì trong năm học (kiểm tra giữa kì I, giữa kì II, kiểm tra cuối kì I và kiểm tra cuối kì II). Đây là một điểm mới trong quy định đánh giá của chương trình tiểu học hiện nay so với chương trình cải cách giáo dục trước đây. Sự thay đổi này thể hiện quan điểm đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm tạo điều kiện cho giáo dục – dạy học góp phần phát triển người học hơn. Kết quả của các bài kiểm tra hằng tháng là căn cứ để giáo viên điều chỉnh nội dung và phương pháp giảng dạy của mình sao cho chúng đạt đến hiệu quả dạy học cao nhất, là phương tiện để giáo viên theo dõi việc học của từng cá nhân học sinh theo cách động viên giúp các em rèn luyện, phát triển khả năng và tính cách nhằm đáp ứng yêu cầu và mục tiêu giáo dục toàn diện.

Đối với học sinh, việc không tính điểm kiểm tra hằng tháng vào điểm trung bình năm học giúp học sinh bớt áp lực điểm số hơn trong học tập. Đối với giáo viên, về mặt hành chính, việc không tính và ghi điểm các bài kiểm tra hằng tháng giảm cho họ công việc sổ sách nặng nhọc. Về mặt sư phạm, sự

thay đổi trên tạo điều kiện giúp giáo viên cung cấp cho học sinh những cơ hội điều chỉnh, sửa chữa các bài làm của mình, động viên và phát triển khả năng của học sinh. Tuy nhiên, về thực tế, tác dụng giáo dục và phát triển cũng như mục đích điều chỉnh nhằm cải thiện chất lượng dạy học của kiểm tra thường xuyên có thể trở nên vô hiệu nếu tiến trình này không được thực hiện một cách chặt chẽ và không thực sự theo hướng động viên khả năng phát triển của người học. Nghĩa là khi việc cho điểm hay ghi nhận xét được làm một cách chiếu lệ, chung chung, không thấu đáo các tiêu chí đánh giá cũng như không dựa trên những căn cứ cụ thể về các hành vi học tập của người học.

Hơn nữa, việc đánh giá xếp loại học sinh nếu chỉ dựa trên điểm trung bình của 4 bài kiểm tra định kì có thể gây ra một số bất cập như sau:

- Trong điều kiện kết quả kiểm tra định kì được sử dụng như một căn cứ quan trọng để xếp loại học sinh và đánh giá chất lượng đào tạo của nhà trường, mỗi trường có thể vì nhu cầu đạt thành tích sẽ có những giải pháp đối phó trong ôn tập, hướng dẫn dạy theo trọng tâm kiểm tra định kì, dẫn đến tình trạng học tủ, học lệch.
- Việc ra đề kiểm tra định kì có thể không khách quan, không bao quát được những nội dung học tập. Độ khó, tính giá trị và độ tin cậy của các đề kiểm tra có thể rất khác biệt giữa đơn vị trường này với đơn vị trường kia (trong trường hợp việc ra đề kiểm tra do Hiệu trưởng đảm trách), giữa địa phương này với địa phương khác (trong trường hợp đề kiểm tra do Phòng hay Sở Giáo dục và Đào tạo biên soạn).
- Kết quả xếp loại của học sinh có thể không phản ánh đúng thực chất trình độ và quá trình học tập rèn luyện của các em do đề kiểm tra, cách thức tổ chức kiểm tra và do những yếu tố xảy ra cho riêng học sinh trong thời gian tham gia kiểm tra như sức khỏe, tâm lí bất ổn...

Hoạt động 2

- a) Khi đánh giá bằng nhận xét, những khó khăn mà giáo viên có thể gặp phải là: (1) sĩ số lớp đông khó có thể bao quát hết học sinh khi thực hiện quan sát và ghi nhận các quan sát ấy; (2) các tiêu chí để làm điểm tựa quan sát không được miêu tả cụ thể, rõ ràng; (3) không có thời gian để viết nhận xét cụ thể cho từng em học sinh.
- b) Hiện tượng điểm số *vô hồn* chỉ việc giáo viên hoặc nhà quản lí không thể giải thích được ý nghĩa của điểm số (năng lực, phẩm chất của người học được thể hiện trong điểm số). Mặt khác, điểm số vô hồn còn chỉ những điểm số được dùng như một công cụ để phân loại và phán đoán chung chung về người học nhằm thực hiện công tác tổng kết năm học, khoá học, chứ không nhằm cải tiến nội dung dạy học, bổ khuyết những thiếu sót và phát huy những tiến bộ của học sinh nhằm giúp các em phát triển trí tuệ và phẩm chất nhân cách. Điểm số ảo chỉ những điểm số được xác định trên những bài kiểm tra phản ánh sai lệch trình độ của học sinh theo hướng giới hạn trình độ thực chất của các em.
- c) Ghi tóm tắt về hai hình thức đánh giá ở tiểu học sau khi đọc các bài đọc trong môđun, đối chiếu những điều ghi nhận được từ các bài đọc với những ưu đã nêu ở nhiệm vụ (a) và (b). Từ đó, hãy cố gắng xác định xem thông tin nào có thể giúp mình khắc phục khó khăn trong khi đánh giá bằng nhận xét và bằng điểm số.

Bài tập 1

Điều có tính nguyên tắc thứ nhất là trước khi đưa ra những nhận xét chính thức về học lực môn học hay thái độ, hạnh kiểm của học sinh, giáo viên phải tham khảo các tiêu chí hướng dẫn đánh giá trong từng môn học cụ thể để biết học sinh thực hiện thế nào thì đạt mức hoàn thành hay chưa hoàn thành. Thường các tiêu chí hướng dẫn này được trình bày trong tài liệu hướng dẫn giảng dạy hay trong văn bản chương trình. Điều có tính nguyên tắc thứ hai là nhận xét phải dựa trên căn cứ các dữ kiện đã được thu thập đầy đủ, thích hợp. Điều có tính nguyên tắc thứ ba đó là phải bảo đảm các đặc điểm của một nhận xét tốt: hiện thực, cụ thể, cá nhân hoá, chia sẻ thông cảm và kịp thời.

Xem xét hai bản nhận xét, chúng ta thấy ở bản nhận xét thứ nhất, khoảng trống dùng để viết nhận xét quá ít. Lời ghi nhận xét chung chung, không thể hiện những năng lực và phẩm chất riêng biệt của học sinh. Ở bản nhận xét thứ hai, lời nhận xét cụ thể, thực tế, có tính cá thể hoá. Thực vậy, với những nhận xét kèm theo lời miêu tả chứng minh các hành vi của học sinh trong học tập các môn học, người đánh giá trong bản nhận xét thứ hai đã thể hiện:

- Sự quan tâm của mình đến quá trình phát triển của người học.
- Ước vọng khẳng định khả năng của người học và động viên các em phấn đấu hơn nữa.
- Khả năng ghi nhận và diễn đạt các ghi nhận của mình về người học như một chủ thể sinh động, liên tục phát triển.

Trong khi đó, những nhận xét chung chung, sơ sài ở trang học bạ thứ nhất gợi cho chúng ta cảm giác rằng người học là một thực thể bất động. Không một năng lực và phẩm chất riêng nào ở người học được miêu tả.

Vì vậy, nhận xét này có thể áp dụng cho nhiều đối tượng học sinh trong lớp. Các nhận xét như thế không giúp người học biết rõ ưu và khuyết điểm của mình cũng như hướng phấn đấu học tập trong tương lai.

Bài tập 2

Bảng điểm thứ hai cung cấp những thông tin chi tiết về kết quả học tập môn Tiếng Việt của học sinh, trong khi đó bảng điểm thứ nhất chỉ cung cấp những kết quả tổng hợp. Thông tin có tính phân tích về kết quả học tập môn Tiếng Việt ở bảng điểm thứ hai giúp cho giáo viên và cán bộ quản lý môn học dễ dàng đưa ra những quyết định điều chỉnh việc dạy và học Tiếng Việt nhằm cải thiện kỹ năng đọc hiểu và kỹ năng làm văn của học sinh. Bảng điểm thứ nhất với thông tin kết quả chung thường được dùng để phân loại học lực môn Tiếng Việt của học sinh và để thi đua. Việc sử dụng kết quả chung như thế để từ đó đưa ra những kết luận về chất lượng đào tạo của môn học sẽ dẫn đến một thực tế rằng nhiều học sinh đạt “giỏi” và “khá” môn Tiếng Việt mà khả năng đọc viết tiếng Việt vẫn không cao. Bởi lẽ trong các điểm giỏi hay khá ấy, điểm đọc thành tiếng và viết chính tả có xu hướng cao vượt trội so với điểm đọc hiểu và viết văn, đồng thời đóng góp phần quyết định cho tỉ lệ học sinh đạt khá và giỏi ở môn Tiếng Việt.

TIÊU MÔĐUN 4: NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Chủ đề 1: VAI TRÒ CỦA MỤC TIÊU DẠY HỌC ĐỐI VỚI VIỆC XÁC LẬP NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Hoạt động 1: TÌM HIỂU KHÁI NIỆM MỤC TIÊU DẠY HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA VIỆC XÁC LẬP MỤC TIÊU DẠY HỌC TRONG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP



NHIỆM VỤ

Đọc thông tin cơ bản bên dưới, rồi thực hiện hai việc sau đây:

- Trình bày vắn tắt những hiểu biết của các bạn về khái niệm mục tiêu dạy học.
- Giải thích tầm quan trọng của việc xác lập mục tiêu dạy học cũng như trình độ chuẩn trong quá trình xây dựng nội dung đánh giá kết quả học tập.



THÔNG TIN CƠ BẢN

1. MỤC TIÊU DẠY HỌC LÀ GÌ?

Mục tiêu dạy học là các kết quả học tập mà nhà trường trông mong người học đạt được sau khi học tập. Xét theo mức độ của kết quả học tập mà người học đạt đến, mục tiêu dạy học được chia thành hai loại: mục tiêu thành thạo và mục tiêu phát triển (Theo Gronlund, 1985 & Dương Thiệu Tống, 1998).

Mục tiêu thành thạo.

Mục tiêu thành thạo là kết quả học tập ở trình độ tối thiểu mà mọi học sinh cần đạt một cách đồng loạt từ một khoá học hay một môn học, là những kết quả học tập mà học sinh nhất thiết phải đạt nếu như họ muốn có thể học được ở cấp lớp kế tiếp. Các mục tiêu này thường bao gồm những kiến thức đơn giản mà học sinh phải nắm vững vào cuối một giai đoạn học tập.

Mục tiêu phát triển

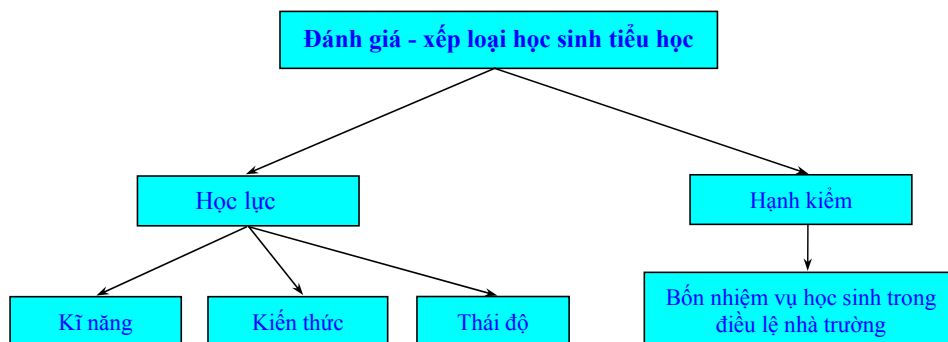
Mục tiêu phát triển là kết quả học tập phức tạp hơn các mục tiêu thành thạo, chẳng hạn như khả năng hiểu, ứng dụng, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề v.v... Khi đã đạt được các kết quả học tập phát triển, người học có thể vận dụng chúng sang những tình huống học tập mới, phức tạp và đa dạng theo hướng tăng tiến liên tục về trình độ. Vì vậy, mục tiêu phát triển còn được gọi là mục tiêu chuyển đi và chẳng bao giờ người học có thể đạt được một cách đầy đủ vào một thời điểm cụ thể.

Trong thực tiễn dạy học, mục tiêu dạy học được xem là một tổ hợp gồm ba loại kết quả học tập: kiến thức, kĩ năng và thái độ, chúng có mối quan hệ tương tác với nhau (Vũ Văn Tảo, 1995).

2. KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐÁNH GIÁ Ở TIỂU HỌC

Như đã định nghĩa ở chủ đề 1 của tiểu môđun 1, đánh giá kết quả học tập trong tài liệu này được hiểu là quá trình hình thành và đưa ra những phán đoán hay kết luận về học lực và hạnh kiểm của mỗi học sinh tiểu học.

Dưới đây là sơ đồ diễn giải kết quả học tập cần đánh giá ở tiểu học:



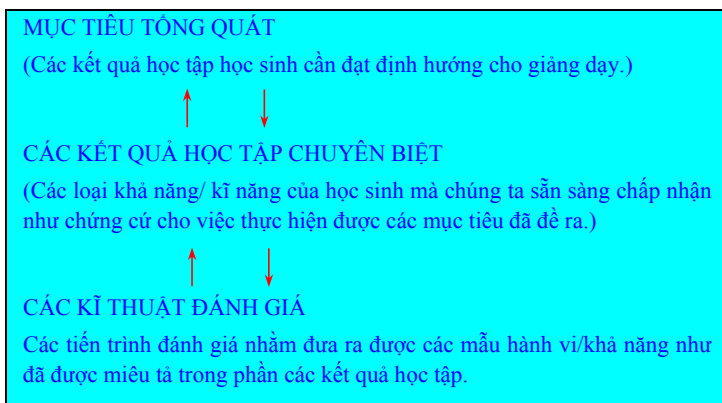
Theo mô hình trên, học lực bao gồm ba thành tố: kiến thức, kỹ năng và thái độ được học sinh thể hiện qua việc học tập các môn học. Căn cứ vào chương trình mỗi môn học, các chuẩn kiến thức, kỹ năng và thái độ được xác lập. Hệ thống chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ của một môn học được xem là trình độ chuẩn tối thiểu mà mỗi học sinh cần phải đạt sau khi học môn học ấy. Hệ thống chuẩn ấy là căn cứ để giáo viên xây dựng hay chọn lựa các công cụ kiểm tra và đánh giá học sinh. Hạnh kiểm là những phẩm chất đạo đức được thể hiện trong việc làm và hành vi ứng xử của học sinh đối với mọi người. Các việc làm và hành vi ứng xử ấy được cụ thể hoá qua bốn nhiệm vụ của học sinh trong Điều lệ nhà trường tiểu học. Với tư nghĩa là những phẩm chất đạo đức, hạnh kiểm có liên quan mật thiết đến thái độ, một trong ba thành tố của học lực. Thái độ thể hiện trong quá trình học tập được bao hàm trong hạnh kiểm của người học sinh và tác động qua lại với hạnh kiểm. Do vậy sự phân định hạnh kiểm với thái độ trong học lực của học sinh là tương đối. Giáo viên cần nhận ra mối quan hệ biện chứng giữa hạnh kiểm và thái độ để có thể đưa ra những nhận xét cụ thể và toàn diện về phẩm chất nhân cách của học sinh.

3. VÌ SAO GIÁO VIÊN PHẢI XÁC LẬP CÁC KẾT QUẢ HỌC TẬP ?

- Kết quả học tập là cơ sở thiết kế các hoạt động dạy học và nội dung đánh giá kết quả học tập.
- Xác lập các kết quả học tập một cách rõ ràng và cụ thể sao cho có thể quan sát và đo lường được là cơ sở bảo đảm cho việc chọn lựa và xây dựng công cụ, kỹ thuật đánh giá thích hợp.
- Xem xét sự tương thích giữa kết quả học tập cần đánh giá với kỹ thuật đánh giá là cơ sở bảo đảm hiệu quả và giá trị của kết quả kiểm tra đánh giá.

Dưới đây là tóm tắt quá trình quan hệ tương tác giữa mục tiêu dạy học, các kết quả học tập cụ thể cần đánh giá với các kỹ thuật đánh giá:





Trong quá trình thực hiện kiểm tra đánh giá, việc liên kết các kĩ thuật đánh giá với các kết quả học tập cần khảo sát về cơ bản là một quá trình phân tích và phán đoán lô gích. Câu hỏi chủ yếu được đặt ra trong quá trình này là năng lực của học sinh được đo lường qua các công cụ đánh giá có phù hợp với các kiểu năng lực đã được quy định trong bảng mô tả lĩnh vực mục tiêu hay không. Mặc dù không thể luôn luôn xác định được tính phù hợp này như mong muốn, nhưng quá trình đánh giá hợp lí đòi hỏi phải nỗ lực để đạt được sự hoà hợp giữa các kĩ thuật đánh giá với các kết quả học tập cần khảo sát. Muốn vậy, sau khi thiết lập công cụ đánh giá, chúng ta cần xem lại nhiều lần các công cụ này để:

- Điều chỉnh, sửa chữa sai sót về nội dung, về cách diễn đạt, tránh những cách diễn đạt tối nghĩa hay vượt xa yêu cầu định kiểm tra.
- Đặc biệt, xem xét mối liên hệ giữa mỗi câu trắc nghiệm với một kết quả học tập chuyên biệt đã định.

BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Giả định bạn đang là Hiệu trưởng của một trường tiểu học, bạn nhận ra rằng nhiều giáo viên ở trường bạn không thực sự quan tâm đến việc tìm hiểu thấu đáo các mục tiêu dạy học và hệ thống trình độ chuẩn kiến thức, kĩ năng, và thái độ của mỗi môn học. Bạn sẽ làm gì và nói gì?

Chủ đề 2: NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KIẾN THỨC

Hoạt động 2: TÌM HIỂU NỘI DUNG KIẾN THỨC ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ Ở TIỂU HỌC

NHIỆM VỤ:

Đọc thông tin cơ bản và nêu các loại kiến thức được kiểm tra trong quá trình đánh giá kết quả học tập.



THÔNG TIN CƠ BẢN

Theo Haladyna (1997), Linn & Gronlund (2000), nội dung kiến thức của một môn học bao gồm các loại sau:

1. Sự kiện chi tiết: Sự kiện chi tiết là kiến thức cơ bản trả lời cho các câu hỏi như *Ai?; Việc gì? Ở đâu?...* Hầu hết các nhà giáo dục đều công nhận rằng việc học các sự kiện chi tiết là cơ sở quan trọng cho các kiểu học khác. Học sinh khó có thể hoạt động trong thế giới nếu như họ không biết nhiều sự kiện. Mặt khác, việc tiếp nhận quá nhiều thông tin sự kiện mà không biết ứng dụng chúng vào việc giải quyết những vấn đề nào đó sẽ gây ra ảnh hưởng tiêu cực trong giáo dục. Bởi vì, mặc dù học các sự kiện là cần thiết, nhưng nó chỉ là một phần nhỏ trong quá trình động não giúp học sinh phát triển các kỹ năng trí tuệ.

2. Khái niệm: Khái niệm chỉ một sự vật phản ánh ở dạng khái quát các sự vật hay sự kiện, hiện tượng trong hiện thực có cùng một số đặc điểm hay tính chất nào đó.

Ví dụ: *tính hiệu quả, lòng yêu thương, tính sáng tạo, vẻ đẹp tâm hồn, lòng trung thực, sự tham gia, chiều cao, tốc độ, khoảng cách, chiều sâu, thời gian, môi trường tự nhiên, nông thôn, thành thị...*

3. Nguyên tắc: Có 4 loại nguyên tắc giải thích mối quan hệ giữa các khái niệm. Mỗi nguyên tắc sẽ được miêu tả vắn tắt sau đây:

- *Quan hệ nhân quả:* đây là mối quan hệ dễ hiểu nhất. Mối quan hệ này hình thành cơ sở của trình độ tư duy mức độ cao, đặc biệt là tư duy phê phán. Nguyên tắc nhân quả có khi mang tính tương đối, lại có khi mang tính tuyệt đối. Ví dụ hút thuốc sẽ làm con người giảm tuổi thọ, nhưng điều này có thể không đúng với một số trường hợp (quan hệ nhân quả tương đối). Mưa lớn kéo dài nhiều ngày, nước sông dâng cao (quan hệ nhân quả tuyệt đối).
- *Tương quan giữa hai khái niệm:* theo nguyên tắc dựa vào mối tương quan giữa hai khái niệm, người học có thể phỏng đoán được điều gì đó. Ví dụ, người cao có xu hướng nặng cân hơn người thấp. (Phỏng đoán dựa vào mối tương quan giữa chiều cao và sức nặng.)
- *Quy luật xác suất:* Học sinh có thể dùng sự phân bố xác suất để đưa ra những phỏng đoán. Ví dụ dựa vào số liệu thống kê là hằng năm, vào mùa hè có nhiều học sinh ở các tiệm internet, người học có thể phỏng đoán rằng nhiều học sinh thích chơi trò chơi điện tử vào những ngày nghỉ hè.
- *Chân lí:* Chân lí là một sự thật được mọi người chấp nhận là đúng. Ví dụ: Khi nước sôi, nó chuyển từ thể lỏng sang thể khí.

4. Phương pháp và tiến trình: Tiến trình là một chuỗi các hành động thể chất hoặc tinh thần dẫn đến một kết quả. Tiến trình có thể đơn giản, hoặc có thể phức tạp. Việc giảng dạy hay đánh giá một tiến trình mà người học lĩnh hội được là một việc làm phức tạp. Ví dụ như tiến trình cắt dán một con thuyền; lập kế hoạch cho kì nghỉ hè sắp tới, tiến trình giải một dạng bài toán v.v...



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Hãy chọn một bài học môn Toán ở lớp 3, một bài học môn Khoa học ở lớp 4, một bài học Luyện từ và câu ở lớp 4 để phân loại nội dung kiến thức của từng bài.

<i>Loại kiến thức</i>	<i>Toán</i>	<i>Khoa học</i>	<i>Luyện từ và câu</i>
Thông tin sự kiện			
Phương pháp / tiến trình			
Khái niệm			
Nguyên tắc			

Chủ đề 3: NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG

Hoạt động 3: TÌM HIỂU NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG TRONG HỌC TẬP



NHIỆM VỤ:

Đọc thông tin cơ bản dưới đây và cho biết có mấy loại kĩ năng cần đánh giá. Lập sơ đồ biểu diễn nội dung kĩ năng cần đánh giá.



THÔNG TIN CƠ BẢN

Các tài liệu về lí luận dạy học cho thấy có bốn loại kĩ năng có thể phát triển cho người học: kĩ năng trí tuệ, kĩ năng thể chất, kĩ năng xã hội, và kĩ năng học tập.

1. Kĩ năng trí tuệ

Kĩ năng trí tuệ còn gọi là kĩ năng nhận thức bao gồm hiểu, vận dụng giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo (Haladyna, 1997). Với kĩ năng *hiểu* và *vận dụng*, bảng phân loại và miêu tả các mục tiêu dạy học của Bloom (xem Phần Phụ lục) có thể giúp ta hình dung ra nhiều hành động trí tuệ cụ thể liên quan đến kĩ năng này.

Hiểu: Với kỹ năng hiểu, người học có thể thể hiện các hành động trí tuệ như sau: giải thích mối quan hệ, tóm tắt, cho ví dụ minh họa, so sánh, diễn giải lại theo cách diễn đạt riêng của mình, v.v...

Vận dụng: Với kỹ năng vận dụng, người học có thể thể hiện các hành động trí tuệ sau: tính toán, vẽ sơ đồ biểu diễn, thu thập thông tin, đưa ra cách làm, v.v...

Tư duy phê phán: Về kỹ năng tư duy phê phán, Haladyna (1997) đã đưa ra hai phương diện chủ yếu của kỹ năng này. Đó là đánh giá và dự đoán. Có thể cho học sinh đánh giá thông tin sự kiện, khái niệm, nguyên tắc hay tiến trình.

Sáng tạo: Về kỹ năng tư duy sáng tạo, Haladyna cho rằng sáng tạo có hai phương diện: suy nghĩ/ư tưởng sáng tạo và sản phẩm sáng tạo. Dưới đây là những tình huống hoặc nội dung học tập mà học sinh có thể thể hiện kỹ năng sáng tạo:

Viết	Làm tập làm văn các thể loại miêu tả tường thuật, kể chuyện, làm thơ...
Nói	Làm văn nói, đọc thành tiếng
Nghệ thuật	Vẽ, tô màu, nặn tượng, cắt dán hình...
Khoa học	Tim hiểu khám phá, phát minh, đề án, đưa giải pháp
Âm nhạc	Hát, sáng tác, thể hiện

Theo Haladyna, Sđd, 1997. tr. 30.

2. Kỹ năng thể chất

Kỹ năng thể chất là phương thức hành động sử dụng những vận động cơ thể để thực hiện một nhiệm vụ học tập có thể dễ dàng nhìn thấy. Theo Romizowski (1999) có hai kiểu kỹ năng thể chất: kỹ năng thể chất tái tạo, và kỹ năng thể chất sáng tạo.

Kỹ năng thể chất tái tạo được thực hiện theo một khuôn khổ hay quy trình có sẵn không thể biến đổi, đòi hỏi những áp dụng của những tình huống với thao tác chuẩn mực. Và trong khuôn khổ ấy, được luyện tập lâu dần, kỹ năng này phát triển đến mức thành thạo, tự động hoá và có tính phản xạ. Đánh máy, viết chữ, chạy, thực hiện các động tác thể dục, ... là loại kỹ năng thể chất tái tạo.

Ngược với kỹ năng thể chất tái tạo, kỹ năng thể chất sáng tạo được thực hiện trong những tình huống mở với những quy trình hoặc khuôn khổ có thể biến đổi, và đòi hỏi người thực hiện phải định ra kế hoạch và biện pháp thực hiện. Trong quá trình thực hiện các kỹ năng thể chất sáng tạo, người thực hiện phải điều chỉnh liên tục kế hoạch và biện pháp cho phù hợp với môi trường hay tình huống xảy ra vốn không thể dự đoán trước. Vẽ, đàn, chơi thể thao, làm thí nghiệm, v.v... là loại kỹ năng thể chất sáng tạo.

3. Kỹ năng xã hội

Kỹ năng xã hội được xem là những kỹ năng được dùng khi tương tác với người khác trong cộng đồng và được phân thành bốn loại cơ bản. Mỗi loại cơ bản bao gồm một danh mục các tiểu loại. Đó là:

a) *Nhóm kỹ năng hợp tác:* là những hành vi giúp đỡ người khác, chia sẻ, trao đổi thông tin, tuân thủ cam kết hoặc cùng chung sức với người khác hoàn thành một công việc, cùng phối hợp hành động

trong một lĩnh vực nào đó nhằm một mục đích chung, biết thương lượng dàn hoà một cách thích hợp.

- b) **Nhóm kỹ năng tự khẳng định mình:** là những hành vi chủ động đề nghị người khác cung cấp thông tin, tự giới thiệu về mình, tạo được sự chú ý của người khác một cách thích hợp, kiên định khi bị người khác gây sức ép, bảo vệ một cách tích cực chủ kiến, quan điểm của mình trước mọi người.
- c) **Nhóm kỹ năng đồng cảm:** là hành vi thể hiện sự quan tâm, trân trọng tình cảm, sự kiến của người khác, thấu hiểu những khó khăn riêng, có thái độ tích cực với người khác, biết chào hỏi, chia sẻ tâm tư tình cảm với người khác.
- d) **Nhóm kỹ năng tự kiểm soát:** đó là hành vi biết kiềm chế trong các tình huống xung đột, biết cách kiềm chế hoặc biết tự làm chủ tình cảm của mình, không ỉn cầu, mong muốn, hoàn cảnh hoặc người khác chi phối.

(Theo R.Bar-On. & J.D.A. Parker- 2000, Orme, Geetu and Bar-On, Reuven, 2002 & Goleman, Daniel (1995), & Nguyễn Công Khanh, 2005)

4. Kỹ năng học tập

Kỹ năng trí tuệ, thể chất và xã hội là điều kiện phát triển các kỹ năng học tập. Và một kỹ năng học tập có thể thiên về tinh thần hoặc thiên về thể chất hoặc mang cả hai tính chất. Về thực tiễn, kỹ năng học tập rất thường được đề cập trong giảng dạy và đánh giá. Loại kỹ năng này bao gồm nhiều hoạt động khác nhau mà người học cần thực hiện trong quá trình học tập như là: thảo luận, viết tóm tắt, lập dàn ý, trình bày vở, chuẩn bị bài học mới, sử dụng tài liệu, sử dụng máy tính, máy vi tính, tra tự điển, tự kiểm tra bài làm/ bài kiểm tra sau khi làm, ghi chép khi nghe giảng, viết báo cáo, trình bày miệng, sưu tầm và trình bày tư liệu... (Keeley, 1997; Bunting, 2003).

Tóm lại, có bốn loại kỹ năng phải phát triển cho học sinh và vì vậy chúng là những kết quả học tập cần đánh giá: kỹ năng trí tuệ, kỹ năng thể chất, kỹ năng xã hội, kỹ năng học tập. Sự phân định bốn loại kỹ năng này có ý nghĩa tương đối và chỉ có giá trị định hướng để xây dựng kế hoạch và nội dung kiểm tra đánh giá. Trên thực tế, các loại kỹ năng này có xu hướng kết hợp thống nhất trong hoạt động học tập của học sinh.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Bài tập 1

Tham khảo bài đọc “*Buổi học thể dục*” trong sách *Tiếng Việt* lớp 3, tập hai, tr. 89, sau đó miêu tả mức độ nhận thức và thao tác trí tuệ mà học sinh cần thể hiện qua các câu hỏi tìm hiểu bài đọc dưới đây:

- a) Các bạn trong lớp thực hiện bài thể dục như thế nào?
- b) Vì sao Nen-li được miễn tập thể dục?
- c) Tìm những chi tiết nói lên quyết tâm của Nen-li.
- d) Tìm thêm một tên thích hợp cho câu chuyện.

Bài tập 2

Xác định và phân tích những kiến thức và kỹ năng được đánh giá trong bài kiểm tra định kì Học kì II, môn Khoa học – lớp 4 chương trình cải cách giáo dục dưới đây: (Lưu ý: bài kiểm tra này được sử dụng như một tư liệu học tập để học viên tìm hiểu vận dụng kiến thức, không nhằm mục đích nào khác).

PHẦN BÀI LÀM CỦA HỌC SINH

Câu 1:

...../2đ

1. Đánh dấu x vào ô để chọn câu đúng.

Mỗi loài thực vật có nhu cầu ánh sáng như thế nào ?

- a) Cần nhiều ánh sáng.
- b) Cần ít ánh sáng.
- c) Cần ánh sáng vừa phải.
- d) Nhu cầu ánh sáng khác nhau tùy từng loài cây.

Câu 2:

...../2đ

2. Chọn các từ ngữ thích hợp trong khung dưới đây điền vào chỗ trống (...) để hoàn chỉnh đoạn văn nói về vai trò của ánh sáng đối với động vật.

*sự sinh sản,
tìm kiếm,
lẩn tránh,
phát hiện*

Nhờ có ánh sáng, động vật có thể đi
..... thức ăn hoặc
..... ra những nguy hiểm để
..... . Thời gian chiếu sáng còn
ảnh hưởng đến
..... của một số động vật.

Câu 3:

...../2đ

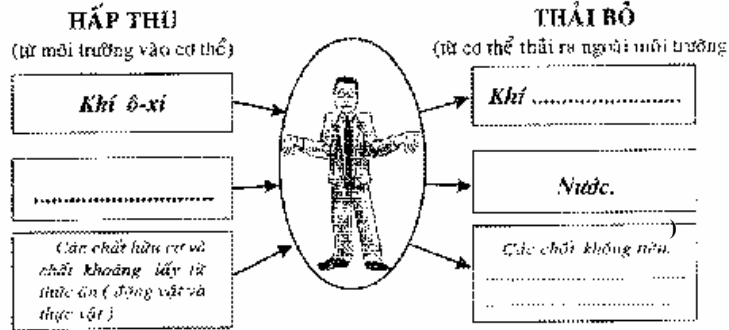
3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô

Động vật và thực vật có một số đặc điểm chung là :

- a) Cùng có quá trình quang hợp.
- b) Có nhu cầu ánh sáng khác nhau.
- c) Quá trình sinh trưởng, phát triển và phân bố đều chịu ảnh hưởng của ánh sáng và nhiệt.
- d) Điều lấy ô-xi và thải bỏ khí các-bô-níc trong quá trình hô hấp.

Câu 4:
..... / 1,5đ

4/ Em hãy thực hiện hoàn chỉnh sơ đồ dưới đây về sự trao đổi chất ở người bằng cách viết thêm những nội dung còn thiếu vào chỗ trống (...) cho phù hợp.



Câu 5:
..... / 2,5đ

5/ Não và tủy sống của con người có nhiệm vụ gì ? Chúng được bảo vệ ra sao ? Trong đời sống hàng ngày, em phải chú ý điều gì để không làm tổn thương đến hệ thần kinh.

Trả lời

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ 4: NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ THÁI ĐỘ VÀ HẠNH KIỂM

Hoạt động 4:



NHIỆM VỤ:

Tìm hiểu nội dung đánh giá thái độ và hạnh kiểm

- a. Làm việc cá nhân: Đọc thông tin cơ bản, trình bày những nội dung hạnh kiểm cần đánh giá vào vở học tập.
- b. Làm việc nhóm: Tìm hiểu và lập bảng liệt kê nội dung phẩm chất thái độ cần đánh giá thông qua các môn học của chương trình tiểu học (tham khảo phần Mục tiêu tổng quát của Chương trình các môn học).



THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Các phẩm chất thái độ liên quan đến việc phát triển năng lực học tập môn học

Phẩm chất thái độ liên quan đến việc phát triển năng lực học tập môn học được nêu trong mục tiêu dạy học tổng quát của chương trình môn học cũng như trong kế hoạch các bài dạy của môn học ở các khối lớp. Các phẩm chất thái độ liên quan đến việc phát triển năng lực học tập môn học khác nhau tùy theo đặc trưng của từng bộ môn. Tuy nhiên, dù biểu hiện đa dạng nhưng các phẩm chất thái độ ấy có thể khái quát được thành một số phẩm chất chung như: hứng thú học tập, thói quen/phong cách học tập, khả năng tưởng tượng sáng tạo, tình yêu và lòng quan tâm đến cộng đồng xã hội, những nét tính cách cá nhân như lòng tự tin, tự trọng, tinh thần trách nhiệm, tính kỉ luật.

2. Hạnh kiểm

Theo *Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học* (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT), về hạnh kiểm, có bốn phương diện cần đánh giá ở mỗi học sinh.

Dưới đây là tóm tắt về nội dung đánh giá hạnh kiểm của học sinh tiểu học:

ĐÁNH GIÁ VỀ HẠNH KIỂM

Đánh giá bằng nhận xét (không xếp loại)

<i>Nội dung nhận xét đánh giá</i>	<i>Cách ghi nhận xét</i>	<i>Thời điểm đánh giá</i>
1. Biết vâng lời thầy giáo, cô giáo; lễ phép trong giao tiếp hằng ngày; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bè bạn.	Thực hiện đầy đủ (Đ) Nếu học sinh thực hiện đầy đủ các nội dung quy định bên.	Cuối học kì I
2. Đi học đều và đúng giờ; giữ trật tự khi ra vào lớp và khi học; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập.		
3. Giữ gìn thân thể và vệ sinh cá nhân; đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ; ăn uống hợp vệ sinh.	Chưa thực hiện đầy đủ (CD) Nếu học sinh chưa thực hiện đầy đủ các nội dung quy định bên thì giáo viên cần ghi nhận xét cụ thể, rõ ràng những điểm các em chưa thực hiện được.	Cuối năm học
4. Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp và nơi công cộng; bước đầu biết thực hiện các quy tắc về an toàn giao thông và trật tự xã hội.		

3. Các mức độ của lĩnh vực thái độ

Trong thực tiễn giảng dạy, các mục tiêu về thái độ tình cảm thường không được diễn tả một cách chính xác, và giáo viên thường không được hướng dẫn rõ ràng về cách đánh giá các mục tiêu này trong quá trình dạy học. Krathwohl (1964) đã đưa ra cách phân loại các mức độ thuộc lĩnh vực tình cảm giúp cho nhà giáo dục có thể hình dung ra những biểu hiện từ đơn giản đến phức tạp của các thái độ – tình cảm của người học, nhờ vậy có thể đánh giá được thái độ hay hạnh kiểm của họ. Dưới đây là thang 5 mức độ của lĩnh vực thái độ tình cảm.

1. Tiếp nhận: nhận biết, sẵn lòng tiếp nhận; chú ý có chủ định.
2. Cho phản hồi: hiểu biết, sẵn lòng đáp lại, hài lòng đáp lại.
3. Phán đoán giá trị: chấp nhận; thể hiện sự tham gia, cam kết thực hiện.
4. Tổ chức: tạo ra khái niệm về giá trị cho bản thân, đưa giá trị vào hệ thống giá trị của bản thân.
5. Thể hiện: hành động kiên định theo giá trị đã lĩnh hội, giá trị trở thành nét tính cách của cá nhân.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Bài tập 1

Đọc câu chuyện dưới đây, dựa vào thang 5 mức độ của lĩnh vực thái độ, hãy phác hoạ sơ đồ phát triển thái độ đối với nghề y của nhân vật Diệp Thiên Sỹ :

Ông nội và cha Diệp Thiên Sỹ đều là thầy thuốc. Thuở nhỏ, thấy ông và cha khám chữa bệnh miễn phí cho nhiều người nghèo và được dân trong làng rất yêu quư và biết ơn, Diệp Thiên Sỹ cảm thấy yêu thích y thuật từ bé.

Ngày ngày, sau giờ học, Thiên Sỹ thường hay ra ngắm nhìn cha khám bệnh phát thuốc. Cậu còn tò mò hỏi cha nhiều điều về y thuật. Năm 14 tuổi, cha cậu qua đời, cậu đi với những học trò cũ của cha để học nghề thuốc. Cậu học rất kỹ lưỡng và nhiệt tâm nên uy tín rất lớn.

Chẳng bao lâu Diệp Thiên Sỹ đã tinh thông y lý. Cậu dùng phương pháp mới để chữa bệnh cho mọi người nên những bệnh khó chữa cũng đều có thể chữa được. Người bệnh nào nghèo khó, Diệp Thiên Sỹ chỉ khám chữa bệnh miễn phí.

(Theo truyện 100 gương trẻ tốt : Tinh thông y lý của Tô Thượng Diệu – bản dịch, NXB Trẻ, 2002.)

Bài tập 2

Nêu một số cách thức đánh giá thái độ của học sinh qua việc học tập các môn học.



THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hoạt động 1

Từ thông tin cơ bản về khái niệm mục tiêu dạy học, học viên cần nắm:

- Lợi ích của cách phân loại các mục tiêu dạy học của Bloom và cộng sự của ông. Lợi ích đó là cung cấp cho người đánh giá kết quả học tập một “la bàn” để xác định danh mục các kiểu kết quả học tập từ mức độ đơn giản đến phức tạp.
- Nội hàm của từng thành tố mục tiêu kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được miêu tả giúp nhận diện những nội dung cụ thể của các kết quả học tập cần đánh giá.

Từ đó, vận dụng hiểu biết này để phân tích, miêu tả mở rộng nội dung đánh giá về học lực và hạnh kiểm đã được quy định trong văn bản *Quy định về đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học* (Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGD & ĐT) làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh.

Bài tập đánh giá

Trong bài tập này, với cương vị là Hiệu trưởng, có thể đưa ra nhiều phương án khác nhau để giúp giáo viên trường bạn thực sự quan tâm đến việc tìm hiểu thấu đáo các mục tiêu dạy học và trình độ chuẩn. Sau đây là một vài phương án gợi ý: (1) Có những biện pháp cụ thể để phát triển ư thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc nắm vững mục tiêu trong dạy học và đánh giá: hội thảo, dùng áp phích, báo tường, phổ biến văn bản về mục tiêu dạy học các môn đến từng giáo viên...; (2) Có những

biện pháp đòi hỏi giáo viên phải thực hiện việc dạy học và kiểm tra đánh giá trên căn cứ danh mục các kết quả học tập: kiểm tra kế hoạch dạy học của giáo viên theo cách phỏng vấn các nội dung cơ bản sau: Các kết quả học tập học sinh cần đạt trong bài là gì? Để học sinh đạt được mỗi kết quả học tập, cần tổ chức cho học sinh hoạt động gì? Để tiến hành hoạt động, cần sử dụng phương tiện, phương pháp gì? Có biện pháp, hình thức gì để kiểm tra xem học sinh đã đạt được các kết quả học tập chưa? Trong trường hợp này, để giáo viên có thời gian và tâm sức tập trung vào mục tiêu dạy học và tự định đánh giá, nhà trường không nên buộc giáo viên soạn kế hoạch bài dạy một cách chi tiết như hiện nay.

Hoạt động 2:

Qua thông tin cơ bản, học viên biết được có bốn loại kiến thức được kiểm tra trong quá trình đánh giá kết quả học tập ở tiểu học: sự kiện – chi tiết, khái niệm/ định nghĩa, nguyên tắc và phương pháp/tiến trình. Đặc biệt, học viên cần nắm nội dung cụ thể của từng loại kiến thức mà Haladyna đã miêu tả.

Bài tập đánh giá

Ở bài tập này, học viên làm việc theo nhóm, chọn ba bài học: một bài học môn Toán ở lớp 3, một bài học môn Khoa học ở lớp 4, một bài học môn Tiếng Việt ở lớp 4, rồi vận dụng miêu tả các loại kiến thức của Haladyna để phân loại nội dung kiến thức của từng bài.

Ví dụ

Bài học	Sự kiện – chi tiết	Khái niệm	Phương pháp/tiến trình	Nguyên tắc
1. Các thế hệ trong gia đình (Tự nhiên và Xã hội 3 – bài 19)	Các thành viên trong gia đình; tuổi tác của họ.	Thế hệ	Sắp xếp tuổi từ nhiều đến ít.	
2. Nhân số có hai chữ số với số có một chữ số (có nhớ) (Toán 3)	Các con số, các bài tính.	Phép nhân. Số có hai chữ số Số có một chữ số	Quy tắc nhân	
3. Chỗ bánh khúc của di tô (Tập đọc - lớp 3)	Các chi tiết, sự kiện trong văn bản.	Tình quê hương		Nhớ món ăn quê hương là biểu hiện của tình quê hương (tương quan giữa các khái niệm: <i>trạng thái cảm xúc với tình cảm, giữa món ăn dân tộc với quê hương</i>).

Hoạt động 3:

Học viên đọc thông tin cơ bản rồi nêu tên và miêu tả các loại kỹ năng được đánh giá trong học tập. Điều quan trọng là cần nhận ra tính tương đối của sự phân loại cũng như mối quan hệ chuyển hoá hay bao

hàm nhau giữa các loại kỹ năng này trong hành vi học tập thực tế của học sinh. Ví dụ, một hành động trí tuệ (nhận thức) có thể chuyển thành, hay nói cách khác là chuyển ra ngoài thành kỹ năng thể chất. Ví dụ như sau khi hiểu ra cách giải một bài toán, học sinh nói lớn cách giải toán ấy ra, hoặc vẽ sơ đồ biểu diễn cách giải ấy. Mặt khác, trong một kỹ năng thể chất nào hầu như đều có yếu tố của nhận thức. Ví dụ trước khi vẽ một hình ảnh nào đó, học sinh phải hình dung ra bố cục, chủ đề, màu sắc sẽ vẽ. Còn kỹ năng học tập được phát triển từ sự phối hợp giữa ba kỹ năng thể chất, trí tuệ và xã hội.

Sơ đồ biểu diễn nội dung kỹ năng cần kiểm tra đánh giá:



Bài tập đánh giá 1

Câu hỏi	Mức độ nhận thức	Thao tác
1. Các bạn trong lớp thực hiện bài thể dục như thế nào?	Biết	Nhận diện và nêu sự kiện.
2. Vì sao Nen-li được miễn tập thể dục?	Biết	Nhận diện sự kiện và dùng sự kiện ấy để giải thích.
3. Tìm những chi tiết nói lên quyết tâm của Nen-li.	Hiểu đơn giản	Nhận diện sự kiện để đối chiếu, chứng minh.
4. Tìm thêm một tên thích hợp cho câu chuyện.	Hiểu phức tạp	Tổng hợp các chi tiết và đưa ra phán đoán khái quát.

Bài tập đánh giá 2

Những kiến thức và kỹ năng được đánh giá trong bài kiểm tra định kì, môn Khoa học

Câu	Kiến thức	Kỹ năng
1	Sự kiện	Nhận diện
2	Sự kiện	Nêu tên
3	Khái niệm cụ thể	So sánh khái quát
4	Quy trình	Trình bày hoàn thành sơ đồ
5	Sự kiện, quy trình, nguyên tắc	Nhắc lại và liên hệ suy luận

Hoạt động 4:

Học viên tham khảo phần Mục tiêu tổng quát của Chương trình các môn học rồi lập bảng liệt kê nội dung phẩm chất thái độ cần đánh giá thông qua các môn học của chương trình tiểu học. Trên cơ sở bảng liệt kê được hoàn thành, học viên sẽ nhận ra và xác định rằng ưu kiến sau đây là hợp lí: “*Phẩm chất thái độ liên quan đến việc phát triển năng lực học tập môn học khác nhau tùy theo đặc trưng*

của từng bộ môn. Tuy nhiên, dù biểu hiện đa dạng nhưng các phẩm chất thái độ ấy có thể khái quát được thành một số phẩm chất chung như: hứng thú học tập, thói quen/phong cách học tập, khả năng tưởng tượng sáng tạo, tình yêu và lòng quan tâm đến cộng đồng xã hội, phát triển nhân cách cá nhân như lòng tự tin, tự trọng, tinh thần trách nhiệm, tính kỉ luật”.

Bài tập đánh giá

a) Dưới đây là sơ đồ phát triển thái độ đối với nghề y của nhân vật Diệp Thiên Sỹ:

Mức độ phát triển	Hành vi biểu hiện
Tiếp nhận	<i>thấy ông và cha khám chữa bệnh miễn phí cho nhiều người nghèo và được dân trong làng rất yêu quư và biết ơn</i>
Cho phân hồi	<i>cảm thấy yêu thích y thuật</i>
Phân đoán giá trị	<i>thường hay ra ngắm nhìn cha khám bệnh phát thuốc, tò mò hỏi cha nhiều điều về y thuật, học nghề thuốc</i>
Tổ chức	<i>học rất kĩ lưỡng và nhiệt tâm nên uy tín rất lớn</i>
Thể hiện	<i>tinh thông y lí, dùng phương pháp mới để chữa bệnh cho mọi người, khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo.</i>

b) Có thể sử dụng một số biện pháp sau đây để đánh giá thái độ của học sinh qua việc học tập các môn học: giúp học sinh tự đánh giá theo mẫu hay theo câu hỏi gợi ý; quan sát hành vi thái độ của học sinh trong học tập và ghi nhận vào sổ nhật kí; trao đổi với phụ huynh về việc học ở nhà của học sinh ...

TIỂU MÔĐUN 2:

KĨ THUẬT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP Ở TIỂU HỌC

Chủ đề 1. KĨ THUẬT QUAN SÁT

Hoạt động 1: NĂM MỘT SỐ KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ KĨ THUẬT QUAN SÁT



NHIỆM VỤ:

a) Dựa vào kinh nghiệm thực tế, hãy cho biết:

- Những kết quả học tập nào của học sinh cần quan sát?

- Ghi nhận các quan sát bằng cách nào? Và làm thế nào để có thể đưa những nhận xét từ các quan sát ấy?

b) Đọc thông tin cơ bản dưới đây và nêu những hiểu biết về kỹ thuật quan sát mà trước đây bạn chưa có.

THÔNG TIN CƠ BẢN

1) Các kiểu quan sát trong đánh giá kết quả học tập

Có hai kiểu quan sát: 1) Quan sát quá trình: là theo dõi hoặc lắng nghe học sinh đang thực hiện các hoạt động học tập; (2) Quan sát sản phẩm: là xem xét sản phẩm học tập của học sinh sau một hoạt động (Airasian, 2000).

Kỹ thuật quan sát được dùng để đánh giá: (1) các thái độ – tình cảm của học sinh như thái độ đối với cộng đồng, thái độ đối với môi trường tự nhiên...; (2) các hoạt động thực hành như: nói, viết, nghe, đọc, đọc thành tiếng, viết chữ, làm việc nhóm, làm thí nghiệm, vẽ, chơi các loại nhạc cụ, hát, múa, thể dục, kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng tự học, kỹ năng xã hội; (3) thói quen, nề nếp học tập.

2) Công cụ ghi nhận kết quả quan sát

Có năm loại công cụ để ghi lại các kết quả quan sát được:

(1) **Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh:** Loại sổ này được cung cấp với mẫu thống nhất do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Kết quả quan sát này được ghi nhận trên căn cứ hướng dẫn về đánh giá hạnh kiểm và học lực của học sinh tiểu học.

(2) **Sổ chủ nhiệm:** Loại sổ này thường được từng trường thiết kế theo yêu cầu của mình. Nhìn chung, nội dung của Sổ chủ nhiệm gồm: danh sách học sinh kèm với những thông tin cơ bản về gia đình, địa chỉ, những hoạt động chủ yếu của lớp trong năm học. Ngoài ra, trong Sổ chủ nhiệm có những trường còn yêu cầu giáo viên ghi nhận những quan sát về học sinh theo những chủ điểm.

(3) **Sổ nhật kí giáo viên:** Sổ nhật kí do giáo viên tự tạo. Với Sổ nhật kí, giáo viên có thể theo dõi và ghi lại những hành vi học tập của học sinh cũng như những nhận xét về việc học của các em mỗi ngày. Giáo viên có thể sử dụng những thông tin này như là cứ liệu cho những ghi nhận chính thức trong Sổ theo dõi học sinh.

Sổ theo dõi học sinh hàng tháng cùng với Sổ nhật kí giáo viên và Sổ chủ nhiệm tạo thành HỒ SỔ THEO DÕI HỌC SINH.

Dưới đây là một mẫu Sổ nhật kí giáo viên

Trang bìa của Sổ nhật kí giáo viên

Formatted: Bullets and Numbering

Trường Tiểu học A
Huyện C
Học kì I- 2001
NHẬT KÍ GIÁO VIÊN
Giáo viên: Nguyễn Thanh Lan
Lớp: 2D

Trang mẫu ghi nhận các điều quan sát trong Sổ nhật kí giáo viên

Ngày 14/3/2001

Bài: Môn Toán- bài 20: Nhận biết các số từ 1 đến 20

- Khương nhận biết rất nhanh những con số từ 1 đến 20 trong trò chơi bingo.
- Thư sắp xếp thứ tự các con số từ 1 đến 20 rất nhanh.
- Bảo hơi chậm khi ghép tám hình 15 con mèo với số 15.
- Thảo rất khó khăn để nhận biết được các số lớn hơn 10.
- Khương dành thời gian trong giờ học để giúp Bảo tập đếm.
- Thư ngồi cạnh bên Thảo nhưng không giúp Thảo khi Thảo hỏi bài; Thư thích làm việc một mình và có vẻ ganh đua trong trò chơi Bingo. Thư tỏ ra khó chịu khi Khương thắng.

4) Bảng kiểm (Checklist)

Bảng kiểm là một bảng liệt kê những hành vi hay tính chất.... kèm với yêu cầu xác định là có hoặc không được dùng như một bảng hướng dẫn theo dõi, xem xét và ghi nhận các quan sát. Bảng kiểm là phương tiện hướng dẫn việc ghi nhận các quan sát khá tiện lợi.

Dưới đây là mẫu bảng kiểm kỹ năng nói

Khoanh tròn CÓ hoặc KHÔNG

- | | | |
|--|----|-------|
| ■ Phát âm chuẩn. | Có | Không |
| ■ Nói trôi chảy, không ngắt ngứ. | Có | Không |
| ■ Thể hiện quan hệ giao tiếp với người nghe. | Có | Không |
| ■ Liên quan đến chủ đề. | Có | Không |
| ■ Thời gian nói không quá 3 phút. | Có | Không |
| ■ Bộ lộ cảm xúc cá nhân | Có | Không |

(5) Thang mức độ (Rating Scale)

Thang mức độ có chức năng tương tự như thang điểm là hướng dẫn việc cho điểm hay ghi nhận xét các bài kiểm tra. Thang mức độ cung cấp cho giáo viên một phương cách tiện lợi để ghi nhận và báo cáo các điều quan sát được trên một nội dung kiểm tra rộng lớn hay phức tạp. Khác với thang điểm cho bài kiểm tra trong đó điểm số là công cụ xác định mức độ thực hiện nhiệm vụ của học sinh (còn gọi là thang số), thang mức độ dùng cho quan sát thường được xác lập với những mức độ có tính chất

định tính hay miêu tả như “xuất sắc, trung bình” hoặc “hiếm khi, thường xuyên, nhiều, ít, liên quan”...

Một trong những cách sử dụng thang mức độ đơn giản nhất là khoanh tròn hay đánh dấu vào con số biểu thị cho các mức độ đạt được. Thông thường, người đánh giá thường quy ước con số với mức độ: số cao nhất có mức độ cao nhất, số 1 hoặc 0 là thấp nhất.

Dưới đây là một vài mẫu thang mức độ dùng cho quan sát:

Mẫu 1: Khoanh tròn một trong các số dưới đây để chỉ ra mức độ học sinh đóng góp vào buổi thảo luận. Lưu ý các con số được quy ước như sau: 5. Xuất sắc; 4. Khá; 3. Trung bình; 2. Yếu; 1. Kém.

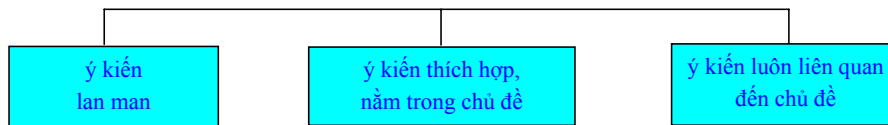
1. Học sinh tham gia vào buổi thảo luận ở mức độ nào?

1 2 3 4 5

2. Các ý kiến trao đổi liên quan đến chủ đề thảo luận ở mức độ nào?

1 2 3 4 5

Mẫu 2: Đánh dấu x vào bất cứ chỗ nào dọc theo hàng ngang dưới mỗi câu để ghi nhận các ý kiến trao đổi của học sinh liên quan đến chủ đề thảo luận ở mức độ nào.



3. Tiến trình và cách thức ghi nhận các quan sát để cho nhận xét

3.1. Trước khi quan sát

Trước khi quan sát, giáo viên nên lập kế hoạch định hướng quan sát rồi phác họa các yêu cầu cần quan sát trên giấy nháp hay trong trí não. Trong trường hợp nội dung kiểm tra phức tạp và kết quả quan sát sẽ được công bố như biểu hiện cho ngưỡng thành đạt của học sinh, giáo viên nên lập bảng kiểm hay thang mức độ để quan sát. Sau đây là hệ thống câu hỏi gợi ý để giúp giáo viên hình thành kế hoạch quan sát:

- Anh (chị) sẽ tìm hiểu về điều gì khi quan sát?
- Những học sinh nào sẽ được quan sát?
- Khi nào anh (chị) sẽ quan sát học sinh?
- Những thông tin nào cần được ghi nhận?
- Anh (chị) sẽ ghi nhận những thông tin ấy như thế nào?
- Có điều gì ảnh hưởng đến việc quan sát không?

3.2. Trong khi quan sát

- Sử dụng công cụ quan sát để theo dõi hoạt động hay xem xét sản phẩm của người học.
- Thu thập dữ liệu đầy đủ, tránh định kiến.
- Đối chiếu với những kết quả mà học sinh đã được trước đây để có thể nhận ra sự tiến bộ của học sinh.

3.3. Sau khi quan sát

Căn cứ trên các ghi nhận, giáo viên đưa ra nhận xét nhằm phân tích và đánh giá những kết quả mà học sinh đạt được, cũng như cho học sinh biết phương hướng phát huy hay điều chỉnh hoạt động học tập.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Vận dụng kiến thức về kĩ thuật quan sát để phân tích một trường hợp sử dụng kĩ thuật này trong thực tế dạy học.

Xem băng hình về cách quan sát học sinh khi làm việc theo nhóm rồi trao đổi, thảo luận các nội dung sau đây:

- a. Nhận diện và nêu các kiểu quan sát được thực hiện trong bài dạy.
- b. Phân tích và đánh giá các nhận xét mà giáo viên đã đưa ra.
- c. Giáo viên làm thế nào để có thể quan sát ghi nhận kết quả học tập và cho nhận xét một cách thích hợp, hiệu quả?

Chủ đề 2: KIỂM TRA MIỆNG

Hoạt động 2: TÌM HIỂU VỀ KỸ THUẬT “KIỂM TRA MIỆNG”



NHIỆM VỤ:

- Trong dạy học, anh (chị) thực hiện kiểm tra miệng khi nào và để làm gì? Các công cụ thường dùng để kiểm tra miệng?
- Đối chiếu ưu kiến với phần thông tin cơ bản về kỹ thuật kiểm tra miệng ở bên dưới.



THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái niệm kiểm tra miệng (KTM):

KTM là một thuật ngữ chỉ hoạt động *đánh giá thường xuyên* và trực tiếp mặt đối mặt giữa GV và HS trong mỗi bài dạy mới hoặc sau một vài bài đã dạy nhằm đo lường một số hành vi thể hiện sự hiểu biết và khả năng ứng dụng những điều đã học của học sinh.

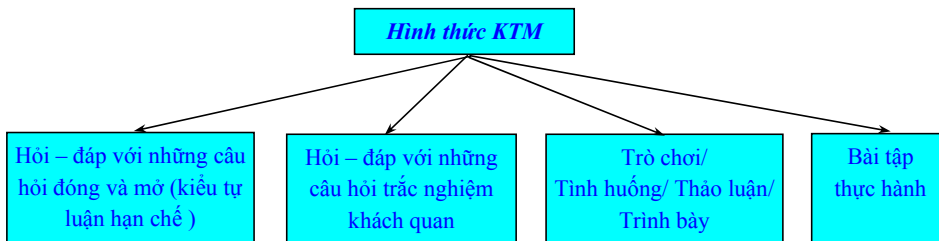
Lợi ích của kiểm tra miệng:

- Giáo viên có thể theo dõi sự lĩnh hội và phát triển kiến thức, kỹ năng và thái độ của học sinh một cách liên tục, nhờ vậy có thể có những biện pháp điều chỉnh kịp thời quá trình dạy học.
- Giáo viên có thể có được hình ảnh thực sự rõ nét về trình độ của người học, nhờ vậy, có thể động viên, khuyến khích hoặc giúp đỡ học sinh trong học tập.

2. Hình thức, tính chất và nguyên tắc kiểm tra miệng ở tiểu học

Hình thức kiểm tra miệng ở tiểu học

Sơ đồ dưới đây miêu tả các hình thức kiểm tra miệng:



Tính chất của hoạt động kiểm tra miệng.

Căn cứ trên tính chất nhận thức của hoạt động kiểm tra miệng (KTM), có thể chia KTM thành ba kiểu như sau: (1) KTM ghi nhớ – tái hiện đơn giản. (2) KTM ghi nhớ – tái hiện sáng tạo. (3) KTM ghi nhớ – vận dụng giải quyết vấn đề.

Nguyên tắc thực hiện kiểm tra miệng

- a) Nắm rõ nội dung (kiến thức/ kỹ năng/ thái độ) cần kiểm tra.
- b) Dựa trên các nội dung cần kiểm tra đã được xác lập ở trên, thiết kế hay chọn lựa một vài hoạt động để đánh giá học sinh.
- c) Nên sử dụng nhiều kỹ thuật và hình thức kiểm tra khác nhau để kiểm tra, tránh sự đơn điệu, tránh lặp lại nguyên văn những câu hỏi, bài tập đã được dùng trong lúc giảng dạy bài cũ.
- d) Kiểm tra miệng cần tạo cơ hội cho các em áp dụng những kiến thức, kỹ năng mà các em đã học vào đời sống hằng ngày và giải quyết vấn đề, tạo cho các em cơ hội được tự thể hiện, được diễn đạt, trình bày.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Xem 2 trích đoạn kiểm tra miệng bài Tập đọc “*Quả tim khỉ*”, *Tiếng Việt 2* tập 2. Lưu ý đây chỉ là tình huống giả định được dùng như một phương tiện dạy học để tổ chức cho người học trao đổi vận dụng những kiến thức về kỹ thuật kiểm tra miệng vừa mới học, phân tích những cách kiểm tra miệng khác nhau trong dạy học ở tiểu học. Mục đích của băng hình không nhằm phân tích hiệu quả của tiết học cũng như sự phân bố thời gian cho bài học. Sau khi xem băng hình, trao đổi theo hai câu hỏi gợi ý sau:

- Những kiến thức, kỹ năng và thái độ nào của học sinh được đo lường qua mỗi phần kiểm tra miệng mà các bạn đã xem?
- Điều gì đã dẫn đến sự khác nhau trong kết quả đánh giá trên cùng một bài học?

Chủ đề 3: BÀI TỰ LUẬN

Hoạt động 3: NẮM NHỮNG KIẾN THỨC CỐ BẢN VỀ KỸ THUẬT BÀI TỰ LUẬN



NHIỆM VỤ:

- a) Hãy nêu hai đề bài tự luận đã sử dụng hoặc đã biết. Những kết quả học tập nào được đánh giá thông qua hai đề bài đó? Vì sao bài tự luận còn được gọi là kiểu trắc nghiệm chủ quan không?
- b) Đọc thông tin cố bản về kỹ thuật “Bài tự luận” bên dưới và đối chiếu những điều đã ghi nhận từ bài đọc với những điều đã trả lời ở nhiệm vụ (a).



THÔNG TIN CỐ BẢN

1. Các kết quả học tập mà bài tự luận có thể kiểm tra:

- Trình bày kiến thức sự kiện; nêu khái niệm, định nghĩa; giải thích nguyên tắc; mô tả phương pháp tiến trình.
- Kỹ năng vận dụng kiến thức, phân tích, tổng hợp, suy luận và đánh giá những thông tin mới nhờ sự hiểu biết.
- Kỹ năng suy nghĩ và giải quyết vấn đề.
- Kỹ năng chọn lựa, tổ chức, phối hợp, liên kết và đánh giá những ưu nhược.
- Kỹ năng diễn đạt ngôn ngữ.

2. Các hình thức bài tự luận:

a) Dựa vào độ dài và giới hạn của câu trả lời, người ta phân bài tự luận thành hai dạng:

- Kiểu trả lời hạn chế.
- Kiểu trả lời mở rộng (Linn & Gronlund, 2000).

b) Dựa vào các mức độ nhận thức cần đo lường: bài tự luận được phân thành bốn dạng: (1) đo lường khả năng ứng dụng, (2) đo lường khả năng phân tích, (3) đo lường khả năng tổng hợp, (4) đo lường khả năng đánh giá.

Ở Tiểu học, bài tự luận chủ yếu *đo lường khả năng ứng dụng* (Toán, Tập làm văn)

3. Cách biên soạn đề bài tự luận

- Người đánh giá xem xét lại những yêu cầu cơ bản của kiến thức và kỹ năng cần đánh giá trước khi viết đề.
- Đề bài tự luận đòi hỏi học sinh dùng kiến thức đã lĩnh hội được để giải quyết một tình huống cụ thể. Vì vậy, đề bài phải trình bày một tình huống cụ thể hoặc một vấn đề nằm trong vòng kinh nghiệm, hiểu biết của người học. Từ tình huống hay vấn đề ấy, người học có thể nhận ra những mối liên hệ giữa kiến thức, kỹ năng đã học với nội dung của tình huống.
- Nội dung câu hỏi nhất thiết phải có yếu tố mới và không quen thuộc với học sinh.
- Đề bài tự luận được trình bày đầy đủ với hai phần chính: phần phát biểu về tình huống và phần phát biểu về vấn đề hay sự chọn lựa sao cho mỗi học sinh có thể làm việc trong một ngữ cảnh bình thường và dễ hiểu.
- Bên cạnh phần tình huống và phần vấn đề hay chọn lựa còn có một phần khác được gọi là hướng dẫn trả lời. Phần này trình bày những mức độ cụ thể của câu trả lời: độ dài của bài, những điểm chuyên biệt hay những hành vi cần thể hiện như giải thích, miêu tả, chứng minh...
- Hình thức đề bài tự luận có thể là câu hỏi hay một lời đề nghị, yêu cầu.

Dưới đây là một số mẫu đề bài tự luận:

1. *Giới thiệu về một loài chim mà em biết.*
2. *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 4, 5 dòng) tả một cây hoa mà em thích. Trong đoạn văn vừa viết, những từ nào là từ đơn, những từ nào là từ ghép? (Tiếng Việt 4, chương trình cải cách giáo dục)*
3. *Nêu vòng đời của ếch.*

4. Hãy tưởng tượng một ngày nào đó bạn không có hàm răng. Điều gì sẽ xảy ra cho quá trình tiêu hoá của bạn? (Bài Hệ tiêu hoá- môn Khoa học- lớp 5)
5. Để ốp thêm một mảng tường người ta dùng hết 9 viên gạch men, mỗi viên gạch hình vuông cạnh 10 cm. Hỏi diện tích mảng tường được ốp thêm bao nhiêu xăng-ti-mét vuông. (Toán lớp 3, tr. 154)
6. Em ở trong một cửa hàng với mẹ. Em giúp mẹ chọn một món quà sinh nhật cho cô em gái nhỏ. Khi em đang xem các búp bê bày bán trong tủ kính thì một trong những cô búp bê ấy nói điều gì đó với em. Hãy viết một câu chuyện kể cho các bạn học cùng lớp của em. Kể cho họ nghe những điều xảy ra sau khi cô búp bê nói chuyện với em.

4. Cách chấm điểm bài tự luận

Căn cứ vào yêu cầu của kiến thức và kỹ năng cần đánh giá qua bài tự luận, người đánh giá xây dựng thang điểm chấm. Thang điểm bao gồm các mức điểm và những yêu cầu cần đạt ở từng mức điểm. Tùy theo đặc điểm của thang điểm chấm, việc chấm bài tự luận được chia thành hai hướng:

a) Hướng chấm cảm tính/ ấn tượng: Khi thang điểm được nêu một cách vắn tắt với những yêu cầu tổng quát nhiều khi đến sơ sài thì việc chấm điểm bài tự luận thường có xu hướng chấm theo cảm tính/có tính ấn tượng: dựa trên ấn tượng chung về bài viết rồi cho một điểm đơn nhất vào bài viết ấy. Ưu điểm của hướng chấm cảm tính là việc chấm điểm có thể được thực hiện nhanh chóng. Tuy nhiên, trong cách chấm này, người chấm bài rất dễ bỏ qua những thành quả mà học sinh thể hiện trong bài viết. Và điểm số mà người chấm gán cho mỗi bài có thể không phản ánh đúng trình độ thực chất của người học.

Dưới đây là một thang điểm chấm theo hướng cảm tính/ấn tượng:

Đề bài: Viết một đoạn văn từ 7đến 10 dòng tả một loài hoa mà em yêu thích (5 điểm).

A. Về diễn đạt: (2 điểm)

Biết cách làm văn miêu tả vật. Đoạn văn mạch lạc, diễn đạt tốt, không có lỗi ngữ pháp và chính tả, chữ viết rõ ràng, cẩn thận.

B. Về nội dung: (3 điểm)

Đoạn văn gồm 7 câu trở lên, nêu được hình dáng và một số đặc điểm của loài hoa, thể hiện cảm xúc trong bài viết.

b) Hướng chấm phân tích: Khi thang điểm được trình bày với những yêu cầu chi tiết cho từng mức điểm đến mức có thể lượng hoá từng thành tố trong bài làm thì việc chấm điểm bài tự luận có xu hướng phân tích. Theo hướng này, người chấm dựa trên thang điểm với mỗi điểm riêng rẽ cho từng yếu tố của một bài tự luận mà cho điểm mỗi yếu tố, rồi tính điểm tổng các yếu tố ấy để có điểm chung cho một bài. Hướng chấm phân tích giúp khắc phục những nhược điểm của hướng chấm cảm tính. Tuy nhiên, cách chấm điểm phân tích thường mất nhiều thời gian. Thang điểm dài với quá nhiều chi tiết làm người chấm khó nhớ và cũng khó theo chúng một cách kiên định và liên tục trong khi chấm. Thang điểm chấm phân tích nếu được xây dựng quá chi tiết, cụ thể cho mặt nội dung u tưởng của bài viết thường gây ra nhiều trở ngại trong lúc chấm, đặc biệt là đối với bài tự luận dạng mở rộng ở những môn thuộc lĩnh vực xã hội, nhân văn như Tiếng Việt.

LƯU U: Xem ví dụ thang điểm chấm theo hướng phân tích ở tr. 29 của tài liệu, phần “Đánh giá bằng điểm số”.

Tóm lại, chấm bài là mắt xích yếu nhất trong tiến trình sử dụng kỹ thuật bài tự luận để kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học. Trên thực tế, khó có thể tránh được tính chủ quan trong việc xác định kết quả bài tự luận bởi vì dù muốn hay không, phán đoán của cá nhân mỗi người chấm bài vẫn là phần thiết yếu của kết quả bài tự luận.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Xem trích đoạn băng “Chấm bài tự luận”. Lưu ý cảnh chấm bài trong băng *hoàn toàn là một tình huống giả định* được xây dựng làm phương tiện tổ chức cho học viên hình dung rõ hơn những kiến thức về kỹ thuật bài tự luận mà mình đã lĩnh hội; đồng thời, vận dụng kiến thức để xem xét, phân tích và đánh giá một tình huống sử dụng kỹ thuật bài tự luận. Sau khi xem băng, học viên trao đổi các vấn đề sau đây:

- Đề bài tự luận trong tình huống thuộc dạng nào? Học sinh cần thể hiện kiến thức, kỹ năng nào qua bài tự luận “tập làm văn” trong tình huống?
- Phân tích và nhận xét thang điểm và xu hướng chấm trong tình huống.
- Những yếu tố tạo nên sự không thống nhất trong việc xác định kết quả bài làm của học sinh?
- Có biện pháp nào giúp cho việc chấm bài tập làm văn trở nên nhẹ nhàng hơn và kết quả chấm bài đáng tin cậy hơn?

Chủ đề 4. **BÀI TRẮC NGHIỆM**

Hoạt động 4: TÌM HIỂU CÁC DẠNG BÀI TRẮC NGHIỆM: (1) TRẢ LỜI NGẮN; (2) TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI; (3) TRẮC NGHIỆM ĐỐI CHIẾU CẶP ĐÔI; (4) TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN.



NHIỆM VỤ:

- a) *Bài trắc nghiệm* còn được gọi là trắc nghiệm khách quan. Trắc nghiệm khách quan khác với trắc nghiệm chủ quan (nghĩa là bài tự luận) như thế nào? Kiểu bài trắc nghiệm thường được dùng để đánh giá kết quả học tập nào trong môn Tiếng Việt và môn Toán?
- b) Trong phần thông tin cơ bản sẽ có hai phần chính: (1) Đặc điểm của các dạng bài trắc nghiệm; (2) Quy trình xây dựng bài trắc nghiệm. Đọc lướt thông tin cơ bản về các dạng bài trắc nghiệm để có khái niệm về chúng.
- c) Tham khảo phần quy trình soạn bài trắc nghiệm, sau đó chọn một phần nội dung của một trong các môn học sau: Tiếng Việt, Toán, Tự nhiên và Xã hội (lớp 3) hoặc Khoa học (lớp 4) để lập bảng kế hoạch trắc nghiệm phần học ấy. Lưu ý trong bảng kế hoạch nhất thiết phải sử dụng ba dạng trắc nghiệm: trả lời ngắn – điền khuyết, trắc nghiệm nhiều lựa chọn và trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi.



A. CÁC DẠNG BÀI TRẮC NGHIỆM

1. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn: là kiểu trắc nghiệm có hai hình thức:

- Câu hỏi với giải đáp ngắn.
- Một phát biểu chưa hoàn chỉnh với một hoặc nhiều chỗ để trống (kiểu điền khuyết).

a) Yêu cầu: Viết câu trả lời cho câu hỏi hoặc điền thêm vào câu phát biểu chưa hoàn chỉnh bằng một từ hay cụm từ, một kí hiệu, một công thức, một con số.

b) Kết quả học tập đo lường thích hợp với trắc nghiệm trả lời ngắn

- Đo lường nhiều kết quả học tập tương đối đơn giản: kiến thức về khái niệm, về các chi tiết/ dữ kiện cụ thể, về các nguyên lí, nguyên tắc, quy tắc; kiến thức về phương pháp hay tiến trình; khả năng tạo ra những diễn giải đơn giản về dữ kiện, chi tiết nào đó.
- Có thể đo lường các kĩ năng diễn giải phức tạp hơn khi nó được dùng để yêu cầu học sinh giải thích các văn bản dạng sơ đồ, bảng biểu, hay tranh ảnh.

c) Ưu điểm: (1) Dễ xây dựng; (2) Người học không thể đoán mò vì học sinh phải cho câu trả lời của mình khi làm trắc nghiệm trả lời ngắn.

d) Nhược điểm:

- Thường chỉ dùng kiểm tra ở mức độ biết và hiểu đơn giản.
- Đôi khi khó đánh giá đúng nội dung câu trả lời khi học sinh viết sai chính tả, hoặc khi câu trắc nghiệm gợi ra nhiều hướng đáp án đúng.

e) Những đề nghị về việc biên soạn loại trắc nghiệm trả lời ngắn

- Câu hỏi phải nêu bật được sự muốn hỏi, tránh dài dòng.
- Không được đưa ra các thuật ngữ không rõ ràng.
- Từ/cụm từ ở chỗ trống cần điền phải nằm trong sự liên kết với văn cảnh, có tiêu chí ngữ nghĩa rõ ràng, tạo điều kiện liên tưởng tương minh, tránh bỏ chỗ trống tùy tiện.
- Diễn tả câu hỏi trắc nghiệm sao cho người làm có thể đưa ra câu trả lời vừa ngắn gọn và vừa cụ thể, riêng biệt.
- Đáp án cho mỗi câu trắc nghiệm trả lời có thể là một từ, một ngữ, một câu, một số hay một kí hiệu nhưng cần ngắn gọn.
- Nếu câu hỏi trắc nghiệm có phần dữ kiện thì cần tách biệt rõ ràng phần dữ kiện và phần câu hỏi.
- Không lấy những lời nói trực tiếp từ sách giáo khoa làm thành câu trắc nghiệm trả lời ngắn.
- Những chỗ trống cho câu trả lời phải có chiều dài bằng nhau và đặt trong một cột bên phải của câu hỏi.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai: bao gồm (1) Phần 1: là một câu hỏi hoặc một phát biểu, còn gọi là phần đề; (2) Phần 2: là hai phương án chọn lựa: Đúng – Sai, Phải – Không phải, Đồng ý – Không đồng ý.

a) Yêu cầu: Chọn một trong hai phương án trả lời.

b) Ưu điểm: (1) Dễ xây dựng; (2) Có thể ra nhiều câu một lúc vì tốn ít thời gian cho mỗi câu. Nhờ vậy khả năng bao quát chương trình lớn hơn.

c) Nhược điểm:

- Thường chỉ dùng kiểm tra ở mức độ biết và hiểu đơn giản.
- Tỷ lệ đoán mò 50%.

d) Những đề nghị về việc biên soạn loại trắc nghiệm đúng sai

- Tránh những phát biểu chung chung.
- Tránh các phát biểu tầm thường, không quan trọng.
- Tránh sử dụng những phát biểu phủ định, đặc biệt là phủ định kép.
- Tránh các câu dài, phức tạp.
- Tránh bao gồm hai ý tưởng trong một phát biểu, trừ phi đo lường khả năng nhận ra mối quan hệ nhân quả.
- Nếu câu đề thể hiện một ý kiến hay thái độ nào thì nên đưa thêm vào trong câu đề ấy một cơ sở nào đó để cho kết quả chọn đúng hay sai không chung chung, mơ hồ.
- Chiều dài của các câu trắc nghiệm đúng và câu trắc nghiệm sai nên bằng nhau.
- Số lượng câu trắc nghiệm đúng và câu trắc nghiệm sai nên bằng nhau.
- Tránh lấy nguyên văn từ sách giáo khoa.
- Lưu ý tính chặt chẽ khi dùng câu gồm hai mệnh đề có quan hệ nhân quả.

3. Trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi Bao gồm hai phần: phần thông tin bảng truy và phần thông tin ở bảng chọn. Hai phần này thường được thiết kế thành hai cột.

a) Yêu cầu: Lựa chọn yếu tố tương đương hoặc có sự tương hợp của mỗi cặp thông tin từ bảng truy và bảng chọn. Giữa các cặp ở hai bảng có mối liên hệ trên một cơ sở đã định. Có hai hình thức: đối chiếu hoàn toàn (số mục ở bảng truy bằng số mục ở bảng chọn) và đối chiếu cặp đôi không hoàn toàn (số mục ở bảng truy ít hơn số mục ở bảng chọn).

b) Ưu điểm:

- Dễ xây dựng.
- Có thể hạn chế sự đoán mò bằng cách làm cho số lượng thông tin ở bảng chọn nhiều hơn ở bảng truy.

c) Nhược điểm:

- Chủ yếu kiểm tra khả năng nhận biết.
- Thông tin có tính dàn trải, không nhấn mạnh được những điều quan trọng hơn.

d) Những đề nghị về việc biên soạn trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi

- Số lượng các đáp án ở bảng chọn nên nhiều hơn số lượng các mục ở bảng truy.
- Các mục được ghép không nên nhiều quá và các thông tin ở bảng chọn nên ngắn hơn các thông tin ở bảng truy.

- Sắp xếp các mục trả lời theo một trật tự lô gích (đánh số cho các mục ở bảng truy và đánh con chữ cái cho các mục ở bảng chọn).
- Lời chỉ dẫn cần chỉ rõ cơ sở cho việc đối chiếu cặp đôi giữa các tiên đề và các câu trả lời.
- Bài trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi phải được đặt trên cùng một trang giấy.

4. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: gồm phần thân nêu vấn đề dưới dạng câu chưa hoàn thành hoặc câu hỏi và phần các phương án lựa chọn.

a) Yêu cầu: chọn một phương án trả lời đúng hoặc đúng nhất trong số các phương án cho sẵn.

b) Ưu điểm:

- Đo được nhiều mức độ nhận thức khác nhau: biết, hiểu và vận dụng.
- Có thể biết được khả năng của người làm bài qua phản ứng của họ đối với mỗi nhữ.
- Khả năng đoán mò thấp hơn trắc nghiệm đúng sai.
- Tránh được yếu tố mờ hồ như trong trắc nghiệm trả lời ngắn.

c) Nhược điểm:

- Khó biên soạn các câu hỏi để đánh giá các kĩ năng nhận thức bậc cao.
- Khó xây dựng được các câu hỏi chất lượng có những phương án mỗi nhữ phân biệt với phương án đúng.

d) Những đề nghị về việc biên soạn trắc nghiệm nhiều lựa chọn

- Không nên đưa ra nhiều u (lĩnh vực khác nhau trong cùng một phương án lựa chọn), mỗi phương án nên chỉ một u.
- Tránh dùng các câu hỏi phủ định.
- Cần thận khi đưa vào phương án “Tất cả câu trên đều sai/đúng”.
- Nên sắp xếp các phương án theo một trật tự nhất quán tránh sự nhầm lẫn cho người làm bài (trật tự tăng dần hoặc giảm dần).
- Cố gắng tạo ra các phương án sai khó phân biệt (phương án mỗi nhữ) với phương án đúng.
- Ghi nhận những khó khăn, nhầm lẫn mà học sinh thường mắc để tạo ra các phương án mỗi nhữ.
- Tránh trường hợp có thể có hai hay hơn hai phương án đúng trong số các phương án cho sẵn.
- Tránh đưa ra các phương án quá phân biệt tạo ra những tiết lộ cho đáp án.
- Tránh phương án mơ hồ, võ đoán, không căn cứ cụ thể.
- Tránh trường hợp phương án này bao hàm u của phương án khác.

B. QUY TRÌNH SOẠN THẢO BÀI TRẮC NGHIỆM

1. **Nắm đề cương môn học/phần học/chương học.**

2. **Xác định phạm vi nội dung và mục đích của bài kiểm tra.**

3. Xây dựng kế hoạch trắc nghiệm gồm: nội dung kiểm tra đánh giá (KTDG); mục tiêu KTDG; kĩ thuật KTDG và số lượng câu trắc nghiệm cho mỗi mục tiêu.
4. Chọn lựa hình thức kiểm tra và viết câu trắc nghiệm.
5. Tự kiểm tra lại các câu trắc nghiệm bằng cách đối chiếu nội dung câu trắc nghiệm với mục tiêu tương ứng, kiểm tra lại ngôn ngữ diễn đạt của câu trắc nghiệm.
6. Tổ chức kiểm tra và thu thập kết quả.
7. Đánh giá chất lượng bài kiểm tra.
8. Cải tiến quá trình dạy và học.

Dưới đây là phần trình bày quy trình soạn thảo một bài trắc nghiệm mẫu:

Sau khi tham khảo chương trình và sách giáo khoa, nắm đề cương nội dung và mục tiêu dạy học phần dạy *Luyện từ và câu* lớp 3 từ tuần 10 đến tuần 16, xây dựng kế hoạch trắc nghiệm giữa học kì.

LƯU U: Khi xây dựng kế hoạch trắc nghiệm, các mục tiêu cần đánh giá phải được diễn đạt bằng những động từ, nghĩa là kết quả học tập cần đánh giá phải là các hành vi học tập của học sinh có thể quan sát và đo lường được. Hệ thống các động từ này được trình bày trong “Bảng phân loại mức độ nhận thức theo mô hình Bloom” và bảng 6 động từ Sullivan thể hiện các kết quả học tập trong nhà trường (tham khảo Phần Phụ lục).

Dưới đây là mẫu kế hoạch trắc nghiệm:

KẾ HOẠCH TRẮC NGHIỆM – LỚP 3
LUYỆN TỪ VÀ CÂU: TUẦN 10 – 16

<i>Nội dung</i>	<i>Mục tiêu</i>	<i>Dạng trắc nghiệm</i>	<i>Số câu</i>
1. Biện pháp so sánh	1.1. Nhận diện các hiện tượng so sánh trong câu hay đoạn.	Nhiều lựa chọn dạng trắc nghiệm.	1
	1.2. Phân tích cấu trúc của các hiện tượng so sánh trong câu hay đoạn.	Đúng sai.	1
	1.3. Sử dụng biện pháp so sánh trong câu một cách thích hợp.	Đối chiếu cặp đôi.	1
2. Dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than	2.1. Nêu được quy tắc sử dụng dấu chấm, dấu phẩy và dấu chấm than.	Điền khuyết	1
	2.2. Phân biệt được cách sử dụng ba loại dấu: chấm, phẩy, chấm than.	Điền khuyết (Trả lời ngắn)	1
	2.3. Sử dụng dấu chấm, dấu phẩy và dấu chấm than một cách thích hợp trong khi viết câu/ đoạn văn.	Điền khuyết	1
3. Từ chỉ đặc điểm, hoạt động, trạng	3.1. Nhận ra và nêu lên các từ chỉ đặc điểm, hoạt động và trạng thái.	Nhiều lựa chọn dạng trắc nghiệm.	1
	3.2. Phân biệt từ chỉ hoạt động với từ chỉ trạng thái	Nhiều lựa chọn	1

thái	được sử dụng trong câu.	dạng trắc nghiệm.	
	3.3. Sử dụng từ chỉ đặc điểm, hoạt động, trạng thái để đặt câu kể <i>Ai thế nào?</i> và <i>Ai làm gì?</i>	Đối chiếu cặp đôi	1
4. Vốn từ về chủ đề quê hương, Bắc Trung Nam, và Anh em một nhà.	4.1. Nhóm các từ phù hợp với chủ đề.	Nhiều lựa chọn dạng trắc nghiệm.	1
	4.2. Phát triển từ ngữ từ một từ gốc cho sẵn.	Điền khuyết	1
	4.3. Sử dụng từ ngữ theo chủ đề phù hợp với ngữ cảnh	Điền khuyết	1
Tổng cộng			12

Sau khi xây dựng bảng kế hoạch trắc nghiệm như trên, người đánh giá bắt đầu biên soạn các câu trắc nghiệm. Nếu không tự biên soạn, người đánh giá có thể sử dụng những câu trắc nghiệm do người khác viết. Tuy nhiên, dù chọn và sử dụng câu trắc nghiệm của người khác, nhất thiết trước khi chọn, người đánh giá cũng phải xây dựng bảng kế hoạch trắc nghiệm. Đó là căn cứ để chọn lựa cũng như biên soạn các câu trắc nghiệm nhằm bảo đảm cho việc kiểm tra đánh giá khách quan, hệ thống và toàn diện. Sau khi soạn bài trắc nghiệm xong, sau một vài ngày, người đánh giá đọc lại kĩ bài trắc nghiệm, đặt mình vào vị trí người làm kiểm tra xem có thể hiểu ngôn ngữ diễn đạt trong bài trắc nghiệm không. Đặc biệt, ghép từng câu trắc nghiệm với từng mục tiêu đã xác định trong kế hoạch trắc nghiệm, cố gắng vận dụng hiểu biết về các loại kết quả học tập mà Bloom hoặc Sullivan đã đưa ra để phán đoán xem nội dung câu trắc nghiệm có thể đo lường được kiến thức hoặc kĩ năng mà mình đã định không.

LƯU U: Để thực hiện dễ dàng việc đối chiếu – liên kết câu trắc nghiệm với mục tiêu kiểm tra, trước khi bài trắc nghiệm chính thức được đưa ra sử dụng, người biên soạn bài trắc nghiệm ghi chú số thứ tự mục tiêu cần kiểm tra vào từng câu trắc nghiệm.

(Xem bài trắc nghiệm mẫu được xây dựng dựa theo bảng kế hoạch trên trong Phần Phụ lục).



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Căn cứ vào bảng kế hoạch trắc nghiệm mà các bạn đã xây dựng trong hoạt động 4 của chủ đề “Bài trắc nghiệm”, hãy viết các câu trắc nghiệm.

LƯU U: Các bạn vừa đọc tham khảo lại các dạng bài trắc nghiệm, vừa biên soạn hoặc chọn sử dụng các câu trắc nghiệm.

Chủ đề 5: **BÀI THỰC HÀNH**

Hoạt động 5: TÌM HIỂU VỀ BÀI THỰC HÀNH



NHIỆM VỤ:

- a) Nêu một bài tập mà anh (chị) cho đó là bài thực hành, và cho biết một bài thực hành có những đặc điểm gì? Hãy ghi ý kiến vào vở học tập để đối chiếu những ý này với những ghi nhận từ thông tin cơ bản ở nhiệm vụ (b).
- b) Đọc thông tin cơ bản để nắm một số vấn đề cơ bản về kỹ thuật bài thực hành
 - Bài thực hành là gì?
 - Những loại kỹ năng được kiểm tra trong bài thực hành.
 - Cách xây dựng bài thực hành và đánh giá kết quả bài thực hành.



THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái niệm bài thực hành và những loại kỹ năng được kiểm tra trong bài thực hành

a) **Bài thực hành** là một kỹ thuật kiểm tra trong đó các hành vi học tập của người dự kiểm tra sẽ được xem xét trong những tình huống cụ thể. Bài thực hành đòi hỏi người học thể hiện các kỹ năng bằng hành động thực tế.

b) Những loại kỹ năng được kiểm tra trong bài thực hành

- Khả năng ứng dụng.
- Khả năng nhận diện vấn đề, thu thập dữ liệu, tổ chức, tích hợp và đánh giá thông tin, và sáng tạo được nhấn mạnh.
- Vẽ tranh, hát, bài đánh máy, động tác thể dục, hay trình bày miệng, sử dụng dụng cụ khoa học, sửa máy, làm thí nghiệm trong các môn khoa học.

2. Các loại bài thực hành:

a) Bài tập thực hành hạn chế

Ví dụ:

- Kết hợp 5 mảnh plastic thẳng theo nhiều cách khác nhau sao cho có thể tạo ra được càng nhiều hình tam giác càng tốt.
- Viết tên các nước vào những chỗ trống thích hợp lên bản đồ.
- Nhảy cao trong giới hạn 1,8 m.

b) Bài tập thực hành mở rộng

Ví dụ:

- Thực hiện một cuộc khảo sát.
- Trình bày miệng kết hợp sử dụng các minh họa hình ảnh hay sơ đồ, bảng biểu.

3. Hạn chế của bài thực hành

- Việc cho điểm cũng như cho nhận xét đánh giá có thể không đáng tin cậy.
- Mất nhiều thời gian tiến hành đặc biệt đối với bài thực hành mở rộng.
- Tính khái quát của các đánh giá hoạt động trong các bài tập thực hành thấp.

4. Cách xây dựng một bài thực hành:

- Bước 1: Tập trung vào những thành quả học tập đòi hỏi các kỹ năng nhận thức và thực hành phức tạp. Từ đó, xác định các thành quả quan trọng cần đánh giá bằng bài thực hành.
- Bước 2: Chọn và phát triển những bài tập thể hiện đầy đủ cả nội dung kiến thức và kỹ năng liên quan trực tiếp đến các thành quả học tập trọng tâm đã xác định ở bước 1.
- Bước 3: Luôn tập trung vào ưu định đánh giá.
- Bước 4: Cung cấp cho học sinh những hiểu biết hay gợi ý cần thiết.
- Bước 5: Xây dựng phương hướng và tiến trình thực hiện bài tập một cách rõ ràng.
- Bước 6: Cho học sinh biết các tiêu chí đánh giá hoạt động trong khi làm và sản phẩm sau khi làm.

5. Cách đánh giá các kỹ năng thực hành (Tham khảo Tiêu chuẩn 5)

- Quan sát trực tiếp và ghi chép điều quan sát được
- Sử dụng bảng kiểm
- Sử dụng thang điểm

6. Bài thực hành mẫu

BÀI THỰC HÀNH MỞ RỘNG

BÀI TẬP 1: (T.42. MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI LỚP 3)

1. Giúp học sinh vận dụng hiểu biết về những loại thân cây đã học để nhận biết, miêu tả và nhận xét các loại thân cây trong thực tế.
2. Đóng vai một nhà nghiên cứu, học sinh khảo sát, mô tả và phân loại các thân cây ở nơi em đang sống.
3. Yêu cầu học sinh chỉ nêu những mẫu thân cây tham khảo có đặc điểm tương tự với những cây đã học, chỉ ra những loại thân cây chưa học.
4. Hướng dẫn học sinh cách sử dụng sách báo trong thư viện để tìm hình ảnh tư liệu, cách vẽ lại thân cây.
5. Chia tổ nhóm. Phân công nhóm trưởng. Nêu nhiệm vụ thực hiện của các thành viên trong nhóm.
6. Nêu yêu cầu đánh giá kết quả thực hành:

Trung bình: học sinh phải tìm được và mô tả những mẫu thân cây đã học trong thực tế.

Khá: học sinh tìm thêm được những mẫu thân cây khác với những mẫu thân cây đã học.

Giỏi: ngoài hai yêu cầu ở mức trung bình và khá, học sinh còn thống kê được số loại thân cây các em thường gặp và số loại thân cây các em ít gặp ở nơi các em đang sống.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Vận dụng những thông tin cơ bản về bài thực hành vừa được nêu trên, các bạn hãy thiết kế một bài thực hành để kiểm tra khả năng vận dụng hiểu biết của học sinh về một bài học nào đó vào thực tiễn.

Chủ đề 6: HỌC SINH TỰ ĐÁNH GIÁ

Hoạt động 6: TÌM HIỂU CÁC BIỆN PHÁP RÈN KỸ NĂNG TỰ ĐÁNH GIÁ CHO HỌC SINH

NHIỆM VỤ:

- Tại sao phải giúp học sinh tiểu học phát triển kỹ năng tự đánh giá? Nếu không có sự định hướng và giúp đỡ của giáo viên, học sinh tiểu học có thể tự đánh giá bản thân và bạn học không?
- Cá nhân đọc thông tin cơ bản bên dưới để nắm : “Tự đánh giá là gì? Tại sao cần rèn cho học sinh tiểu học kỹ năng tự đánh giá? Và các biện pháp rèn cho học sinh kỹ năng tự đánh giá”.

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tại sao cần rèn cho học sinh tiểu học kỹ năng tự đánh giá?

Tự đánh giá bao gồm hoạt động học sinh đánh giá bản thân và đánh giá các bạn học cùng lớp. Thông qua việc đánh giá bạn học, học sinh hình thành rõ ràng hơn trong bản thân mình các yêu cầu về học tập, về cách ứng xử với người khác. Từ đó, học sinh điều chỉnh hay phát triển hành vi thái độ của bản thân. Mặt khác, nếu học sinh biết (1) cách tự kiểm tra việc học; (2) nhận thức rõ những gì gia đình, nhà trường mong đợi ở mình; (3) tự tin để đánh giá bản thân mình thì các em có thể:

- Kiểm soát được việc học của bản thân các em.
- Lên kế hoạch làm thế nào để cải thiện việc học của bản thân.
- Cảm thấy thoải mái về những gì các em có thể làm được.
- Dẫn dắt, lĩnh hội được cách tự học.

2. Biện pháp giúp học sinh đạt được kỹ năng tự đánh giá

a) Đặt câu hỏi giúp học sinh suy nghĩ về việc học của mình

Ví dụ:

- *Trinh, em đã đọc lại bản nháp và kiểm tra lỗi chính tả chưa?*
- *Sang, trong môn Toán em nghĩ em giỏi phần nào?*
- *Vân, trong bài văn tường thuật về việc làm tốt bảo vệ môi trường, em có chắc là em đã đưa những chi tiết về thời gian, nơi chốn, chuyện sẽ nói đến và những người liên quan vào trong phần mở bài của em chưa?*

b) Hướng dẫn học sinh viết nhật ký học tập theo gợi ý

- Những điểm mạnh mà em cảm thấy mình có?
- Những khó khăn mà em đang gặp phải?
- Em làm thế nào để vượt qua khó khăn ấy?

- Nêu một số thói quen học tập mà em đã có? Theo em, thói quen ấy đã giúp em đạt kết quả học tập như em mình muốn chưa? Có cần thay đổi gì?
- Ý kiến về chất lượng bài làm của em.
- Cảm giác của em đối với những môn học và những hoạt động khác nhau trong lớp học.
- Những điều nào có thể làm cho việc học của em tốt hơn?
- Theo em, trong lớp, những bạn nào có cách học mà em nể phục nhất? Cách đó là gì? Em nghĩ mình có thể làm như bạn không? Tại sao?

Các gợi ý tự đánh giá nêu trên nên được triển khai từ từ theo hệ thống và có kế hoạch tổng thể, tránh đưa ra quá nhiều gợi ý cùng một lúc và không theo một quy hoạch nào. Có như vậy, giáo viên mới thực sự tác động đến ý thức tự đánh giá bản thân và phát triển kỹ năng tự đánh giá trong học sinh.

c) Tổ chức hoạt động trao đổi về việc học và rèn luyện theo nhóm trong các giờ chủ nhiệm hay ngoại khóa

d) Đưa ra những giới hạn với những yêu cầu cụ thể làm căn cứ cho học sinh tự đánh giá và đánh giá bạn trong các tiết học

Hiện nay, ở tiểu học, phổ biến việc giáo viên đề cho học sinh đánh giá bạn cũng như khuyến khích học sinh tự đánh giá việc học trong các tiết dạy. Tuy nhiên lời đánh giá của học sinh thường chung chung (*đúng, hay, to, rõ, tốt...*) hoặc nếu cụ thể thì thường là chỉ nêu ra những khuyết điểm nhỏ nhặt. Cách đánh giá như thế này không có tác dụng giáo dục. Để giúp học sinh có thể đánh giá bạn hoặc tự đánh giá hoạt động học tập trong tiết học một cách hiệu quả, trước khi cho học sinh tham gia đánh giá, giáo viên cần hướng dẫn học sinh nắm các tiêu chí, hoặc yêu cầu cần quan sát một cách cụ thể và có giới hạn. Thí dụ trước khi cho học sinh tham gia đánh giá việc đọc thành tiếng của học sinh trong một tiết dạy Tập đọc bài “Quả tim khi”- *Tiếng Việt 2*, giáo viên đưa ra ba yêu cầu cần ghi nhận như sau:

- Lời đọc hội thoại có phù hợp với tính nết nhân vật không?
- Các tiếng có dấu ngã đã được đọc thích hợp chưa?
- Các từ “*sản sùi, nhọn hoắt, cua sắc, trườn*” đã được đọc thích hợp chưa?

e) Phối hợp với gia đình tạo cơ hội cho học sinh kể lại, nhận xét quá trình và kết quả học tập của mình với cha mẹ

Từ lâu, việc báo cáo kết quả học tập của học sinh cho cha mẹ học sinh là trách nhiệm của giáo viên. Trong khoảng một vài chục năm gần đây trên thế giới, khi lí thuyết kiến tạo về việc học đã được áp dụng, nhiều nhà giáo dục nhận ra rằng nếu trẻ tích cực xây dựng hiểu biết về thế giới xung quanh thì các em cũng đồng thời hình thành những hiểu biết về chính bản thân và về việc học của mình. Do vậy, ngoài việc để học sinh tự đánh giá mình trước bạn bè, trước giáo viên, nhà trường còn nên tạo cơ hội cho học sinh tự báo cáo về kết quả và quá trình học tập của mình với phụ huynh bằng cách để học sinh trao đổi mặt đối mặt với cha mẹ trong cuộc họp.

Nhiều bài viết trong vài năm gần đây đã nêu ra các lợi ích của việc tạo cơ hội cho học sinh tự báo cáo về kết quả và quá trình học tập của mình với cha mẹ. Đó là các lợi ích sau:

- Học sinh có ý thức trách nhiệm hơn đối với việc học của mình.
- Học sinh tự hào về bản thân hơn.
- Học sinh có mối quan hệ tích cực hơn đối với giáo viên.

- Quan hệ giữa học sinh với ba mẹ được nâng cao.
- Xây dựng được một ư thức cộng đồng trong lớp học.
- Phát triển các kĩ năng điều hành cho học sinh.
- Mối liên hệ giữa nhà trường và gia đình được phát triển chặt chẽ hơn.

Thiết nghĩ, đây là một cách thức giúp học sinh phát triển kĩ năng tự đánh giá hiệu quả nên được học hỏi và áp dụng ở Việt Nam.

f) Hình thành những mẫu phiếu để giúp học sinh dễ dàng thể hiện các nhận xét tự đánh giá

Đối với học sinh, đặc biệt là học sinh tiểu học, để các em tự ghi ra các nhận xét về bản thân là điều khó khăn đối với các em. Vì vậy, giáo viên nên tạo ra những mẫu phiếu để giúp học sinh dễ dàng thể hiện các nhận xét tự đánh giá. Dưới đây là một số hình thức mẫu phiếu tự đánh giá:

Tên: Lớp Ngày

Bản tự đánh giá

Ở trường em giỏi về.....

Em nghĩ em cần được giúp đỡ về

Môn học em thích là bởi vì

Tên: Lớp Ngày

Bản tự đánh giá

Bài:

Em đã học tốt những điều này

Một số điều em cần được giúp đỡ

Những điều em thấy khó khăn khi học là

Tên: Lớp Ngày

Bản tự đánh giá

Bài:

Em đã học tốt những điều này

Một số điều em cần được giúp đỡ

Những điều em thấy khó khăn khi học là

Câu hỏi đánh giá thái độ học tập

- Em cảm thấy như thế nào về trường học?
- Em cảm thấy như thế nào khi lớp có bài đọc thành tiếng?
- Em cảm thấy như thế nào khi lớp có bài tập làm văn?
- Em cảm thấy như thế nào khi cả lớp học môn Toán?
- Những điều gì em thích học tại trường?

BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Giả định rằng anh (chị) đang là chủ nhiệm lớp 2. Các em nhỏ chưa quen với việc tự đánh giá và thường đánh giá rất chung chung. Để học sinh có thể biết tự đánh giá hạnh kiểm của mình một cách cụ thể, anh (chị) sẽ làm thế nào?

Làm bài tập này theo cặp rồi trao đổi và trưng bày sản phẩm với các cặp khác.

Chủ đề 7: **TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ, GHI SỔ LIÊN LẠC VÀ HỌC BẠ**

Hoạt động 7: **TÌM HIỂU CÁCH GHI CHÉP HỌC BẠ, SỔ LIÊN LẠC**

NHIỆM VỤ:

- Bằng kinh nghiệm bản thân, bạn hãy cho biết những loại thông tin nào được giáo viên ghi vào Sổ liên lạc và Học bạ của học sinh?
- Đọc thông tin cơ bản nắm cách ghi nhận xét báo cáo về kết quả học tập của học sinh trong Học bạ và Sổ liên lạc

THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Thế nào là Học bạ và Sổ liên lạc?

- Học bạ là một loại văn bản chính thức ghi nhận các thành quả tổng kết học tập và rèn luyện của học sinh trong năm học.

- Sổ liên lạc là loại văn bản tạm thời ghi nhận các thành quả học tập và rèn luyện vừa có tính quá trình, vừa có tính tổng kết.

2. Cách ghi nhận xét báo cáo về kết quả học tập trong Học bạ và Sổ liên lạc

Hai loại thông tin về học sinh: thông tin về quá khứ và về tương lai cần được ghi vào Học bạ hay Sổ liên lạc (Thornes, 1991).

a) Thông tin về quá khứ gồm 2 tiểu loại:

- Kết quả học tập và rèn luyện mà học sinh đã đạt được sau một năm học hay sau một học kì.
- Những chi tiết về tiểu sử gia đình và cá nhân, về sức khoẻ cá nhân có liên quan đến quá trình học vấn của học sinh.

b) Thông tin về tương lai:

- Các lĩnh vực môn học mà học sinh có tiềm năng phát triển tốt.
- Các lĩnh vực môn học mà học sinh cần sự giúp đỡ để điều chỉnh những mất căn bản.
- Vấn đề sức khoẻ có thể ảnh hưởng đến việc học tương lai.
- Các nhu cầu chuyên biệt mà học sinh nên đáp ứng.
- Các thái độ và kĩ năng về xã hội, về học tập... tốt cho sự phát triển tương lai của học sinh.
- Các biểu hiện tài năng, năng khiếu.



BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ

Xem hai mẫu học bạ dưới đây và cho biết những điều ghi chép trong hai Học bạ ấy đã bao quát được hết các loại thông tin quá khứ và tương lai chưa? Qua phân tích so sánh trên, bạn hãy cho biết quan điểm của bạn về vấn đề: “Thế nào là những nhận xét tốt và hiệu quả trong một Học bạ hay Sổ liên lạc?”.

MẪU NHẬN XÉT CHUNG TRANG HỌC BẠ CỦA MỘT TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở NƯỚC NGOÀI

Form Master's Report

Although his position in the form is low, most of his teachers seem satisfied that he is working well.

S. G. Bradford

His school career has been very successful, having reached the highest standard - std. VII. He is punctual, honest, and industrious, and possesses a kind disposition. He is good-natured, neat and clean in appearance, and is above the average in intelligence. He has held responsible positions during the last few years in school, and has been school captain since June this year.

Head Master's Report

He appears to be working well but is barely keeping up with the form.

W. H. Griffin

Attitude to: enthusiastic,
Learning: Conscientious.

Relationship
with others: excellent

Progress over the
last year: Excellent.
Progress has been made in all
areas of the Curriculum. Jocelyn
shows a consistently mature
attitude to her work.

**BẢN DỊCH : MẪU NHẬN XÉT CHUNG TRANG HỌC BẠ
CỦA MỘT TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở NƯỚC NGOÀI**

Nhận xét của GV chủ nhiệm

Mặc dù em có vị trí thấp trong lớp nhưng hầu hết giáo viên có vẻ hài lòng rằng em đã học tập rất chăm chỉ.

S.G. Bradford

Công việc học tập của em rất thành công, đã đạt đến tiêu chuẩn cao nhất. Em là học sinh luôn đúng giờ, chân thành, chăm chỉ và có lòng tốt. Tác phong nhanh nhẹn, ăn mặc gọn gàng và sạch sẽ. Em có trí thông minh trên trung bình. Em đã đảm nhận những trách nhiệm trong lớp suốt vài năm học vừa qua và từ năm học này em đã là lớp trưởng.

Nhận xét của GV chủ nhiệm

Em có vẻ làm việc rất chăm chỉ nhưng hiếm khi theo kịp được lớp.

W H Griffin

Thái độ đối với việc học:
Nhiệt tình, tận tâm chu đáo.

Thái độ đối với mọi người:
Tuyệt vời.

Sự tiến bộ trong năm học vừa qua: Jocelyn đã tiến bộ trong tất cả các môn học. Jocelyn đã thể hiện một thái độ phấn đấu và trưởng thành nhất quán đối với việc học của bản thân.

(Theo David & Clemson, 1995, tr. 73)

MẪU NHẬN XÉT CHUNG TRANG HỌC BẠ
CỦA MỘT TRƯỜNG TIỂU HỌC Ở VIỆT NAM

Lớp: 2C.....

HỌ VÀ TÊN HỌC SINH:

NHẬN XÉT CẢ NĂM HỌC

I/ HÀNH KIỂM

II/ HỌC LỰC	NHẬN XÉT CẢ NĂM HỌC
	1 - Nhận xét chung: <i>Cháu học khá các môn học và học sinh</i>

III/ KHẢ NĂNG	1 - Học lực: <i>1 - Học sinh giỏi</i>
	2 - Lăn: <i>.....</i>
	3 - Khe: <i>.....</i>
IV/ KHẢ NĂNG BẬC BIỆT	2 - Lăn tập, tay ben: <i>.....</i>
	3 - Khả năng: <i>.....</i>

NGƯỜI CHA/ MẸ

Ngày 15 tháng 5 năm 2005 GIÁO VIÊN PHỤ TRÁCH LỚP (Kí và ghi rõ họ tên)	
Ngày 10 tháng 5 năm 2005 HIỆU TRƯỞNG (Kí, đóng dấu và ghi rõ họ tên)	



THÔNG TIN PHẢN HỒI

Hoạt động 1

Làm việc cá nhân đọc thông tin cơ bản và tự nắm một số vấn đề cơ bản về kĩ thuật quan sát để sẽ vận dụng hiểu biết ấy vào bài tập đánh giá dưới đây.

Bài tập đánh giá

Vận dụng kiến thức về kĩ thuật quan sát để phân tích một trường hợp sử dụng kĩ thuật này trong thực tế dạy học.

Qua băng hình về cách quan sát học sinh khi làm việc theo nhóm chúng ta thấy:

- a) Hai kiểu quan sát được thực hiện trong bài dạy: sản phẩm là bài nói của học sinh và quá trình là hoạt động của học sinh trong khi làm việc nhóm.
- b) Các nhận xét mà giáo viên đã đưa ra nhìn chung cụ thể, thực tế, có tác dụng động viên và giáo dục tốt vì các lời nhận xét chỉ ra được những điều học sinh làm được và chưa làm được, chỉ ra được mức độ tiến bộ của học sinh trong kĩ năng nói so với trước. Tuy nhiên, lời nhận xét dành cho nhóm học sinh rụt rè, không nói được nhiều chưa có tác dụng động viên. Lẽ ra giáo viên nên khẳng định một vài điều mà số học sinh này đã làm được rồi nói: “Thế nhưng, theo cô nếu các con làm thế này ... thì sẽ tốt hơn.”.
- c) Để có thể quan sát ghi nhận kết quả học tập và cho nhận xét một cách thích hợp, hiệu quả, khi quan sát học sinh làm việc nhóm, giáo viên cần chú ý những điều dưới đây:
 - Học sinh có quan tâm, thích thú đối với vấn đề đang thảo luận không?
 - Trước đây, học sinh đã thực hiện hoạt động học tập hôm nay như thế nào?
 - Học sinh có những phản ứng thế nào? Tự tin, im lặng, bối rối hay lảng tránh trao đổi?
 - Học sinh có thể sử dụng kiến thức của các em trong việc trao đổi giải quyết vấn đề không?
 - Học sinh có sẵn sàng chia sẻ, hợp tác không?
 - Học sinh có xem trọng những đóng góp ý kiến của các bạn khác không?
 - Học sinh thể hiện kĩ năng diễn đạt của mình như thế nào?

Hoạt động 2

Học viên làm việc cá nhân đọc thông tin cơ bản và tự nắm một số vấn đề cơ bản về kĩ thuật kiểm tra miệng để vận dụng hiểu biết ấy vào bài tập đánh giá dưới đây.

Bài tập đánh giá

Qua 2 trích đoạn kiểm tra miệng bài Tập đọc “*Quả tim khỉ*”, *Tiếng Việt 2*, có thể thấy: kiến thức, kĩ năng và thái độ của học sinh được đo lường qua mỗi phần kiểm tra miệng giống và khác nhau như sau:

Kiểm tra miệng	Kiến thức	Kĩ năng	Thái độ
----------------	-----------	---------	---------

Bài 1	Các sự kiện trong truyện kể “ <i>Quả tim khi</i> ”. Quan niệm/ ư tưởng của truyện.	Đọc phân vai có sáng tạo Nhắc lại sự kiện. Nghe trả lời câu hỏi. Dùng sự kiện để chứng minh cho một nhận định. Bày tỏ ư kiến, suy nghĩ cho một vấn đề.	Chia sẻ, cởi mở hợp tác với giáo viên và với bạn học.
Bài 2	Các sự kiện trong truyện kể “ <i>Quả tim khi</i> ”	Đọc. Nghe trả lời câu hỏi. Nhắc lại sự kiện.	Trả bài.

Mục tiêu kiến thức, kĩ năng và thái độ cần đánh giá khác nhau khiến giáo viên chọn cách thức kiểm tra khác nhau. Các hoạt động kiểm tra miệng thứ nhất tạo điều kiện cho học sinh tái tạo những sự kiện mình đã nhớ, đồng thời vận dụng những kiến thức sự kiện ấy để liên hệ suy nghĩ, bày tỏ ư kiến của mình về một vấn đề liên quan đến nội dung truyện. Do vậy giờ học thứ nhất thể hiện rõ không khí giao tiếp giữa các thành viên trong lớp. Trong lúc đó, hoạt động kiểm tra miệng thứ hai thiên về khai thác sự ghi nhớ và tái hiện kiến thức sự kiện một cách đơn giản và tạo ra một không khí trả bài khá nặng nề.

Ba tính chất nhận thức của hoạt động kiểm tra bài cũ ghi nhớ – tái hiện đơn giản, ghi nhớ – tái hiện sáng tạo, ghi nhớ – vận dụng – giải quyết vấn đề có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Ghi nhớ – tái hiện các chi tiết, dữ kiện hay nguyên tắc, quy trình... cung cấp cơ sở thông tin cho hoạt động tái hiện sáng tạo, vận dụng và giải quyết vấn đề...

Một số hoạt động trong kiểm tra bài cũ thể hiện cho mỗi tính chất:

- Ghi nhớ – tái hiện đơn giản: đọc học thuộc lòng; trả lời những câu hỏi đóng, đơn giản; trả lời lại những câu hỏi/bài tập đã học, v.v...
- Ghi nhớ – tái hiện sáng tạo: trả lời câu hỏi có tính tổng hợp và suy luận, câu hỏi hay bài tập đòi hỏi tổ chức ư tưởng theo cách khác với nội dung bài học đã học, v.v...
- Ghi nhớ – vận dụng và giải quyết vấn đề: thực hiện một nhiệm vụ học tập mới đòi hỏi vận dụng tổng hợp nhiều loại kiến thức/ kĩ năng đã học, câu hỏi hay bài tập đòi hỏi đưa ra một quyết định, giải pháp mới hay cho một vấn đề nào đó...

Hoạt động 3

Học viên làm việc cá nhân đọc thông tin cơ bản và tự nắm một số vấn đề cơ bản về kĩ thuật bài tự luận để sẽ vận dụng hiểu biết ấy vào bài tập đánh giá dưới đây. Khi đọc, các bạn cần nắm rõ những kết quả học tập mà một bài tự luận có thể đo lường; ưu và nhược điểm hai dạng hình thức bài tự luận và cách xây dựng một đề bài tự luận. Đối chiếu những ư kiến đã nêu khi thực hiện nhiệm vụ (a) với những điều ghi nhận được từ các bài đọc để điều chỉnh hiểu biết về kĩ thuật “bài tự luận”.

Bài tự luận còn được gọi là *trắc nghiệm chủ quan* vì kết quả bài tự luận được xác định bởi người chấm. Nhiều yếu tố thuộc về chủ quan của người chấm có thể ảnh hưởng đến việc ghi nhận kết quả của bài làm.

Việc xác định mức độ tốt của một đề bài tự luận cụ thể mà các biên soạn là điều không dễ. Vì vậy ở đây chúng tôi xin nêu hai cách chung để các bạn có thể tự đánh giá chất lượng thực hiện việc biên soạn bài tự luận của các bạn. Đó là: (1) sau khi biên soạn, tự đặt câu hỏi và trả lời để xem xét đề bài tự luận mà chúng ta đặt ra liệu đã phù hợp với mục tiêu cần đánh giá chưa; và ngôn ngữ diễn đạt có dễ hiểu đối với người đọc không; (2) tự đặt câu hỏi và trả lời để xem xét đáp án/ thang điểm đã được thiết kế rõ ràng, cụ thể để có thể giúp cho việc chấm bài trở nên đáng tin cậy không.

Bài tập đánh giá

Qua đoạn băng “Chấm bài tự luận”, có thể nhận thấy:

Đề bài tập làm văn trong tình huống là dạng bài tự luận mở rộng. Trong một bài tự luận mở rộng, học sinh được phép chọn lựa bất kì thông tin dữ kiện nào mà họ nghĩ là thích hợp để trả lời câu hỏi hoặc đưa ra giải pháp cho vấn đề được đặt ra trong bài tự luận. Do vậy, kiến thức, kĩ năng được thể hiện qua bài tự luận “tập làm văn” khá đa dạng. Về kiến thức học sinh có thể vận dụng vốn kinh nghiệm của bản thân về con người nói chung và về bạn bè nói riêng, hiểu biết về quy tắc chính tả và ngữ pháp. Về kĩ năng, học sinh thể hiện khả năng suy nghĩ chọn lựa thông tin và từ ngữ để diễn đạt; kĩ năng viết chính tả; kĩ năng sắp xếp tổ chức tư tưởng cũng như bày tỏ cảm xúc cá nhân. Cách nhìn nhận về tính cách con người, về tình bạn của học sinh cũng được bộc lộ qua bài văn.

Thang điểm/đáp án chấm bài với nhiều chi tiết cụ thể về nội dung làm cho việc chấm bài được thực hiện thiên về lối phân tích nhưng đồng thời trói buộc sự tự do của học sinh trong việc chọn lựa thông tin dữ kiện để giải quyết đề bài tập làm văn vốn là một bài tự luận dạng mở rộng. Đây là một yếu tố cơ bản gây nên sự không thống nhất trong việc xác định kết quả bài làm của học sinh. Bên cạnh đó, sự khác nhau về quan niệm một bài văn hay, sự khác nhau về phong cách viết văn của cá nhân và cả về tinh thần trách nhiệm cùng lòng quan tâm đến học sinh giữa các giáo viên chấm điểm cũng có thể dẫn những tranh cãi trong tiến trình chấm bài tập làm văn. Trong thực tế, thật khó có thể xác định biện pháp nào thực sự giúp cho việc chấm bài tập làm văn trở nên nhẹ nhàng hơn và kết quả chấm bài đáng tin cậy hơn. Về lí thuyết, có 3 cách cơ bản giúp hạn chế nhược điểm chủ quan của khâu chấm bài tự luận: (1) nội dung đáp án/ thang điểm cần tập trung vào các phương diện của cách /kĩ thuật viết văn; (2) về nội dung tư tưởng cần đưa ra yêu cầu có tính mở sao cho có thể đón nhận mọi tư tưởng của người làm bài miễn sao các tư tưởng ấy phù hợp với chủ đề của bài tự luận; (3) mỗi bài tập làm văn nên được chấm ít nhất 2 vòng.

Hoạt động 4

Bài trắc nghiệm còn được gọi là *trắc nghiệm khách quan* vì kết quả bài trắc nghiệm được xác định dựa trên đáp án cho sẵn, không phụ thuộc vào người chấm. Trong môn Tiếng Việt, các kết quả học tập sau đây có thể được đánh giá bằng bài trắc nghiệm: đọc hiểu, kiến thức về quy tắc chính tả, dùng từ đặt câu, kiến thức ngữ pháp và từ vựng. Trong môn Toán, bài tính số, định nghĩa, quy tắc, phương pháp giải toán ... có thể được đánh giá bằng bài trắc nghiệm.

Đọc thông tin cơ bản, cần nắm mục đích sử dụng, ưu và nhược điểm của từng hình thức trắc nghiệm, và cách thức biên soạn chúng. Trên cơ sở ấy, tham khảo, vận dụng những hiểu biết vừa nêu kết hợp với căn cứ bảng kế hoạch trắc nghiệm đã lập ở hoạt động 1, biên soạn một bài trắc nghiệm cụ thể. Việc xác định mức độ tốt của một bài trắc nghiệm cụ thể là điều không dễ. Vì vậy ở đây chúng tôi xin nêu hai cách chung để tự đánh giá chất lượng bài trắc nghiệm. Đó là: (1) đối chiếu yêu cầu thực hiện của mỗi câu trắc nghiệm với mục tiêu cần đánh giá tương ứng một cách chặt chẽ; (2) luôn luôn tự hỏi xem câu/bài trắc nghiệm của chúng ta đã đáp ứng được các đòi hỏi và phù hợp với đặc điểm của hình thức trắc nghiệm chưa.

Bài tập đánh giá

Dựa theo bài trắc nghiệm và bảng kế hoạch trắc nghiệm mẫu, kết hợp tham khảo tài liệu về các dạng bài trắc nghiệm, mỗi nhóm học viên hoàn thành việc biên soạn một bài trắc nghiệm cho một phần của một môn học nào đó.

Bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn mẫu để kiểm tra khả năng đọc hiểu của học sinh lớp 5 được nêu trong phần Phụ lục 3.

Hoạt động 5

Qua đọc thông tin cơ bản về kĩ thuật bài thực hành, các bạn cần nắm rõ:

- Hai đặc điểm cơ bản của bài thực hành là: tạo điều kiện cho học sinh sử dụng kiến thức trên những tình huống thực tế và học sinh phải sử dụng những hành động thực tế thuộc về kĩ năng thể chất trong khi làm bài thực hành, chẳng hạn như thu thập vật liệu, sử dụng máy tính v.v...
- Ưu điểm và hạn chế của bài thực hành.
- Đặc biệt, các bước xây dựng bài thực hành.
- Cách khắc phục hạn chế của một bài thực hành.

Có ba cách khắc phục hạn chế của một bài thực hành. Đó là:

- + Thay cho lối quan sát trực tiếp một cách cảm tính, giáo viên xây dựng bảng hướng dẫn quan sát, bảng kiểm hoặc thang đo cẩn thận trước khi quan sát học sinh làm bài tập thực hành.
- + Chuẩn bị kĩ lưỡng cách tiến hành bài thực hành để tránh mất nhiều thời gian khi thực hiện.
- + Để làm cho việc đánh giá có giá trị khái quát cao, giáo viên cần tích lũy thông tin về kết quả làm việc của học sinh từ nhiều bài thực hành khác nhau xuyên suốt năm học.

Bài tập đánh giá

Tham khảo bài thực hành mẫu ở tr. 68, đồng thời căn cứ vào các bước xây dựng một bài thực hành, thiết kế một bài thực hành theo nội dung mình đã chọn. Cần lưu ý phân biệt cái gọi là bài luyện tập thực hành nói chung (có thể dễ dàng thấy trong sách giáo khoa) với kĩ thuật bài thực hành ở đây. Hai đặc điểm cơ bản của bài thực hành là: tạo điều kiện cho học sinh ***sử dụng kiến thức trên những tình huống thực tế*** và học sinh phải ***sử dụng những hành động thực tế thuộc về kĩ năng thể chất*** trong khi làm bài thực hành, chẳng hạn như thu thập vật liệu, sử dụng máy tính v.v...

Ví dụ:

Bài tập 1: *Vẽ hình mô tả đồi, núi, đồng bằng và cao nguyên.* Đây không phải là bài tập thực hành theo cách mà tài liệu đã đề cập. (Bài 68, *Bề mặt lục địa ở Tự nhiên và Xã hội 3*).

Bài tập 2: *Hãy tưởng tượng em là một nhà nghiên cứu về địa lí đang tìm hiểu địa hình của Đà Lạt. Hãy vẽ địa hình của thành phố này trong đó có cao nguyên. Trên cao nguyên có rừng thông, có đồi và có núi. Ở đồng bằng có các vườn hoa và hồ nước. Các em có thể dùng một số địa danh ở Đà Lạt để đặt cho những cảnh mình vẽ.* (Bài tập do tác giả tài liệu tự tạo)

Đây mới là bài tập thực hành theo cách mà tài liệu đã đề cập.

Hoạt động 6 và bài tập đánh giá

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ học tập của hoạt động này, có thể thấy tự đánh giá bao gồm hai phương diện: học sinh đánh giá bản thân mình và đánh giá bạn học của mình. Tự đánh giá là một hành vi cần hình thành cho học sinh tiểu học bởi chúng có những tác dụng to lớn trong việc hình thành nề nếp tự học và khả năng tự chủ cho học sinh. Và để cho những lợi ích trên của tự đánh giá trở

thành hiện thực, nên sử dụng nhiều hình thức tự đánh giá khác nhau, ít nhất là 6 biện pháp được nêu trong tài liệu. Để giúp học sinh tự đánh giá hạnh kiểm, giáo viên cũng có thể dùng các biện pháp ấy.

Hoạt động 7

Hai loại mẫu văn bản dùng để tổng kết thành quả học tập của học sinh, báo cáo với cha mẹ các em: (1) Sổ liên lạc; (2) Học bạ. Nội dung được ghi chép trong hai văn bản này nhìn chung giống nhau: kết quả học tập và rèn luyện đạo đức của học sinh cùng với những lời nhận xét của giáo viên. Kết quả giáo dục này có thể được thể hiện bằng điểm số hoặc bằng nhận xét như *đạt* hay *chưa đạt*... Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa hai loại văn bản này là ở chỗ *Sổ liên lạc* được dùng như là một phương tiện thông báo kết quả học tập của học sinh đến cha mẹ của họ theo những định kì trong năm học (mỗi tháng hay mỗi hai tháng). Còn *Học bạ* là một loại văn bản chính thức trong đó nhà trường ghi nhận kết quả học tập hằng năm của học sinh và được nhà trường lưu giữ như bằng chứng để xét lên lớp, để xếp loại người học. Do vậy kết quả học tập được ghi trong Học bạ là kết quả của những mốc thời gian quan trọng trong năm học như học kì, cuối năm học.

Hai loại thông tin về người học mà giáo viên cần thu thập trong năm học: về học tập và về hạnh kiểm. Ở từng loại thông tin ấy, giáo viên nên thu thập theo hướng phân loại của Thornes là thông tin quá khứ và thông tin tương lai.

Có thể ghi nhận và lưu trữ các thông tin về học sinh như đã nêu trên bằng cách dùng Sổ nhật kí, Sổ theo dõi học sinh, Sổ điểm cá nhân hoặc bằng cách cho học sinh xây dựng hồ sơ lưu trữ sản phẩm và kết quả học tập, hoặc bằng cách cho các em viết phiếu tự đánh giá về việc học và rèn luyện của bản thân.

Bài tập đánh giá

Điểm giống nhau giữa trang học bạ tiếng Việt và tiếng Anh là cùng nhận xét việc học của một học sinh trong hai năm học liền. Tuy nhiên trên cùng một nội dung này, chúng ta thấy cách ghi nhận xét của hai học bạ khác nhau. Ở trang học bạ tiếng Anh, qua nhận xét của giáo viên chủ nhiệm, người đọc có thể thấy được chân dung nhân cách riêng và quá trình phát triển của học sinh qua hai năm học. Trong khi đó, nhận xét ở trang học bạ tiếng Việt cho người đọc cảm giác về sự bất động, không phát triển của nhân cách người học. Chân dung nhân cách của học sinh được thể hiện một cách mờ nhạt bởi những nhận xét chung chung và sơ sài. Nói tóm lại, *quan điểm dạy học phát triển* chưa được thể hiện qua những đánh giá nhận xét ở trang học bạ tiếng Việt.

PHẦN BA

PHỤ LỤC

- ◆ **Phụ lục 1:** Bảng phân loại mức độ nhận thức theo mô hình Bloom (1956) và bảng trình bày một số (cụm) động từ miêu tả các kết quả học tập (Sullivan, 1969)
- ◆ **Phụ lục 2:** Bài trắc nghiệm mẫu được biên soạn dựa theo bảng kế hoạch trắc nghiệm ở tr. 65-66 của tài liệu
- ◆ **Phụ lục 3:** Một số bài trắc nghiệm mẫu
- ◆ **Phụ lục 4:** Phân tích và nhận xét một số bài trắc nghiệm
- ◆ **Phụ lục 5:** Đánh giá độ tin cậy của bài trắc nghiệm
- ◆ **Phụ lục 6:** Các quan điểm chỉ đạo triển khai đánh giá ở tiểu học
- ◆ **Phụ lục 7:** Văn bản đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học

PHẦN BA PHỤ LỤC

**BẢNG TRÌNH BÀY MỘT SỐ (CỤM) ĐỘNG TỪ
MIÊU TẢ CÁC KẾT QUẢ HỌC TẬP
(Sullivan, 1969)**

Dưới đây là bảng trình bày một số động từ kèm với biểu hiện hành động dùng để miêu tả các kết quả học tập chuyên biệt. Sử dụng các động từ này giúp cho việc miêu tả các mục tiêu cần đánh giá trở nên cụ thể, rõ ràng, có thể đo lường được.

<i>Động từ hành động</i>	<i>Các kiểu phản hồi của học sinh</i>
Nhận diện	Chỉ ra, đánh dấu, gạch dưới, khoanh tròn, xác định, nhật ra, kết hợp đối chiếu.
Gọi tên	Cho tên, nêu tên.
Phân biệt	Nhận ra cái gì đó riêng biệt hay khác biệt bằng cách đánh dấu, chia thành loại, hay chọn ra khỏi một loại chung.
Định nghĩa	Cho một miêu tả bằng lời dạng nói hay viết làm rõ nghĩa chính xác hay các đặc điểm chủ yếu.
Miêu tả	Cho một giải thích bằng lời dạng nói hay viết để nêu bật các loại, các tính chất và các mối quan hệ chủ yếu.
Phân loại	Xếp thành nhóm có những đặc điểm chung, chỉ ra một loại chuyên biệt.
Xếp trật tự	Liệt kê theo trật tự, đặt thành chuỗi, sắp xếp, sắp xếp lại.
Tạo lập	Vẽ, tạo, thiết kế, kết hợp, chuẩn bị, xây dựng.
Thể hiện	Trình bày một tập hợp các tiến trình có kèm lời giải thích hay không kèm.

Theo Sullivan, sáu động từ (nhận diện, gọi tên, miêu tả, xếp trật tự, tạo lập và thể hiện) cùng với những đồng nghĩa của chúng bao hàm hầu hết các kết quả học tập trong nhà trường. (Xem H.J Sullivan, "Objectives, Evaluation, and Improved Learner Achievement," in *Instructional Objectives*. AERA Monograph Series on Curriculum Evaluation, No.3 (Chicago: Rand McNally, 1969)

PHỤ LỤC 2
BÀI TRẮC NGHIỆM MẪU ĐƯỢC BIÊN SOẠN
DỰA THEO BẢNG KẾ HOẠCH TRẮC NGHIỆM Ở TR.65-66 CỦA TÀI
LIỆU

Câu 1. Khoanh tròn câu trả lời đúng. (*Mục tiêu 1.1*)

Trong đoạn văn sau đây, có mấy sự vật được so sánh?

Trước mặt tôi, một cây sồi cao lớn như một cột nhà không lồ toàn thân phủ đầy lá đỏ. Bên cạnh đó, như để tôn thêm màu đỏ chói lọi kia lại là màu vàng rực rỡ của mấy cây com nguội. Một làn gió rì rào chạy qua, những chiếc lá rập rình lay động như những đốm lửa vàng lửa đỏ bập bùng cháy. Tôi rẽ lá, nhẹ nhàng men theo một lạch nước để đến cạnh cây sồi. Nước chảy róc rách như tiếng đàn khe khẽ, lúc trườn lên mấy tảng đá trắng, lúc luồn dưới mấy gốc cây ẩm mục.

- a) 1 b) 2 c) 3 d) 4

Câu 2. Viết Đ (đúng) hoặc S (sai) vào câu trả lời. (*Mục tiêu 1.2*)

Cụm từ so sánh “Nước chảy róc rách như tiếng đàn khe khẽ” được phân tích dưới đây đúng hay sai?

Nước chảy: vật được so sánh ; tiếng đàn khe khẽ: vật so sánh.

Câu 3. Chọn ô chữ ở cột A nối với ô chữ ở cột B để thành một câu/ cụm từ thích hợp. (*Mục tiêu 1.3*)

A	B
Con trâu lông đen mượt	như một chiếc gương bầu dục không lồ sáng long lanh.
Những hòn tơ nhô	tựa một tháp đen không lồ.
Hồ nước	chạy như lăn tròn.
Hạt sương long lanh	như tiếng thác dội về
Cây gạo sừng sững	chân đi như đập đất.
Tiếng mưa trong trận gió	sáng trong như ngọc.

Câu 4. Điền dấu câu vào mỗi ô trống trong đoạn văn sau: (*Mục tiêu 2.3*)

Đêm trăng (1) biển yên tĩnh (2) Xa xa (3) những làn sóng nhấp nhô (4) Bỗng có tiếng đập nước ùm ùm (5) Một người kêu lên (6) “Cá heo (7) Anh em ùa ra vây tay hoan hô: “A (8) Cá heo nhảy múa đẹp quá!”

Câu 5: Em đặt dấu câu nào sau mỗi từ được in đậm trong các dòng sau đây? (*Mục tiêu 2.2*)

- a) “Nghe những lời nói chân thành của viên **quan** hai người khách càng thêm khâm phục tấm lòng yêu quý mảnh đất quê hương của người **Ê-ti-ô-pi-a**”

b) “Pháp đánh một trăm năm cũng không thắng nổi đồng chí Núp và làng Kông Hoa **đâu**”

.....

Câu 6: Điền vào chỗ trống để hoàn thành câu văn dưới đây. (*Mục tiêu 2.1*)

Dấu phẩy được dùng để.....

Câu 7: Khoanh tròn câu trả lời đúng (*Mục tiêu 3.2*)

Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm những từ thể hiện hoạt động

a) học tập, ra đi, mọc, lau chùi, thiếp ngủ.

b) leo trèo, nhảy nhót, chơi, cày cày, quét.

Câu 8: Viết từ chỉ màu sắc tương ứng với sự vật được cho dưới đây: (*Mục tiêu 4.3*)

Tre

Lúa

Mặt trời

Hoa cúc

Câu 9: Khoanh tròn câu trả lời đúng (*Mục tiêu 3.1*)

Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm những từ thể hiện đặc điểm và tính chất của sự vật ?

a) Ngọt ngào, nhỏ nhỏ, dữ dội, cao ngất, quê hương, thương mến.

b) Hồng hào, lạnh lẽo, đen mướt, rập rờn, mênh mông, bãi biển.

c) Hải hươc, cao cao, hồn nhiên, nhẹ nhàng, hiền lành, đo đỏ.

Câu 10: Khoanh tròn câu trả lời đúng. (*Mục tiêu 4.1*)

Nhóm từ nào dưới đây có thể dùng để miêu tả thời tiết?

a) Lạnh lẽo, lạnh lùng, ướt át, mát mẻ.

b) Ấm áp, hạn hán, oi bức, lành lạnh.

c) Nóng nẩy, nóng nực, ấm áp, oi bức.

Câu 11: Chọn ô chữ cột A nối với ô chữ cột B để thành câu có dạng Ai – làm gì? (*Mục tiêu 3.1*)

A	B
Chú voi đứng đầu tiên	bắc ngang dòng kênh
Cây cầu làm bằng thân dừa	huơ vòi chào khán giả
Hai chú chim con	lao băng trên sông
Con thuyền cắm cờ đỏ	luôn miệng đòi ăn

Câu 12: (*Mục tiêu 4.2*)

Điền vào mỗi chỗ trống một từ có từ gốc là “nhỏ”

Dáng người Lan Tóc cô cài một chiếc nơ, xinh xinh.

PHỤ LỤC 3

MỘT SỐ BÀI TRẮC NGHIỆM MẪU

1. BÀI TRẮC NGHIỆM ĐỌC HIỂU CHO HỌC SINH LỚP 5. ⁽¹⁾

ĐƯỜNG LÊN TÂY BẮC

Đã trưa rồi mà khí hậu cao nguyên Mộc Châu mát lạnh như đầu một mùa xuân nào. Dưới chân tôi và sau tôi một ngày đường, là Hà Nội đang nhể nhại trong tiếng ve sầu và đường nhựa bốc hơi. Mây trắng châu Mộc là là trên những ngọn cỏ mát rờn, một thứ cỏ com bữa của dê, ngựa nông trường. Ngay chỗ đỗ xe là căng-tin . Những cái bóng linh lợi của người lính hoà bình kiến thiết Tây Bắc. Bát phở nóng căng-tin, năm sáu năm tới hần ngậy lên cái mùi thịt chín, thịt tái của chính bò nông trường đây. Tách cà phê nóng gợi lên cái hương vị cà phê tương lai của nông trường Tây Bắc. Chẳng bù với quang cảnh năm nào, bộ đội ta vào Tây Bắc mở rộng căn cứ, đất ở đây chỉ một màu trúc và cỏ cháy xông lên cái mùi hổ đói. Hằng ngày đường không có tiếng nói người đi. Toàn là cỏ dại và củ riềng, cái vị riềng cay muối mặn nhớ đời của bữa cơm đơn vị chủ lực quân vào mở đất Sơn La. Bây giờ thì khác quá đi rồi. Cuộc đời mới đang bén rễ đâm chồi mạnh, và nơi đây đang kết tinh nhiều giống hoa say nồng chưa nở lần nào trên Đồi Lũng Thái Mèo ...

Nguyễn Tuân

Kế hoạch trắc nghiệm : Đọc hiểu bài “Đường lên Tây Bắc”	
<i>Kết quả học tập</i>	<i>Số câu</i>
1. Nắm ý chính của bài đọc	1
2. Tìm và tổng hợp các chi tiết, sự kiện phù hợp với yêu cầu câu hỏi	3
3. Suy luận ẩn ý của câu	1

1. Bài viết nói về: (Kết quả 1)
 - a) Những đổi mới ở vùng Đồi Lũng Thái Mèo, Tây Bắc.
 - b) Đồng cỏ, khí hậu và nông trường ở Tây Bắc.
 - c) So sánh Hà Nội với Tây Bắc.
 - d) Bộ đội trong thời bình kiến thiết ở Tây Bắc.
2. Những chi tiết nào cho biết Tây Bắc là một vùng cao nguyên? (Kết quả 2)
 - a) mây trắng, khí hậu lạnh.
 - b) khí hậu lạnh, đồi cỏ mát rờn, mây trắng.
 - c) khí hậu lạnh, đồi cỏ mát rờn, nông trường.
 - d) khí hậu lạnh, đồi cỏ mát rờn.

(1) Bài trắc nghiệm đọc hiểu này do tác giả biên soạn.

3. Bài đọc cho bạn biết Hà Nội đang vào mùa nào? (Kết quả 3)
- xuân
 - hè
 - thu
 - đông
4. Có mấy mùi vị được nói đến trong bài đọc? (Kết quả 2)
- 2
 - 3
 - 4
 - 5
5. Bài đọc cho bạn biết hai ngành sản xuất của Tây Bắc là: (Kết quả 2)
- nuôi bò và trồng hoa
 - nuôi bò và trồng cỏ.
 - nuôi bò và trồng cà phê.
 - nuôi bò và bán phở.

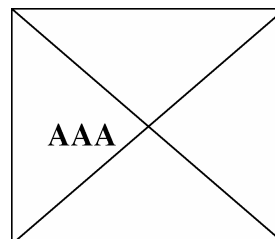
2. BÀI TRẮC NGHIỆM MÔN TOÁN – LỚP 5

Mỗi bài dưới đây có nêu kèm theo một số câu trả lời a, b, c, d (là đáp số, kết quả tính...).
 Hãy khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Trong các số sau đây, số nào lớn hơn 2398 và bé hơn 2410?
- 2389
 - 2396
 - 2401
 - 2104
2. Tổng của 8 chục, 5 đơn vị và 6 trăm là số:
- 865
 - 856
 - 685
 - 658
3. Tìm kết quả:
- $$\begin{array}{r} 341,08 \\ + 215,34 \\ \hline 50,45 \end{array}$$
- 506,87
 - 506,77
 - 606,77
 - 606,87

4. Phân số biểu thị phần chứa ba chữ A là:

- 1/4
- 5/6
- 1/2
- 1/6



5. Tìm số thích hợp ở chỗ chấm:

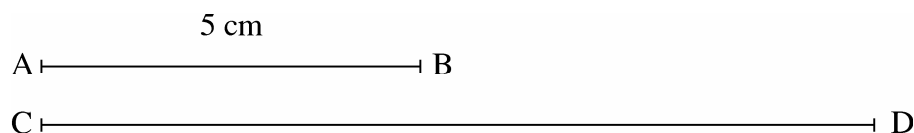
5 km 35 m = m

- a) 535
- b) 5350
- c) 5035
- d) 5305

6. Bình đi được 100m trong 2 phút. Hỏi để đi được 1 km, Bình phải đi trong bao lâu?

- a) 10 phút
- b) 50 phút
- c) 2 giờ
- d) 20 phút

7.



Không dùng thước đo, hãy cho biết đoạn thẳng CD dài khoảng bao nhiêu cm?

- a) khoảng 7 cm
- b) khoảng 11 cm
- c) khoảng 9 cm
- d) khoảng 15 cm

*(Theo Tài liệu tập huấn về đổi mới đánh giá ở tiểu học, Vụ Giáo viên,
Bộ Giáo dục và Đào tạo 1999, tr. 39-40)*

3. BÀI TRẮC NGHIỆM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5

Từ ngữ

1. Đọc dòng sau, chọn một từ thích hợp trong ngoặc để điền vào chỗ trống cho thành câu.
Cây cam nhà em rất quả. (*đông đúc, san sát, nhiều*)
2. Đọc các từ sau, khoanh tròn chữ cái trước từ trái nghĩa với từ “độc ác”.
a) ngoan ngoãn b) hiền lành c) chăm chỉ
3. Đọc những từ và những lời giải nghĩa sau, rồi nối từ “đùm bọc” với một lời giải nghĩa ở cột bên phải cho phù hợp.

a. là quen nhau lâu ngày và biết rõ nhau

đùm bọc

b. là giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn

c. là sống với nhau vui vẻ vì yêu thương nhau

Đọc các dòng sau, ghi dấu chấm (.) vào ở dòng đã thành câu.

1. Khuôn mặt nụ cười của em bé
2. Những em bé xinh xắn và tinh nghịch ấy
3. Ngoài vườn, hoa cau tỏa hương thơm ngát

Đọc kĩ câu sau:

“Vào những ngày nắng đẹp, chúng em thường rủ nhau bắt sâu, nhổ cỏ và tưới nước cho cây trong vườn trường”.

Xác định bộ phận chủ ngữ và bộ phận vị ngữ của câu trên rồi điền từng bộ phận đó vào chỗ trống dưới đây cho phù hợp.

5. Bộ phận chủ ngữ:
6. Bộ phận vị ngữ:

7. Đọc kĩ câu sau, rồi điền dấu thích hợp vào (chỗ ngăn cách các vế câu).

Trời bỗng mưa to nước đổ như trút xuống sân nhà em.

8. Đọc các vế câu dưới đây, rồi nối vế câu ở bên trái với một vế câu ở bên phải để tạo thành câu ghép.

a) nên bạn ấy rất kiêu căng

Tuy bạn Hùng học rất giỏi

b) nhưng bạn ấy rất khiêm tốn

c) thì các bạn trong lớp rất quý trọng bạn ấy

9. Đọc các câu sau, ghi dấu chấm (.), dấu chấm hỏi (?) vào các ở cuối câu (a) và cuối câu (b) cho phù hợp.

Bé hỏi Chích bông:

- a) Chích bông ơi, Chích bông làm gì thế
- b) Chúng em bắt sâu

Đọc hiểu

Đọc bài sau:

Trăng khoe: trăng tỏ hơn đèn.

Cớ sao trăng lại chịu luôn đám mây?

Đèn khoe: đèn tỏ hơn trăng.

Đèn ra trước gió còn chẳng hơi đèn?

Khoanh tròn chữ cái trước một câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

10. Trăng nói về mình như thế nào?
- a) Ánh trăng rất đẹp.
 - b) Ánh trăng sáng hơn ánh đèn.
 - c) Trăng không bao giờ bị mây che.
11. Đèn nói về mình như thế nào?
- a) Ánh sáng đèn rất đẹp.
 - b) Ánh đèn sáng hơn ánh trăng.
 - c) Ánh đèn không bao giờ bị gió thổi tắt.
12. Bài này nói với chúng ta điều gì?
- a) Ánh trăng sáng hơn ánh đèn vì ánh trăng không bị gió thổi tắt.
 - b) Ánh đèn sáng hơn ánh trăng vì ánh đèn không bị mây che mờ.
 - c) Mỗi người đều có thể có điểm yếu, chớ nên khoe khoang về mình quá đáng.

Đọc câu chuyện sau:

Vào một buổi sáng đẹp trời, bên bờ sông, một con Rùa đang cố sức tập chạy. Thỏ trong thấy, bèn mỉa mai Rùa:

– Đồ chậm như Sên, mà y mà cũng đòi tập chạy à?

Rùa bực mình nói:

– Anh chớ nên coi thường tôi, tôi với anh thử chạy thi xem ai chạy nhanh hơn.

Thỏ vênh vang đắc thắng:

– Được! Được! Mà y dám thi với ta sao? Ta chấp mi một nửa đường đó.

Vào cuộc thi, Rùa ra sức chạy, nó rập mình để chạy nhanh hơn. Trong lúc đó, Thỏ ta nhón như đuôi bướm, hái hoa. Nó nghĩ: để Rùa gần tới đích nó chạy cũng vừa. Nó mãi chơi quá, quên mất cuộc thi, đến khi nhìn lên thấy Rùa gần tới đích, nó liền ba chân bốn cẳng chạy vất chân lên cổ, nhưng không kịp rồi, Rùa đã tới đích trước nó. Thỏ ta xấu hổ quá, chạy thẳng vào rừng.

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng cho mỗi câu hỏi sau:

13. Vì sao Rùa đề nghị Thỏ chạy thi với mình?
- a) Vì Rùa nghĩ mình chạy nhanh hơn Thỏ nên sẽ thắng.
 - b) Vì Rùa biết Thỏ chủ quan nên chắc Thỏ sẽ thua.
 - c) Vì Rùa có mưu kế làm cho Thỏ phải chịu thua.
14. Vì sao khi cuộc thi kết thúc, Thỏ lại xấu hổ?
- a) Vì Thỏ nhận ra mình chạy chậm hơn Rùa.
 - b) Vì Thỏ nhận ra mình đã quá kiêu căng và coi thường Rùa nên đã bị Rùa dạy cho một bài học đích đáng.

15. Viết tiếp vào chỗ trống ý của em để hoàn thành lời tóm tắt câu chuyện này.

Thấy Rùa tập chạy, Thỏ tỏ ý khinh thường và chế giễu. Rùa đề nghị Thỏ chạy thi với mình. Trong cuộc thi, Rùa cố gắng chạy nhanh, còn Thỏ do

.....
.....

16. Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng cho câu hỏi sau:

Trong các ý sau, ý nào là ý đúng nhất mà câu chuyện muốn nói với chúng ta?

a) Thỏ là con vật rất tài.

b) Rùa là con vật rất tốt.

c) Không nên kiêu căng mà cần phải tôn trọng và có lòng quyết tâm.

*(Theo Tài liệu tập huấn về đổi mới đánh giá ở tiểu học, Vụ Giáo viên,
Bộ Giáo dục và Đào tạo, 1999, tr. 60-63)*

PHỤ LỤC 4

PHÂN TÍCH VÀ NHẬN XÉT MỘT SỐ BÀI TRẮC NGHIỆM⁽¹⁾

1. BÀI TỰ LUẬN

a) *Phân tích các kĩ năng kiến thức được thể hiện trong ba đề tự luận:*

Đề	Kĩ năng, kiến thức được đánh giá
1. Giới thiệu về một loài chim mà em biết..	Hiểu biết về các loài chim. Kĩ năng diễn đạt phù hợp với chủ đề. Sử dụng từ, đặt câu và viết đoạn. Áp dụng cách làm văn thuyết minh hoặc miêu tả.
2. Nêu vòng đời của ếch.	Nhắc lại kiến thức đã học.
3. Để ốp thêm một mảng tường người dùng hết 9 viên gạch men, mỗi viên gạch hình vuông cạnh 10 cm. Hỏi diện tích mảng tường được ốp thêm bao nhiêu xăng-ti-mét vuông. (Toán lớp 3, tr. 154)	Áp dụng công thức tính diện tích hình vuông Giải toán có 2 bước tính với các mối quan hệ trực tiếp và đơn giản. Viết và trình bày lời giải toán

b) *Phân tích cấu trúc ba đề tự luận sau đây:*

Đề bài:

- a) *Những lợi ích của hàm răng đối với quá trình tiêu hoá.*
- b) *Hàm răng của chúng ta có ích như thế nào trong quá trình tiêu hoá?*
- c) *Hãy tưởng tượng một ngày nào đó bạn không có hàm răng. Điều gì sẽ xảy ra cho quá trình tiêu hoá của bạn?*

Nhận xét:

Xem xét ba đề trên, chúng ta thấy về hình thức, đề (a) và (b) chỉ gồm một phần phát biểu về vấn đề, không có phần phát biểu về tình huống. Còn về nội dung hai đề chỉ đánh giá khả năng tái hiện kiến thức một cách đơn giản, trong lúc đó đề (c) đòi hỏi học sinh thể hiện khả

năng tái tạo và vận dụng kiến thức đã học cho phù hợp với tình huống mới. Mặt khác, về hình thức, đề (c) là một tình huống có sức hấp dẫn sự chú ý và tìm hiểu của học sinh hơn

(1) Các đề bài trong *Phụ lục 4* do tác giả chọn lọc và biên soạn nhằm mục đích đưa ra những trường hợp sử dụng cụ thể để học viên nắm vững hơn cách sử dụng bài tự luận và bài trắc nghiệm.

2. BÀI TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN – TIẾNG VIỆT LỚP 5

Đề bài

Mỗi câu dưới đây có kèm theo một số câu trả lời a, b, c, d. Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. Từ nào có thể ghép sau từ “đỏ”
a) thắm b) mượt c) ngà d) vàng
2. Ghép “Nam học giỏi...” với một vế để có một câu ghép
a) nhưng Nam không kiêu căng.
b) và rất tốt bụng
c) vì Nam chăm học
4. Ghép “Trời mưa to” với một vế để có một câu ghép chính phụ thể hiện quan hệ nhượng bộ
a) nhưng chúng tôi vẫn đi xem phim.
b) và chúng tôi vẫn đi xem phim.
c) nhưng chúng tôi đi xem phim.
d) tuy vậy, chúng tôi vẫn đi xem phim.
5. Bạn sẽ không dùng dấu phẩy khi
a) ngăn cách thành phần phụ chỉ thời gian với nòng cốt câu.
b) kết thúc một câu.
c) muốn bày tỏ một cảm xúc nào đó.
6. Từ láy là từ:
a) có hai tiếng.
b) có hai tiếng trở lên.
c) có một tiếng láy một tiếng còn lại.
d) có một tiếng láy hoàn toàn hay láy một phần của tiếng còn lại.
7. Cụm từ được gạch dưới trong câu “Dưới sông, vài đứa đang lội bì bõm.” là:
a) bổ ngữ b) tục ngữ c) thành ngữ d) tất cả đều sai

Nhận xét

Qua xem xét bài trắc nghiệm nhiều lựa chọn trên, chúng ta thấy, bài trắc nghiệm đã thoả mãn yêu cầu về mặt cấu trúc hình thức. Tuy nhiên, về nội dung còn một số hạn chế. Những hạn chế này sẽ được nhận ra khi chúng ta bắt tay làm bài trắc nghiệm ấy.

Câu 2: Vì câu đề không nêu rõ loại câu ghép nào nên dẫn đến tình trạng cả hai phương án (a) và (c) đều đúng.

Câu 5: Câu đề là một câu phủ định. Điều này dẫn đến việc cả hai phương án (b) và (c) đều hợp lí.

Câu 6: Nội dung của cả 4 phương án đều mơ hồ.

Câu 7: Đáp án (d) “tất cả đều sai” phủ định cả chính mình. Có nghĩa là ba phương án (a), (b), (c), sai và cả (d) cũng sai. Hãy cẩn thận khi sử dụng phương án “Tất cả đều đúng/sai”.

3. BÀI TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN (TIẾNG VIỆT LỚP 3)

Đề bài

1. Chọn cụm từ "*mới làm nên*" hoặc "*không làm nên*" điền vào chỗ trống:

Câu thơ “Một thân lúa chín, chẳng nên mùa vàng” có nghĩa là:

- a) Một thân lúa chín mùa lúa chín.
- b) Nhiều thân lúa chín mùa lúa chín.

2. Viết tên bài tập đọc trong tuần tương ứng với nội dung chính của bài đó

Nội dung chính	Tên bài đọc
a) Con người sống giữa cộng đồng phải yêu thương anh em bè bạn, đồng chí.	
b) Mọi người trong cộng đồng cần quan tâm, chia sẻ với nhau niềm vui, nỗi buồn, khó khăn.	
c) Bạn nhỏ rất yêu gia đình bác thợ gạch, gia đình bác cũng rất quý mến bạn.	

3. Vì sao có thể đặt tên truyện “Các em nhỏ và cụ già” là “Những đứa trẻ tốt bụng”?

4. Tìm từ chứa tiếng có vần “uôn” hoặc “uông” có nghĩa như sau:

- a) Trái nghĩa với vui:
- b) Nghĩa mẹ được ví như nước ở nơi này:
- c) Nơi nuôi, nhốt các con vật:
- d) Nắn cong một thanh sắt:

Nhận xét

Câu 1: Mục đích của câu này là muốn đo khả năng hiểu câu thơ của học sinh. Thế nhưng hai cụm từ được nêu ra để điền về cơ bản không khác (“*không làm nên*” và “*mới làm nên*”) với từ vốn đã có trong câu thơ (“*chẳng nên*”). Như vậy, cách đưa đáp án có tính chất mớm sẵn.

Câu 2: Nắm nội dung chính của một bài đọc trong lúc đọc là một kĩ năng đọc hiểu cao cấp. Tuy nhiên, câu trắc nghiệm ở đây dù đòi hỏi học sinh nêu tên bài đọc tương ứng với các nội

dung chính đã cho sẵn vẫn không kiểm tra khả năng nắm ý chính mà thiên về kiểm tra khả năng nhận diện hay nhắc nhớ lại những bài đọc đã học, đã tìm hiểu.

Câu 3: Đây là một câu hỏi mở. Vì vậy, câu trả lời cho câu trắc nghiệm trả lời ngắn này có thể sẽ đa dạng và không ngắn (một từ, cụm từ...). Do vậy, câu trắc nghiệm này không thuộc dạng trắc nghiệm trả lời ngắn. Nó có đặc điểm của một câu trắc nghiệm tự luận.

Câu 4: Câu trắc nghiệm này tốt cả về hình thức lẫn nội dung yêu cầu. Với bài này học sinh phải tìm một từ điền vào chỗ trống vừa bảo đảm có nghĩa thích hợp với ngữ cảnh, vừa bảo đảm có chứa vần “uôn” hay “uông”. Căn cứ vào vần để tìm từ giúp giới hạn số lượng từ có thể thích hợp cho mỗi trường hợp đến mức ít nhất là một.

4. BÀI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Đề bài

Gạch chân từ đúng hoặc sai cho mỗi câu dưới đây :

- | | | |
|--|------|-----|
| 1. Rác trên đường phố làm cho em có cảm giác khó chịu. | Đúng | Sai |
| 2. Bao ni-lông là loại rác dễ bị thối rữa. | Đúng | Sai |
| 3. Chúng ta không nên vứt rác ra ngoài đường. | Đúng | Sai |
| 4. Ở nông thôn người ta vất rác xuống sông. | Đúng | Sai |
| 5. Ở thành thị người ta không đổ rác vào các bãi rác. | Đúng | Sai |
| 6. Rác gây ô nhiễm môi trường, chúng ta phải bỏ rác vào đúng chỗ qui định. | Đúng | Sai |

Nhận xét

Khi làm bài trắc nghiệm này, người làm bài sẽ cảm thấy khó thể xác định các phát biểu 1, 4, 5 (1. Rác trên đường phố làm cho em cảm giác khó chịu; 2. Ở nông thôn, người ta vất rác xuống sông.; 3. Ở thành thị người ta không đổ rác vào các bãi rác.) là đúng hay sai bởi vì chúng không phải là sự kiện hay một chân lí hay sự thật nào. Chúng chỉ là những nhận định, phán đoán có tính cá nhân. Việc xác định đúng hay sai tùy vào kinh nghiệm đã trải qua hoặc cách nhìn nhận của mỗi người. Nếu đáp án định sẵn đúng hay sai thì chẳng qua chỉ là gò ép. Trong khi biên soạn trắc nghiệm đúng sai, cần tránh những trường hợp như thế này.

PHỤ LỤC 5

ĐÁNH GIÁ ĐỘ TIN CẬY CỦA BÀI TRẮC NGHIỆM

1. Khái niệm: Độ tin cậy là một đại lượng toán học cho biết tính ổn định của một phép đo. Bài trắc nghiệm tốt đòi hỏi phải đạt độ tin cậy.

2. Phương pháp xác định độ tin cậy của bài trắc nghiệm:

2.1. Phương pháp dùng các bài trắc nghiệm tương đương

a) Cách tiến hành: Sử dụng hai bài trắc nghiệm tương đương nhau đối với cùng một nhóm đối tượng. Sau đó, tính hệ số tương quan của hai tập hợp kết quả.

b) Đặc điểm

- Không cần quan tâm đến yếu tố thời gian giữa hai bài trắc nghiệm.
- Chỉ nên áp dụng với các môn học đã có sẵn ngân hàng đề thi lớn.
- Có thể dùng các bài trắc nghiệm tương đương cho phương pháp kiểm tra lặp

2.2. Phương pháp kiểm tra lặp

a) Cách tiến hành: áp dụng một bài trắc nghiệm lên cùng một nhóm đối tượng hai lần, sau một khoảng thời gian nhất định nào đó. Sau đó tính hệ số tương quan (HSTQ) của hai tập hợp kết quả.

b) Đặc điểm

- Nếu khoảng thời gian quá ngắn, người học có thể nhớ được một phần của bài trắc nghiệm, vì vậy ảnh hưởng đến độ tin cậy.
- Nếu khoảng thời gian quá dài, có thể có những tác động khác làm thay đổi kết quả của lần trắc nghiệm sau, vì vậy ảnh hưởng đến độ tin cậy.
- Phương pháp này còn được dùng để đánh giá tính ổn định về một (hay nhiều) đặc trưng nào đó của người học.

2.3. Phương pháp tách đôi bài trắc nghiệm

a) Cách tiến hành: Giáo viên chấm điểm riêng cho các câu chẵn và các câu lẻ với mỗi người học. Sau đó tính HSTQ giữa hai tập hợp kết quả ấy. HSTQ của cả bài trắc nghiệm được suy ra từ công thức Spearman-Brown như sau:

$$\text{HSTQ cả bài} = 2 \times \text{HSTQ (tách đôi)} / 1 + \text{HSTQ (tách đôi)}$$

b) Đặc điểm

- Chỉ cần áp dụng một bài trắc nghiệm.
- Kết quả cho biết tính ổn định bên trong của một bài trắc nghiệm.

3. Các yếu tố ảnh hưởng đến độ tin cậy của bài trắc nghiệm:

3.1. Độ khó của bài trắc nghiệm

3.2. Độ dài của bài trắc nghiệm

CÁC QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO TRIỂN KHAI ĐÁNH GIÁ Ở TIỂU HỌC

Hoạt động :

Tìm hiểu quan điểm chỉ đạo đổi mới đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học

Nhiệm vụ 1: Đọc các đoạn văn dưới đây. Sau khi đọc xong mỗi đoạn, các bạn hãy điền vào các câu in đậm ở đầu mỗi đoạn. (Xem đáp án ngay bên dưới phần thông tin cơ bản.)

Nhiệm vụ 2: Thảo luận theo nhóm về vấn đề sau:

Bạn có nhận ra mối liên hệ giữa quan điểm chỉ đạo đổi mới đánh giá kết quả giáo dục ở tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo với những kiến thức nào đó về kiểm tra đánh giá đã học? Đó là những kiến thức nào?

Thông tin cơ bản

Đổi mới đánh giá kết quả học tập để

Lâu nay, đôi khi chúng ta đã quá quen thuộc đến dễ dàng chấp nhận sự “đổi ngôi” giữa mục tiêu và biện pháp giáo dục. Chúng ta đều thừa nhận sự chiếm lĩnh tri thức của trẻ mới là mục tiêu giáo dục, mục tiêu của việc dạy học, chứ không phải là điểm số. Điểm số chỉ là phương tiện, là sự đánh giá trong một thời điểm nhất định để giáo viên điều chỉnh cách dạy cho phù hợp với đối tượng đã được đánh giá. Nhưng ngày nay, điểm số đã trở thành mục tiêu mà người lớn muốn trẻ phải có, phải đạt được. Thậm chí, nhiều cha mẹ học sinh không cần biết trẻ hiểu gì, cần gì, chỉ cần thấy con được điểm 10 là hãnh diện với người thân, với bạn bè và đồng nghiệp. Đôi khi, có những môn học cha mẹ học sinh làm hoặc thuê người khác làm thay cho trẻ như môn Thủ công, Mĩ thuật... Vậy mà khi học sinh đạt điểm 10, cha mẹ thầy cô vẫn thấy hài lòng và để học sinh chấp nhận như là sản phẩm của chính mình. (Thứ trưởng Đặng Huỳnh Mai, 2003).

Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học

Có nhiều người đang tự hỏi vì sao chỉ tính điểm trung bình ở hai môn Toán và Tiếng Việt? Như chúng ta đã biết, Toán và Tiếng Việt là hai môn công cụ, không có vốn tiếng Việt và sự hiểu biết về môn Toán, học sinh khó mà học được các môn học khác và cũng không học được ở lớp kế tiếp. Khả năng học vấn của trẻ tạm thời được nhìn nhận và đánh giá thông qua hai môn công cụ. Với các môn còn lại, việc dạy học là để giúp học sinh khơi dậy tiềm năng, từng bước, từng bước một. Chính giáo viên sẽ là người góp phần phát hiện tài năng của trẻ phục vụ công tác đào tạo cho xã hội ở nhiều lĩnh vực khác nhau như văn hoá, xã hội, nghệ thuật... trong tương lai. Các môn này không phải là những môn học quyết định sự lưu ban của trẻ, vì xét cho cùng âm nhạc, thể dục, nghệ thuật..., học sinh sẽ được học dần trong nhiều năm và tài năng có thể bộc lộ trong một thời kì nhất định nào đó.

Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học nhằm

Về mẫu đề kiểm tra chung, ngành Giáo dục và Đào tạo mong rằng toàn xã hội nhìn nhận lại việc kiểm tra học kì. Kiểm tra học kì hoàn toàn không phải là công tác tuyển sinh từ học kì này sang học kì khác ở bậc tiểu học: Kiểm tra học kì chính là một tiết học mà học sinh tập trung cao độ sau nửa năm học (đối với học kì I) hoặc cả năm (đối với học kì II).

..... Việc đưa ra những yêu cầu chung về kiến thức cần kiểm tra ở mỗi học kì sẽ giúp cho ngành giải quyết rất nhiều vấn đề, cụ thể:

- (1) Đảm bảo sự công bằng trong việc trang bị kiến thức cơ bản (chuẩn) đối với trẻ. Học sinh dù sống ở đồng bằng, miền núi ... đều phải có cùng một kiến thức cơ bản cần thiết. Sự khác nhau là số lượng và mức độ vận dụng ở chiều sâu hay còn gọi là sự phát triển tư duy cho trẻ.
- (2) Yếu tố quyết định việc kiểm tra chính là sự hiểu biết của trẻ, điểm số trên bài kiểm tra phải là con số “biết nói” để qua đó giáo viên cũng như cha mẹ biết trẻ có được gì, cần gì và người lớn phải làm gì cho trẻ.
- (3) Dựa vào chuẩn kiến thức chung, cha mẹ học sinh cũng có thể tự ra đề kiểm tra con em mình sau một học kì. Cán bộ thanh tra khi đến bất cứ một trường học nào trong nước sẽ có một đề kiểm tra cụ thể để nắm khả năng học tập của trẻ, cách dạy của thầy.

Nếu có một học sinh vì lí do chính đáng nào đó không đến lớp để cùng kiểm tra với các bạn, giáo viên có thể cho học sinh kiểm tra vào một ngày khác trong khuôn khổ của mẫu đề chung. Ngoài ra, học sinh lớp học tình thương, trẻ em lang thang hoặc do một hoàn cảnh nào đó chưa được đến trường, chúng ta vẫn có thể giúp trẻ tự học ở gia đình và khi cần hoà nhập thì nhà trường tổ chức kiểm tra vào điểm cuối một học kì hay cuối năm với mẫu đề chung đó. Nếu học sinh chứng tỏ đủ điều kiện (5 điểm trở lên) thì được giải quyết cho hoà nhập vào lớp học kế tiếp....

(Thứ trưởng Đặng Huỳnh Mai, 2003).

Đổi mới đánh giá kết quả học tập là

Do những điều kiện cụ thể của thực trạng dạy học ở tiểu học, chương trình Tiểu học đặt trọng tâm vào đổi mới phương pháp giáo dục và coi đổi mới đánh giá kết quả học tập là một trong những giải pháp chủ chốt để thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục, đổi mới chương trình Tiểu học nói chung. (Đỗ Đình Hoan, 2002, tr. 30)

Chương trình Tiểu học (CTTH) coi trọng và khuyến khích dạy học trên cơ sở hoạt động học tập tích cực chủ động, sáng tạo của học sinh; giúp học sinh tự phát hiện và tự giải quyết các vấn đề của bài học, do đó học sinh có thể tự chiếm lĩnh các kiến thức và biết vận dụng chúng với sự hỗ trợ hợp lí của giáo viên và môi trường giáo dục. Một trong những dấu hiệu đổi mới phương pháp giáo dục ở tiểu học là học sinh hoạt động và hoạt động đó phải hướng tới sự phát triển năng lực cá nhân học sinh. Để có thể tổ chức các hoạt động như vậy, nội dung dạy học phải rất tinh giản và được xây dựng theo tình huống đòi hỏi người học phải tự tìm tòi, khám phá, chiếm lĩnh và vận dụng. Cách dạy học mới sẽ xoá dần cách dạy học “áp đặt” cái có sẵn, dạy học theo kiểu “bình quân”, “đồng loạt” (Đỗ Đình Hoan, 2002, tr. 31).

CTTH thực hiện đổi mới đánh giá kết quả học tập (KQHT) của học sinh, cụ thể là:

- Hướng dẫn đổi mới đánh giá KQHT theo đặc trưng của bộ môn trong chương trình từng môn học. Định hướng chung là: Kế thừa các ưu điểm của cách đánh giá truyền thống và đặt đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan đúng với vị trí của nó; **phối hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa các hình thức đánh giá (bằng vấn đáp, bằng**

viết,); đặc biệt, việc kiểm tra, thi đều thực hiện theo trình độ chuẩn của CTTH. (Đỗ Đình Hoan, 2002, tr. 33).

- Quan tâm phối hợp các dạng bài tập truyền thống với các dạng bài trắc nghiệm khi biên soạn sách giáo khoa, sách giáo viên để giúp giáo viên và học sinh tận dụng ưu điểm của từng dạng bài tập và làm quen dần với các dạng bài trắc nghiệm ...
- Các bộ đề kiểm tra đều phối hợp các dạng bài tập (truyền thống và trắc nghiệm khách quan). Đặc biệt, các bài kiểm tra lớn đều sử dụng các bộ đề trắc nghiệm nhiều lựa chọn để kiểm tra được toàn diện, khách quan, sử dụng phương tiện kỹ thuật trong chấm bài và xử lý kết quả làm bài của học sinh ...
- Chỉ đánh giá bằng điểm số đối với Tiếng Việt, Toán ở các lớp 1, 2, 3 và đối với Tiếng Việt, Toán, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở các lớp 4, 5. Các môn học khác chỉ đánh giá bằng nhận xét để khuyến khích học sinh hoàn thành các nhiệm vụ học tập ngay ở nhà trường, không giao bài tập làm ở nhà. (Đỗ Đình Hoan, 2002, tr.42).

Đổi mới đánh giá KQHT theo

Đánh giá KQHT môn Tiếng Việt:

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được đổi mới để trở thành một động lực quan trọng thúc đẩy học sinh học tập và một công cụ quản lý chất lượng môn học. Về nguyên tắc, các nội dung học tập nêu trong chương trình đều phải được đánh giá. Tuy nhiên, những nội dung khác nhau sẽ có những cách đánh giá khác nhau: các kỹ năng nghe, nói, đọc thành tiếng, viết chữ sẽ đánh giá bằng nhận xét những sản phẩm của học sinh; những kỹ năng đọc hiểu, dùng từ đặt câu, những kiến thức về quy tắc chính tả, từ vựng, ngữ pháp sẽ đánh giá bằng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi mở; những kỹ năng viết đoạn văn, bài văn sẽ đánh giá bằng bài kiểm tra viết... (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 26)

Đánh giá KQHT môn Toán

... Thời gian chủ yếu để dạy học toán ở tiểu học là thời gian thực hành, luyện tập về tính, đo lường và giải toán, ... góp phần thiết thực vào việc hình thành phương pháp suy nghĩ, phương pháp học tập và làm việc tích cực, chủ động, khoa học, và sáng tạo giải quyết vấn đề cho học sinh.

... Xây dựng bộ công cụ đánh giá kết quả học tập toán của học sinh, góp phần đổi mới nội dung và hình thức tổ chức đánh giá chất lượng dạy toán ở tiểu học. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 40 và 41)

Đánh giá KQHT môn Đạo đức

Đánh giá kết quả học tập môn Đạo đức của học sinh trên tất cả các mặt: kiến thức, thái độ, kỹ năng, hành vi ứng xử của các em ở gia đình, nhà trường và cộng đồng. Hình thức đánh giá là giáo viên nhận xét dựa trên tự đánh giá của học sinh, kết hợp với đánh giá của tập thể học sinh, của cha mẹ, của phụ trách Đội, phụ trách Sao, của cộng đồng nơi ở.

Việc dạy học môn Đạo đức phải gắn với việc dạy các môn học và các hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 49)

Đánh giá KQHT Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2 và 3

Đánh giá kết quả học tập môn Tự nhiên và Xã hội cần quan tâm đến các mặt: kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mục đích của việc đánh giá là nhằm uốn nắn những sai sót về kiến thức, kỹ năng, phát hiện những khó khăn của học sinh trong quá trình học tập, vì vậy giáo viên phải chú trọng đến việc đánh giá bằng lời nhận xét cụ thể. Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện cho học sinh tự đánh giá lẫn nhau thông qua các hoạt động cá nhân, học nhóm. Hình thức đánh giá: vấn đáp, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm hoặc câu hỏi mở. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 53).

Đánh giá KQHT môn Khoa học ở lớp 4 và 5

Việc đánh giá kết quả học tập môn Khoa học cần phải quan tâm đến tất cả các mặt: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Giáo viên cần phối hợp các hình thức đánh giá: vấn đáp, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm, câu hỏi mở, làm thí nghiệm thực hành..., kết hợp việc cho điểm với nhận xét để giúp học sinh nhận ra những kiến thức, kỹ năng... cần bổ sung. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 57).

Đánh giá KQHT môn Lịch sử và Địa lí ở lớp 4 và 5

Giáo viên đánh giá kết quả học tập của học sinh theo yêu cầu sau:

- Học sinh không phải học thuộc lòng các câu chữ trong sách giáo khoa hay vở ghi bài mà cần trình bày các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử, địa lí bằng chính ngôn ngữ của mình một cách chính xác và sinh động.
- Bài làm của học sinh cần có sự phân tích, tổng hợp, khái quát nhưng chỉ ở mức độ đơn giản. Ví dụ, học sinh có thể tìm ra một, hai đặc điểm tiêu biểu nhất của một sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử

(Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 65-66).

Đánh giá KQHT môn Nghệ thuật ở lớp 1, 2 và 3

Đặc trưng của việc dạy học môn Nghệ thuật là các hoạt động thực hành. Hoạt động thực hành chiếm phần lớn thời gian của bài học. Thông qua thực hành, học sinh nắm được kiến thức và rèn luyện được một số kỹ năng về hát, vẽ, nặn thủ công... Kết quả học tập của học sinh trong các giờ học Nghệ thuật được đánh giá qua thành tích và thái độ học tập của các em. Giáo viên cần khích lệ khen ngợi các em có nhiều cố gắng, sáng tạo để hoàn thành nhiệm vụ bài học và động viên, giúp đỡ các em còn yếu.

Về phần Âm nhạc, học sinh cần hát đúng lời ca.

Về phần Mĩ thuật, học sinh cần hoàn thành bài tập vẽ hoặc nặn theo yêu cầu.

Về phần Thủ công, học sinh cần hoàn thành sản phẩm theo yêu cầu ngay tại lớp.

(Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 73-74).

Đánh giá KQHT môn Âm nhạc ở lớp 4 và 5

Để đánh giá kết quả học tập âm nhạc của học sinh phải tăng cường kiểm tra thực hành theo nhóm và cá nhân. Rất hạn chế kiểm tra viết. Giáo viên nhận xét, khen ngợi, khuyến khích những em có tinh thần thái độ học tập tốt, có thành tích trong việc tiếp thu kiến thức và thực hành. Giúp đỡ, động viên các em chưa hoàn thành bài học theo yêu cầu. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 77).

Đánh giá KQHT môn Mĩ thuật ở lớp 4 và 5

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành các bài tập thực hành được giao và tinh thần, thái độ học tập bộ môn. Giáo viên cần khích lệ, khen ngợi những học sinh có ý thức học tập, bộc lộ năng khiếu mỹ thuật, giúp đỡ, hướng dẫn cho tất cả các em trong lớp hoàn thành nhiệm vụ bài học. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 80).

Đánh giá KQHT môn Kỹ thuật ở lớp 4 và 5

Kết quả học tập của học sinh được đánh giá dựa trên mức độ hoàn thành các sản phẩm thực hành được giao và tinh thần, thái độ học tập bộ môn. Những học sinh hoàn thành sản phẩm thực hành ngay tại lớp theo yêu cầu mỗi bài học, có ý thức chuẩn bị bài, tích cực học tập cần được biểu dương, khen ngợi kịp thời. Những học sinh khả năng thực hành yếu, giáo viên cần giúp đỡ động viên để tất cả cùng hoàn thành nhiệm vụ. (Chương trình Tiểu học, 2002, tr.85).

Đánh giá KQHT môn Thể dục

Đặc điểm cơ bản của dạy – học Thể dục là **tập luyện**. Khi đánh giá kết quả học tập của học sinh, nên cho các em tự nhận xét. Sau đó giáo viên có thể nhận xét về:

- Kết quả học tập chung của toàn lớp. (chẳng hạn, đã hoàn thành được những mục tiêu cơ bản của bài học chưa, tiết học có sinh động không, học sinh có hứng thú trong tập luyện không, mức độ vận động của học sinh đã hợp lí chưa, cần rút kinh nghiệm những gì để các tiết học sau đạt kết quả tốt hơn,...)
- Kết quả học tập của học sinh. (chẳng hạn, những học sinh nào đã hoàn thành các nhiệm vụ học tập, những học sinh nào cần được chỉ dẫn thêm và phải cố gắng hơn để hoàn thành nhiệm vụ học tập, ...). (Chương trình Tiểu học, 2002, tr. 93-94).

Đáp án:

- Đổi mới đánh giá kết quả học tập để làm cho trẻ cần sự hiểu biết chứ không phải là cần điểm số.
- Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học nhằm giảm tải học tập cho trẻ.
- Đổi mới đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học nhằm tạo điều kiện cho mọi trẻ được hưởng giáo dục của xã hội.
- Đổi mới đánh giá kết quả học tập là một trong những giải pháp chủ chốt để thực hiện đổi mới phương pháp giáo dục, đổi mới chương trình Tiểu học nói chung.
- Đổi mới đánh giá KQHT theo đặc trưng của bộ môn trong chương trình từng môn học.

PHỤ LỤC 7
VĂN BẢN ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI HỌC SINH TIỂU HỌC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số 30/2005/QĐ-BGD&ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 5/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và Đào tạo ;

Căn cứ Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội ;

Căn cứ Quyết định số 22/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường Tiểu học ;

Căn cứ Quyết định số 43/2001/QĐ-BGD&ĐT ngày 9/11/2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Tiểu học ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế cho quyết định số 29/2004/QĐ-BGD&ĐT ngày 1/9/2004 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định tạm thời về đánh giá, xếp loại học sinh lớp 1, 2, 3. Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận :

- VP Chủ tịch nước;
- VP Quốc hội;
- VP Chính phủ;
- Ban KGTU;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ LĐ-TB-XH;
- UBDS, GD&TE VN;
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ GDTH, Vụ PC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG

Đặng Huỳnh Mai

(đã kí và đóng dấu)

QUY ĐỊNH

Đánh giá và xếp loại học sinh Tiểu học

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2005/QĐ-BGD&ĐT
ngày 30/09/2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định việc đánh giá và xếp loại học sinh tiểu học, bao gồm: đánh giá và xếp loại hạnh kiểm; đánh giá và xếp loại học lực; sử dụng kết quả đánh giá và xếp loại; trách nhiệm của hiệu trưởng, giáo viên và học sinh trong việc đánh giá và xếp loại.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

1. Góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung chương trình và các mặt hoạt động giáo dục.
2. Góp phần thực hiện đổi mới phương pháp dạy và học nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo, tự tin cho học sinh tiểu học.
3. Khuyến khích học sinh học tập liên tục, đảm bảo sự công bằng trong giáo dục đối với tất cả trẻ em trong độ tuổi giáo dục tiểu học.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá và xếp loại

1. Kết hợp đánh giá định lượng và định tính trong đánh giá và xếp loại.
2. Thực hiện công khai, công bằng, khách quan, chính xác và toàn diện.
3. Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự tiến bộ của học sinh.
4. Phát huy tính năng động, sáng tạo, khả năng tự học, tự đánh giá của học sinh; xây dựng niềm tin, rèn luyện đạo đức theo truyền thống Việt Nam.

Chương II

ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

Điều 4. Nội dung đánh giá

Học sinh được đánh giá về hạnh kiểm theo kết quả thực hiện bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học được quy định cụ thể như sau :

1. Biết vâng lời thầy giáo, cô giáo ; lễ phép trong giao tiếp hằng ngày ; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè.

2. Thực hiện nội quy nhà trường ; đi học đều và đúng giờ ; tích cực tham gia các hoạt động học tập ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập.

3. Giữ gìn và vệ sinh cá nhân ; đầu tóc, quần áo gọn gàng, sạch sẽ ; ăn uống hợp vệ sinh.

4. Tham gia các hoạt động tập thể trong và ngoài giờ lên lớp của trường, của lớp ; giữ gìn, bảo vệ tài sản của trường, lớp và nơi công cộng ; bước đầu biết giữ gìn và bảo vệ môi trường, thực hiện các quy tắc về an toàn giao thông và trật tự xã hội.

Điều 5. Cách đánh giá

1. Học sinh thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học theo quy định đánh giá bằng nhận xét được ghi là thực hiện đầy đủ (Đ).

2. Học sinh chưa thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh tiểu học theo quy định đánh giá bằng nhận xét được ghi là chưa thực hiện đầy đủ (CĐ).

3. Giáo viên ghi nhận xét cụ thể những điểm mà học sinh chưa thực hiện được vào sổ theo dõi của giáo viên để có kế hoạch giúp đỡ và động viên học sinh tự tin trong rèn luyện. Giáo viên có thể gặp riêng cha mẹ học sinh để bàn bạc, trao đổi, thống nhất các biện pháp phối hợp giáo dục học sinh.

Điều 6. Thời điểm đánh giá

Học sinh được đánh giá hạnh kiểm vào cuối học kì I và cuối năm học. Đánh giá là hoạt động thường xuyên của giáo viên, giáo viên cần chú ý đến quá trình tiến bộ của học sinh. Đánh giá cuối năm là quan trọng nhất.

Chương III ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI HỌC LỰC

Điều 7. Đánh giá bằng điểm số

1. Các môn học đánh giá bằng điểm số gồm : Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Tiếng nước ngoài, Tiếng dân tộc, Tin học và các nội dung tự chọn.

2. Các môn học đánh giá bằng điểm số cho điểm từ 1 đến 10, không cho điểm 0 và điểm thập phân ở các lần kiểm tra.

Điều 8. Đánh giá bằng nhận xét

1. Các môn học đánh giá bằng nhận xét gồm :

a) Ở các lớp 1, 2, 3 : Đạo đức, Thể dục, Tự nhiên và Xã hội, Nghệ thuật.

b) Ở các lớp 4, 5: Đạo đức, Thể dục, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kỹ thuật.

2. Các môn học đánh giá bằng nhận xét được đánh giá theo hai mức :

a) Loại Hoàn thành (A) : đạt được yêu cầu cơ bản về kiến thức và kĩ năng của môn học, đạt được từ 50% số nhận xét trở lên trong từng học kì hay cả năm học. Những học sinh đạt loại Hoàn thành nhưng có biểu hiện rõ về năng lực học tập

môn học, đạt 100% số nhận xét trong từng học kì hay cả năm học được giáo viên đánh giá là Hoàn thành tốt (A+) và ghi nhận xét cụ thể trong học bạ để nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng.

b) Loại Chưa hoàn thành (B) : chưa đạt những yêu cầu theo quy định, đạt dưới 50% số nhận xét trong từng học kì hay cả năm học.

Việc đánh giá bằng nhận xét cần nhẹ nhàng, không tạo áp lực cho cả giáo viên và học sinh. Đối với các môn học đánh giá bằng nhận xét cần quan niệm là sự khơi dậy tiềm năng học tập của học sinh.

Điều 9. Đánh giá thường xuyên

1. Việc đánh giá thường xuyên được thực hiện ở tất cả các tiết học theo quy định của chương trình nhằm mục đích theo dõi, động viên, khuyến khích hay nhắc nhở học sinh học tập tiến bộ, đồng thời để giáo viên thực hiện đổi mới phương pháp, điều chỉnh hoạt động giảng dạy, hoạt động giáo dục nhằm đạt hiệu quả thiết thực.

2. Việc đánh giá thường xuyên được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra thường xuyên (KTTX), gồm : kiểm tra miệng, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành, kiểm tra viết (dưới 20 phút).

3. Số lần KTTX tối thiểu cho các môn học trong một tháng như sau :

a) Môn Tiếng Việt có 4 lần;

b) Môn Toán có 2 lần;

c) Môn Khoa học, các môn học và nội dung tự chọn khác có 1 lần;

d) Môn Lịch sử và Địa lí, mỗi phân môn có 1 lần;

e) Các môn (phân môn) còn lại thực hiện theo quy định đánh giá bằng nhận xét được hướng dẫn cụ thể tại Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học.

Điều 10. Đánh giá định kì

1. Việc đánh giá định kì kết quả học tập của học sinh được tiến hành sau từng giai đoạn học tập (giữa học kì I, cuối học kì I, giữa học kì II, cuối học kì II). Đánh giá định kì nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các cấp quản lí chỉ đạo để quản lí quá trình học tập của học sinh và giảng dạy của giáo viên.

2. Việc đánh giá định kì được tiến hành dưới các hình thức kiểm tra định kì (KTĐK), gồm :

a) Kiểm tra miệng, quan sát học sinh học tập hoặc hoạt động, bài tập thực hành đối với các môn đánh giá bằng nhận xét.

b) Kiểm tra viết bằng bài viết bằng hình thức trắc nghiệm, tự luận trong thời gian 1 tiết đối với các môn đánh giá bằng điểm số.

3. Số lần kiểm tra định kì cho các môn học như sau :

a) Môn Tiếng Việt, môn Toán mỗi năm học có 4 lần kiểm tra KTĐK vào giữa học kì I (GKI) và cuối học kì I (CKI), giữa học kì II (GKII) và cuối học kì II (CKII);

b) Môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí, các môn học và nội dung tự chọn khác mỗi năm học có 2 lần KTĐK vào CKI và CKII;

c) Các môn (phân môn) còn lại thực hiện theo quy định đánh giá bằng nhận xét

d) Trường hợp học sinh có kết quả KTĐK bất thường so với kết quả học tập hàng ngày hoặc không đủ số điểm KTĐK đều được bố trí cho làm bài kiểm tra lại để có căn cứ đánh giá về học lực môn và xét khen thưởng.

Điều 11. Đánh giá và xếp loại học lực về từng môn học

Học sinh được xếp loại học lực môn học kì I (HLM.KI), học lực môn học kì II (HLM.KII), và học lực môn cả năm (HLM.N) ở tất cả các môn học.

1. Đối với các môn được đánh giá bằng điểm số :

a. Xác định điểm học lực môn :

– Môn Tiếng Việt và môn Toán :

+ Điểm HLM.KI là trung bình cộng của điểm KTĐK.GKI và điểm KTĐK.CKI.

+ Điểm HLM.KII là trung bình cộng của điểm KTĐK.GKII và điểm KTĐK.CKII.

+ Điểm HLM.N là trung bình cộng của HLM.KI và HLM.KII.

– Môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lí, các môn học và nội dung tự chọn khác :

+ Điểm HLM.KI chính là điểm KTĐK.CKI.

+ Điểm HLM.KII chính là điểm KTĐK.CKII

+ Điểm HLM.N là trung bình cộng của HLM.KI và HLM.KII.

b) Xếp loại học lực môn :

– Loại Giỏi: điểm học lực môn đạt từ 9 đến 10.

– Loại Khá: điểm học lực môn đạt từ 7 đến dưới 9.

– Loại Trung bình: điểm học lực môn đạt từ 5 đến dưới 7.

– Loại Yếu: điểm học lực môn đạt dưới 5.

2. Đối với các môn được đánh giá bằng nhận xét

– HLM.KI chính là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong học kì I.

– HLM.KII chính là kết quả đánh giá dựa trên các nhận xét đạt được trong cả năm.

– HLM.N chính là HLM.KII.

Điều 12. Những quy định khác

1. Đối với các môn học :

a) Môn Tiếng Việt : mỗi lần KTĐK môn Tiếng Việt có 2 bài kiểm tra : Đọc, Viết. Điểm của 2 bài kiểm tra này được quy về 1 điểm chung là trung bình cộng của 2 bài (làm tròn 0,5 thành 1).

b) Môn Lịch sử và Địa lí : mỗi lần KTĐK môn Lịch sử và Địa lí có 2 bài kiểm tra : Lịch sử, Địa lí. Điểm của hai bài kiểm tra này được quy về một điểm chung là trung bình cộng của 2 bài (làm tròn 0,5 thành 1).

2. Đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn :

a) Đối với học sinh khuyết tật, tất cả các bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kì được lưu giữ thành hồ sơ học tập của học sinh. Học sinh khuyết tật học hoà nhập được đánh giá ở những môn học mà học sinh có khả năng theo học bình

thường. Các môn học khác chỉ yêu cầu đánh giá dựa trên sự tiến bộ của chính học sinh.

b) Đối với học sinh lang thang cơ nhờ ở các lớp tình thương có điều kiện chuyển sang lớp chính quy được tổ chức kiểm tra hai môn Toán, Tiếng Việt. Điểm trung bình của hai môn Toán, Tiếng Việt đạt 5 trở lên, không có điểm dưới 4 được xếp vào lớp học phù hợp hoặc được xác nhận học hết chương trình tiểu học.

Chương IV **SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI**

Điều 13. Xét lên lớp

1. Những học sinh có điểm KTĐK.CKII của tất cả các môn học được đánh giá bằng điểm số đạt từ 5 trở lên và HLM.N của các môn (phân môn) đánh giá bằng nhận xét đạt loại Hoàn thành (A) trở lên được lên lớp thẳng.

2. Những học sinh có điểm KTĐK.CKII dưới 5 theo đánh giá bằng điểm số phải kiểm tra lại ; nếu điểm trung bình cộng các môn kiểm tra lại đạt 5 trở lên (làm tròn 0,5 thành 1), trong đó không có môn dưới điểm 4 thì được lên lớp.

Mỗi học sinh có quyền được ôn tập và kiểm tra lại nhiều nhất là 3 lần/ 1 môn học được đánh giá bằng điểm số vào thời điểm cuối năm học hoặc sau hè. Hiệu trưởng có trách nhiệm yêu cầu giáo viên hướng dẫn và tổ chức ôn tập cho học sinh yếu đạt được yêu cầu của mỗi môn học.

Những học sinh xếp loại HLM.KI loại Chưa hoàn thành (B) theo đánh giá bằng nhận xét, cần được giáo viên giúp đỡ ngay trong thời gian học kì II để đạt mức HLM.KII và HLM.N loại Hoàn thành (A).

3. Điểm HLM.N của các môn học Tiếng nước ngoài, Tiếng dân tộc, Tin học và các nội dung tự chọn khác được dùng để khen thưởng, động viên học sinh, không tham gia xét lên lớp.

Điều 14. Xét khen thưởng

1. Xét khen thưởng cho những học sinh được lên lớp thẳng theo các mức sau:

a) Khen thưởng danh hiệu Học sinh Giỏi cho những học sinh được nhận xét thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh và điểm HLM.N của các môn học : Toán, Tiếng Việt (ở lớp 1, 2, 3); Toán, Tiếng Việt, Khoa học, Lịch sử và Địa lí (ở lớp 4, 5) đạt loại Giỏi, HLM.N của các môn (phân môn) đánh giá bằng nhận xét đạt loại Hoàn thành (A) ;

b) Khen thưởng danh hiệu Học sinh Tiên tiến cho những học sinh được nhận xét thực hiện đầy đủ bốn nhiệm vụ của học sinh và điểm HLM.N của một trong các môn đánh giá bằng điểm số đạt loại Giỏi, các môn còn lại đạt loại Khá trở lên, các môn (phân môn) đánh giá bằng nhận xét đạt HLM.N loại Hoàn thành (A).

2. Xét khen thưởng thành tích từng môn học, từng mặt cho các học sinh chưa đạt các danh hiệu trên theo các mức sau :

- a) Khen thưởng cho những học sinh đạt HLM.N của từng môn học đạt loại Giỏi.
- b) Khen thưởng cho những học sinh có tiến bộ từng mặt trong học tập, rèn luyện nói chung (đặc biệt là đối với học sinh khuyết tật).

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA HIỆU TRƯỞNG, GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH TRONG ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 15. Trách nhiệm của hiệu trưởng

1. Tổ chức, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đánh giá, xếp loại học sinh của giáo viên phụ trách lớp.
2. Duyệt kết quả đánh giá, nhận xét, xếp loại cuối học kì I, cuối năm học của các lớp và chỉ đạo việc xét cho học sinh lên lớp hay kiểm tra lại. Kí tên xác nhận kết quả ở học bạ sau khi năm học kết thúc.
3. Tiếp nhận và giải quyết các ý kiến của học sinh, khiếu nại của cha mẹ hoặc người giám hộ về đánh giá, nhận xét, xếp loại theo phạm vi và quyền hạn của mình. Thời gian trả lời khiếu nại chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại.
4. Tổ chức và quản lí các hồ sơ về nhận xét, đánh giá, xếp loại học sinh. Quản lí các bài kiểm tra định kì của học sinh trong suốt 5 năm ở cấp tiểu học.
5. Cùng tập thể sư phạm quyết định về số học sinh tiêu biểu được lựa chọn từ số học sinh giỏi của trường, trên cơ sở xét tổng hợp nhiều mặt giáo dục, rèn luyện và các hoạt động khác.

Điều 16. Trách nhiệm của giáo viên phụ trách lớp

1. Chịu trách nhiệm chính trong việc đánh giá, xếp loại học sinh theo quy định.
2. Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại hạnh kiểm, xếp loại học lực của từng học sinh cho cha mẹ hoặc người giám hộ và ghi đủ vào các loại hồ sơ quản lí học sinh theo quy định. Không thông báo trước lớp và trong cuộc họp cha mẹ học sinh những điểm chưa tốt của từng học sinh.
3. Hoàn thành hồ sơ về đánh giá, xếp loại học sinh, lưu giữ bài kiểm tra học kì, bài kiểm tra thường xuyên của học sinh khuyết tật, bàn giao kết quả học tập và rèn luyện của từng học sinh cho giáo viên phụ trách lớp kế tiếp.

Điều 17. Trách nhiệm và quyền lợi của học sinh

1. Thực hiện tốt các nhiệm vụ quy định trong Điều lệ trường tiểu học, ban hành theo Quyết định số 22/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11 tháng 7 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ; tiếp thu sự giáo dục của nhà trường để luôn tiến bộ.
2. Có quyền nêu ý kiến và nhận được sự giải thích, hướng dẫn của giáo viên phụ trách lớp, của Hiệu trưởng nhà trường khi thấy mình chưa được đánh giá, nhận xét, xếp loại chính xác, công bằng.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Huỳnh Mai
(đã kí và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1

BẢNG PHÂN LOẠI MỨC ĐỘ NHẬN THỨC THEO MÔ HÌNH BLOOM (1956)

STT	Mô tả những phân loại chủ yếu trong lĩnh vực nhận thức	Minh họa những mục tiêu giảng huấn tổng quát	Những động từ để đánh giá kết quả học tập
1	Mức độ biết: là mức độ nhớ những kiến thức đã được học. Nhớ lại những sự kiện cụ thể cho đến những lí thuyết từ các tài liệu đã học.	Biết những khái niệm thông dụng. Biết những sự kiện cụ thể (ai, cái gì, bao giờ, ở đâu...). Biết những phương pháp và quá trình thực hiện. Biết những nguyên tắc, quy tắc, quy luật.	Liệt kê, miêu tả, nhận diện, nêu tên, ghi lại, gắn nhãn, nhớ lại, rắp nối...
2	Mức độ hiểu: là khả năng nắm được ý nghĩa của tài liệu. Đó có thể là khả năng chuyển tải tài liệu từ hình thức này sang hình thức khác (bảng từ hoặc bằng số), khả năng giải thích tài liệu và đưa ra những chiều hướng trong tương lai (dự đoán những hình ảnh và kết quả). Mức độ hiểu là bước thứ hai đi sau mức độ biết là chỉ ghi nhớ tài liệu. Và đây là mức độ thấp nhất của việc hiểu.	Hiểu những sự kiện và những nguyên tắc. Giải thích bằng lời tài liệu đã học. Giải thích mô hình, sơ đồ, biểu đồ. Chuyển bài học từ lời nói sang công thức toán học. Nhận xét những phương pháp và quá trình thực hiện. Lượng giá kết quả từ những số liệu thống kê.	Tóm tắt, diễn đạt lại bằng lời của mình, giải thích mối quan hệ, giải thích mở rộng, đưa ví dụ, khái quát, dự đoán, viết lại, lập dàn ý nội dung tài liệu, đưa kết luận, dẫn chứng...
3	Mức độ ứng dụng: là khả năng sử dụng những tài liệu đã học vào những tình huống mới và cụ thể. Đó là việc ứng dụng những quy định, những phương pháp, những khái niệm, những quy luật, những lí thuyết. Kết quả học tập trong lĩnh vực này đòi hỏi một mức độ hiểu cao hơn mức độ hiểu.	Áp dụng những nguyên tắc vào tình huống mới. Áp dụng lí thuyết vào những tình huống thực tế. Giải quyết những vấn đề. Xây dựng những biểu đồ, sơ đồ. Trình bày cách sử dụng đúng một quá trình thực hiện	Tính toán, áp dụng, thu thập thông tin, xây dựng, chứng minh, thí nghiệm, biểu diễn, thực hành, vẽ dựng mô hình, sơ đồ, đưa ra cách làm. Giải quyết, sử dụng, liên hệ, khám phá.
4	Mức độ phân tích: khả năng phân chia tài liệu thành những phần nhỏ hơn theo một tổ chức và cấu trúc rõ ràng. Đó là việc nhận biết các phần, phân tích những mối liên hệ giữa các phần và các nguyên tắc tổ chức của chúng. Kết quả học tập ở đây thể hiện mức độ cao của trí tuệ, hơn hẳn mức độ hiểu và áp dụng ở trên, bởi vì nó đòi hỏi hiểu	Nhận biết những giả thiết chưa được phát biểu. Nhận biết tính lô gích trong lí do đưa ra. Phân biệt giữa sự kiện và suy luận. Đánh giá mối liên hệ của các số liệu. Phân tích cấu trúc có tổ chức của công việc (nghệ thuật, âm nhạc, viết).	So sánh và đối chiếu, suy luận, phân biệt, suy diễn, mổ xẻ, vẽ biểu đồ, lập dàn ý, lựa chọn, đưa ra những mối liên hệ, chia nhỏ, lập công thức.

	được cả nội dung và hình thức của cấu trúc tài liệu.		
5	<p>Mức độ tổng hợp: khả năng liên kết các phần vào với nhau để hình thành nên một phần mới. Đó là việc tạo ra một chủ đề hoặc một bài viết thống nhất, một kế hoạch hành động (ví dụ đề cương nghiên cứu). Kết quả học tập ở lĩnh vực này nhấn mạnh những hành vi sáng tạo, hình thành những mẫu và cấu trúc mới.</p>	<p>Viết một chủ đề có bố cục rõ ràng. Viết một bài có nội dung rõ ràng. Viết một câu chuyện ngắn hay thơ. Đề nghị một kế hoạch thực nghiệm. Suy luận kiến thức đã học từ những lĩnh vực khác thành một kế hoạch giải quyết vấn đề. Đưa ra một kế hoạch mới để phân loại những mục tiêu (sự kiện hoặc ý tưởng).</p>	<p>Tạo lập, kết hợp, thiết kế, sáng tạo, tổ chức, thể hiện, xây dựng, tưởng tượng, quy ước, giải thích, lập kế hoạch, sắp xếp lại, cấu trúc lại, liên hệ lại, viết lại, tổng hợp lại.</p>
6	<p>Mức độ đánh giá: khả năng nhận xét giá trị của một tài liệu (một bài thơ, bài phát biểu, tiểu thuyết, đề cương nghiên cứu) cho một mục đích xác định. Đó là những tiêu chí bên trong (tổ chức) hay bên ngoài (liên quan với mục tiêu) và học sinh có thể xác định những tiêu chí đó hoặc có thể tự đưa ra các tiêu chí. Kết quả học tập trong lĩnh vực này là cao nhất trong lĩnh vực nhận thức bởi vì chúng chứa đựng những yếu tố của tất cả các tiêu chí khác, cộng với những nhận xét được dựa trên những tiêu chí rõ ràng và xác định.</p>	<p>Nhận xét tính liên tục của tài liệu được viết. Nhận xét sự phù hợp với kết luận đưa ra từ những số liệu thống kê. Nhận xét giá trị của công việc bằng cách sử dụng những tiêu chí bên trong. Nhận xét giá trị của công việc bằng những tiêu chuẩn từ bên ngoài.</p>	<p>Tranh luận, phê bình, bảo vệ, đánh giá hay lập luận, so sánh, miêu tả, phân biệt, liên hệ lại, giải thích, xếp hạng, tính điểm, ủng hộ, xác minh hoặc hợp thức hoá, giới thiệu.</p>